BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
TRUNG TÂM KHUYẾN NÔNG QUỐC GIA

DIỄN ĐÀN

KHUYẾN NÔNG @ NÔNG NGHIỆP TRỰC TUYẾN

LIÊN KẾT PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT VÙNG NGUYÊN LIỆU PHỤC VỤ CHẾ BIẾN VÀ XUẤT KHẨU

Sơn La, tháng 12 năm 2021

CHƯƠNG TRÌNH
DIỄN ĐÀN KHUYẾN NÔNG @ NÔNG NGHIỆP TRỰC TUYẾN
***Chủ đề:* "Liên kết phát triển sản xuất vùng nguyên liệu phục vụ chế biến và xuất khẩu"**

Thời gian: 02 ngày, ngày 30/11 và 1/12/2021

- Địa điểm:

+ ***Điểm cầu chính:*** Trung tâm Khuyến nông Quốc gia (16 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội); TP. Sơn La, tỉnh Sơn La (Hội trường khách sạn Hoa Ban Trắng, số 31 đường 3/2, phường Quyết Thắng, TP. Sơn La).

+ ***Điểm cầu nhánh:*** 04 điểm cầu tại 04 tỉnh: Hòa Bình, Điện Biên, Ninh Bình, Thanh Hóa.

Thời gian	Nội dung	Thực hiện
Ngày 30/11/2021		
13h30 - 14h00	Đón tiếp đại biểu trong tỉnh Sơn La	Ban tổ chức
13h30 - 16h30	Đại biểu tham quan mô hình tại huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La	Đại biểu
16h30 - 18h00	Đón tiếp đại biểu tại thành phố Sơn La	Ban tổ chức
Ngày 01/12/2021		
7h30 - 8h00	Kết nối các điểm cầu	Ban tổ chức
8h00 - 8h10	Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu	Ban tổ chức
8h10 - 8h20	Khai mạc Diễn đàn	Lãnh đạo TTKNQG
8h20 - 8h30	Phát biểu của Sở Nông nghiệp và PTNT Sơn La	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT Sơn La
8h30 - 8h45	Trình chiếu Video clip	Ban tổ chức
8h45 - 9h30	Báo cáo đề dẫn, báo cáo tham luận	Đại diện các đơn vị báo cáo
9h30 - 9h40	Nghỉ giải lao	
9h40 - 11h30	Trao đổi và thảo luận	
11h30 - 11h45	Tổng kết Diễn đàn	Lãnh đạo TTKNQG

BAN TỔ CHỨC

MỤC LỤC

1. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT VÙNG NGUYÊN LIỆU PHỤC VỤ CHẾ BIẾN VÀ XUẤT KHẨU 7

Trung tâm Khuyến nông Quốc gia

2. HIỆN TRẠNG VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÂY ĂN QUẢ CÁC TỈNH PHÍA BẮC 13

Cục Trồng trọt

3. THỰC TRẠNG VÀ ĐỊNH HƯỚNG THÚC ĐẨY HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP TRONG SẢN XUẤT, KINH DOANH RAU, QUẢ 24

Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn

4. MỘT SỐ TIẾN BỘ VỀ GIỐNG, KỸ THUẬT CANH TÁC VÀ CÔNG NGHỆ SAU THU HOẠCH TRÊN CÂY ĂN QUẢ VÀ CÂY RAU 33

Viện Nghiên cứu Rau quả - Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam

5. KẾT QUẢ PHÁT TRIỂN VÙNG NGUYÊN LIỆU CÂY ĂN QUẢ PHỤC VỤ CHẾ BIẾN, XUẤT KHẨU GIAI ĐOẠN 2016 - 2021, ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN ĐẾN NĂM 2025 CỦA TỈNH SƠN LA 43

Sở Nông nghiệp và PTNT Sơn La

6. MỘT SỐ SÂU BỆNH HẠI THƯỜNG GẶP TRÊN CÂY ĂN QUẢ TẠI SƠN LA VÀ CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG TRỪ 53

Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật Sơn La

7. KẾT QUẢ PHÁT TRIỂN CÂY ĂN QUẢ TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA NĂM 2021 75

Ủy ban nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La

8. KẾT QUẢ VÀ ĐỊNH HƯỚNG ĐẦU TƯ, PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT VÙNG NGUYÊN LIỆU, CHẾ BIẾN, TIÊU THỤ SẢN PHẨM 83

Công ty cổ phần TPXK Đồng Giao Chi nhánh Sơn La

9. HIỆU QUẢ VÀ ĐỊNH HƯỚNG TRONG PHÁT TRIỂN VÙNG NGUYÊN LIỆU CÀ PHÊ CHẤT LƯỢNG CAO ĐỊNH HƯỚNG XUẤT KHẨU 85

Hợp tác xã ARA-TAY COFFEE

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT VÙNG NGUYÊN LIỆU PHỤC VỤ CHẾ BIẾN VÀ XUẤT KHẨU

(Báo cáo đề dẫn Khuyến nông @ Nông nghiệp trực tuyến:
"Liên kết phát triển sản xuất vùng nguyên liệu phục vụ chế biến và xuất khẩu")

Trung tâm Khuyến nông Quốc gia

I. HIỆN TRẠNG SẢN XUẤT CÂY ĂN QUẢ

Trong những năm gần đây diện tích cây ăn quả cả nước tăng khá nhanh cả về diện tích, sản lượng và giá trị đã góp phần chuyển đổi cơ cấu cây trồng và tăng thêm thu nhập của nông dân. Đặc biệt trong 5 năm gần đây, từ năm 2015-2019 diện tích cây ăn quả cả nước có tốc độ tăng trưởng khá cao bình quân 4,3%/năm (35,7 nghìn ha/năm). Theo thống kê sơ bộ, tổng diện tích trồng cây ăn quả cả nước năm 2020 ước đạt 1,135 triệu ha, riêng các tỉnh phía Bắc có gần 441 nghìn ha, chiếm 38,8%, trong đó các tỉnh Trung du miền núi phía Bắc chiếm 23,3%, Đồng bằng sông Hồng chiếm 8,9%, Bắc Trung Bộ chiếm 6,6%. Năng suất bình quân các loại cây ăn quả được cải thiện đáng kể, hiện ước đạt hơn 12 tấn/ha, tăng hơn 42,8% so với năm 2002 (7 tấn/ha).

Tổng sản lượng các loại cây ăn quả hiện đạt khoảng 12 triệu tấn/năm, tăng gần gấp 3 lần so với năm 2002 (4,5 triệu tấn).

Hiện nay toàn vùng có 15 địa phương sản xuất cây ăn quả lớn, quy mô trên 10 nghìn ha/ tỉnh, một số địa phương các tỉnh phía Bắc đã hình thành vùng sản xuất hàng hóa mang lại giá trị kinh tế cao, từng bước khẳng định được thương hiệu sản phẩm như vùng sản xuất cây có múi cam, quýt, bưởi gồm các tỉnh Hòa Bình, Yên Bái, Hà Giang, Tuyên Quang, Phú Thọ, Bắc Giang, Bắc Kạn, Lạng Sơn, Hưng Yên, Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh... Tổng diện tích cây có múi của cả vùng năm 2019 khoảng trên 103,4 nghìn ha, sản lượng 894,5 nghìn tấn, vùng sản xuất cây ăn quả nhãn, vải gồm các tỉnh Bắc Giang, Sơn La, Hưng Yên, Hải Dương, Hà Nội, Thái Nguyên, Quảng Ninh tổng diện tích trên 61,5 nghìn ha.

Cùng với sự tăng trưởng diện tích, sản lượng, sản xuất cây ăn quả nước ta đang đứng trước một số hạn chế, thách thức chủ yếu:

- Công tác quy hoạch vùng sản xuất rau quả hàng hoá tại các địa phương tuy đã đạt được một số kết quả, tuy nhiên quy mô còn nhỏ lẻ, phân tán: bình quân phổ biến 0,2-0,6 ha/vườn hộ, khó khăn liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm và quản lý chất lượng. Cơ sở hạ tầng chưa được quan tâm đầu tư, chưa đáp ứng kịp tốc độ phát triển của sản xuất;

- Năng suất chất lượng sản phẩm chưa cao: Cơ cấu giống, giống thoái hóa và chưa kiểm soát chặt chẽ cây giống chất lượng, sạch bệnh, giống cây trồng kém chất lượng vẫn

tràn lan trên thị trường... ảnh hưởng đến năng suất, chất lượng, tuổi thọ vườn cây và làm tăng chi phí đầu tư, chăm sóc; khả năng cạnh tranh của sản phẩm thấp, đặc biệt là ứng dụng công nghệ cao, công nghệ tiên tiến vào sản xuất, còn hạn chế. Sản xuất theo quy trình VietGAP vẫn chiếm tỷ lệ thấp; Công tác Quản lý sử dụng hóa chất, thuốc BVTV và vấn đề chất lượng ATTP và chế tài xử phạt chưa chặt chẽ, còn nhiều bất cập;

- Tác động của biến đổi khí hậu, tình hình sâu bệnh hại (nhất là bệnh vàng lá Greening trên cam quýt, chổi rồng hại nhãn, đốm trắng thanh long) gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến diện tích, năng suất, sản lượng và chất lượng trái cây;

- Liên kết sản xuất - tiêu thụ bắt đầu hình thành ở nhiều vùng sản xuất hàng hoá, việc chấp hành theo hợp đồng ký kết của cả người sản xuất và doanh nghiệp chưa nghiêm dẫn đến tình trạng doanh nghiệp không thu mua sản phẩm theo hợp đồng hoặc dân không bán sản phẩm cho doanh nghiệp khi có sự biến động giá cả.

- Tiêu thụ chủ yếu là thị trường nội địa vẫn ở dạng tươi hoặc sơ chế chiếm tới 85%, giá trị xuất khẩu không đáng kể...

Trước tình hình đó, để phát triển bền vững ngành chế biến rau quả, tận dụng các lợi thế sản xuất của từng vùng, từng địa phương, công tác khuyến nông đã và đang cùng với địa phương kịp thời chuyển giao tiến bộ kỹ thuật mới vào trong sản xuất.

II. KẾT QUẢ CÔNG TÁC CHUYỂN GIAO TBKT VÀ XÂY DỰNG MÔ HÌNH KHUYẾN NÔNG TRONG SẢN XUẤT CÂY ĂN QUẢ Ở CÁC TỈNH PHÍA BẮC

Chương trình khuyến nông về cây ăn quả của các tỉnh phía Bắc giai đoạn từ năm 2011-2021 đã có 15 dự án với tổng kinh phí khoảng 55 tỷ đồng. Riêng trong năm 2018 khoảng 15,5 tỷ đồng đã được đầu tư vào sản xuất tại một số tỉnh phía Bắc để xây dựng mô hình trình diễn, mô hình liên kết sản xuất thông qua các dự án khuyến nông chuyển giao giống mới và tiến bộ kỹ thuật mới đã đem lại kết quả tốt. Thông qua thực hiện mô hình trình diễn, người nông dân trực tiếp được tiếp thu kỹ thuật, kỹ năng canh tác, hưởng lợi trực tiếp từ mô hình; kết quả trình diễn khuyến nông có tác động tích cực tới cộng đồng dân cư nơi xây dựng mô hình và những khu vực lân cận. Nhiều mô hình đạt hiệu quả cao, được người dân áp dụng nhân ra diện rộng như:

- Mô hình ghép cải tạo nhãn bằng phương pháp ghép mắt để dần thay thế và cải tạo những diện tích nhãn bị già cỗi, thoái hóa được triển khai tại các tỉnh Sơn La, Yên Bái, Hòa Bình, tuyên Quang với quy mô 54 ha. Sau khoảng 1 - 2 năm, cây ghép đã được thu hoạch, cho ra thị trường sản phẩm quả nhãn chín muộn hơn so với chính vụ khoảng 20 đến 30 ngày; năng suất, chất lượng, hiệu quả tăng từ 3 - 4 lần, chất lượng quả thơm ngon, cùi dầy hơn nhãn thông thường, đem lại thu nhập cao, ổn định cho các hộ sản xuất. Từ thành công đó, mô hình cải tạo diện tích nhãn già cỗi bằng kỹ thuật ghép mắt đã nhanh

chóng được triển khai nhân rộng. Đến nay, phần lớn những diện tích nhãn đã bị già cỗi, thoái hoá và có năng suất, chất lượng thấp trở thành những vườn nhãn cho năng suất và chất lượng cao trong thời gian ngắn nhất. Cụ thể hiện tại trên địa bàn toàn huyện Sông Mã đã có 2.900 ha nhãn ghép trong tổng số hơn 4.000 ha trồng nhãn của người dân.

- Mô hình sản xuất nhãn, vải theo hướng GAP và vải theo GlobalGAP được triển khai tại các tỉnh Hưng Yên, Bắc Giang, Hải Dương và Quảng Ninh. Xây dựng được 99ha mô hình sản xuất nhãn, vải theo hướng VietGAP và 300ha mô hình sản xuất vải theo tiêu chuẩn GlobalGAP. Mô hình áp dụng đồng bộ các tiến bộ kỹ thuật: đốn tỉa, chăm sóc, bón phân, điều chỉnh ra hoa... sử dụng thuốc bảo vệ thực vật sinh học, áp dụng quy trình phòng trừ tổng hợp sâu đục cuống quả vải, kỹ thuật bảo quản, sơ chế sau thu hoạch để hướng tới sản xuất nhãn, vải theo tiêu chuẩn VietGAP và vải an toàn đạt chứng nhận GlobalGAP. Tạo được liên kết giữa người trồng vải và doanh nghiệp tiêu thụ, nâng cao hiệu quả kinh tế cho người trồng vải.

- Mô hình trồng mới và thâm canh thanh long ruột đỏ với quy mô 40 ha được triển khai tại các tỉnh, thành phố như Hà Nội, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Nghệ An. Mô hình áp dụng đồng bộ các biện pháp kỹ thuật về canh tác giống (giống thanh long ruột đỏ mới, kỹ thuật trồng, chăm sóc, bón phân, điều chỉnh ra hoa, sử dụng thuốc bảo vệ thực vật sinh học để phòng trừ sâu bệnh hại thanh long, để xây dựng mô hình theo hướng GAP, GlobalGAP. Mô hình nhằm đa dạng hóa cây ăn quả các tỉnh phía Bắc và nâng cao giá trị gia tăng trong sản xuất thanh long.

- Mô hình thâm canh cam theo hướng VietGAP được triển khai ở các tỉnh Hòa Bình, Hà Giang, Hưng Yên, Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn, Nghệ An với quy mô 89,5 ha. Mô hình khuyến cáo người dân hạn chế sử dụng phân hóa học, tăng cường bón phân hữu cơ, phân hữu cơ vi sinh, phân sinh học, áp dụng quy trình IPM trên cây có múi, dùng bẫy bả, hạn chế sử dụng thuốc bảo vệ thực vật. Kết quả cho thấy năng suất cam trong mô hình từ 15-20% so với ngoài mô hình, thậm trí có những điểm năng suất đạt trên 20% (mô hình triển khai ở Cao Phong - Hòa Bình). Kết quả của mô hình đã góp phần thay đổi nhận thức của người dân trong vùng, giúp cho nông dân thay đổi cách nghĩ, cách làm trong sản xuất. Đến nay, nhiều hộ gia đình áp dụng đạt hiệu quả cao và giàu lên từ trồng cam.

- Mô hình thâm canh bưởi theo hướng VietGAP được triển khai tại các tỉnh Hà Nội, Bắc Giang, Hà Tĩnh, Thừa Thiên Huế được triển khai trên cây bưởi Diễn, bưởi Phúc Trạch và Bưởi Thanh Trà với quy mô 44ha, mô hình áp dụng quy trình thâm canh bưởi an toàn vệ sinh thực phẩm có sử dụng túi bao quả, bẫy bả, thuốc sinh học trong phòng trừ ruồi hại quả bưởi có ý nghĩa quan trọng trong việc giảm tác nhân gây hại, nâng cao sản lượng quả đồng thời giảm thiểu ô nhiễm môi trường, giảm tồn dư thuốc bảo vệ thực vật, việc bao quả giúp cho mẫu mã quả bưởi sáng đẹp, giảm tới 100% bị ruồi vàng hại quả,

khắc phục được hiện tượng rám nắng do thời tiết. Do đó, việc sử dụng túi quả chuyên dụng là rất cần thiết.

- Mô hình trồng thâm canh cam, bưởi nhằm bổ sung cơ cấu giống cam, bưởi để rải vụ thu hoạch, kéo dài thời gian thu hoạch trong năm nhằm hạn chế được mùa mất giá cho bà con vùng trồng cam gồm các giống như: giống cam chín sớm CS1, giống cam chín muộn V2, giống cam sành không hạt LĐ06, bưởi hồng Quang Tiến, bưởi đỏ Tân Lạc, bưởi Diễn, được thực hiện tại các tỉnh Hòa Bình,Tuyên Quang, Hà Giang, Bắc Kạn, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị. Với quy mô 51ha, kết quả triển khai cho thấy, cam sinh trưởng phát triển tốt, ít sâu bệnh. Hiện nay cam đang cho thu hoạch năng suất thu hoạch năm đầu đạt trên 20 tấn/ha. Sản phẩm quả vỏ mỏng, ít hạt, mọng nước, vị ngon đã thuyết phục được người dân nhân rộng sản xuất trên địa bàn.

- Mô hình trồng thâm canh giống lê địa phương và giống lê mới VH6 với quy mô 30ha được triển khai tại các tỉnh Lào Cai, Cao Bằng, Hà Giang. Mô hình nhằm đa dạng hóa sản phẩm cây ăn quả và tăng thu nhập cho người dân có nguồn gốc ôn đới ở các tỉnh phía Bắc.

- Mô hình tưới tiết kiệm nước bằng phương pháp tưới nhỏ giọt cho cam, bưởi triển khai tại các tỉnh Hà Giang, Tuyên Quang, Bắc Kạn, Hòa Bình, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, quy mô mô hình là 32ha, mỗi điểm triển khai từ 1-2ha được triển khai trên các mô hình trồng mới và mô hình thâm canh cam, bưởi. Phương pháp tưới nước nhỏ giọt giúp cung cấp lượng nước đồng đều cho tất cả các điểm mà không làm xói mòn hoặc nén chặt đất trồng. Công nghệ này dễ thao tác và lắp đặt, không cần hỗ trợ kỹ thuật nhiều. Tưới nhỏ giọt ít phụ thuộc vào các yếu tố tự nhiên như địa hình dốc hay chia cắt, thành phần cũng như cấu trúc đất, giúp tiết kiệm nước so với phương pháp tưới truyền thống. Vật tư, vật liệu lắp đặt hệ thống có trên thị trường trong nước, lắp đặt một lần sử dụng được lâu dài, lượng nước tiết kiệm khoảng 40-60% so với các biện pháp tưới thông thường.

Cùng với xây dựng thành công các mô hình trình diễn khuyến nông, hằng năm các đơn vị thực hiện dự án đã tổ chức được các cuộc tham quan, hội thảo đầu bờ trao đổi kỹ thuật và chia sẻ kinh nghiệm trong sản xuất. Từ đó đã tuyên truyền sâu rộng cho người sản xuất nắm bắt TBKT mới, phương pháp tổ chức sản xuất có hiệu quả, tạo được sự chuyển biến về nhận thức trong nông dân, góp phần đẩy mạnh ứng dụng trong sản xuất. Năng suất, sản lượng, chất lượng sản phẩm quả đã được tăng dần qua các năm. Công tác đầu tư thâm canh và sản xuất theo hướng bền vững được người dân chú trọng. Tư duy, nhận thức và tập quán canh tác của nông dân đã có bước chuyển biến tích cực, góp phần thức đẩy sản xuất cây ăn quả phát triển.

(Có phụ lục chi tiết các dự án kèm theo)

III. ĐỊNH HƯỚNG CÔNG TÁC KHUYẾN NÔNG TRONG VÙNG NGUYÊN LIỆU Ở CÁC TỈNH PHÍA BẮC TRONG THỜI GIAN TỚI

- Tham mưu với Sở Nông nghiệp và PTNT các tỉnh quy hoạch vùng nguyên liệu ổn định theo điều kiện đặc thù của vùng, phát huy lợi thế của địa phương; Các địa phương sớm có giải pháp, cơ chế chính sách, tháo gỡ những điểm nghẽn, tạo điều kiện môi trường thông thoáng, thuận lợi để nâng cao hiệu quả kinh tế của người sản xuất và lợi nhuận của doanh nghiệp.

- Phát triển mô hình sản xuất theo chuỗi, lựa chọn công nghệ, áp dụng các biện pháp thâm canh bền vững, các tiến bộ kỹ thuật để nâng cao năng suất, chất lượng, an toàn thực phẩm, giảm giá thành, tăng sản phẩm an toàn, hữu cơ,...: Nguồn giống, nhân giống, cơ chế và chính sách hỗ trợ, nâng cao chất lượng giống cung ứng tại chỗ nhằm giảm chi phí và giảm tỷ lệ hao hụt khi vận chuyển; Kỹ thuật canh tác bền vững, kỹ thuật trồng xen, luân canh; Quản lý sâu bệnh hại...

- Xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc, mã số vùng trồng trên cơ sở áp dụng công nghệ thông tin, phần mềm truy xuất nguồn gốc. Ưu tiên các chương trình dự án khuyến nông xây dựng, phát triển các mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ theo chuỗi giá trị khép kín.

- Giải pháp về cơ chế chính sách, quản lý, về vốn, về bảo vệ môi trường... để phát triển bền vững vùng nguyên liệu cho nhà máy và ổn định cuộc sống cho người dân khi tham gia sản xuất trong vùng nguyên liệu.

- Đẩy mạnh công tác thông tin, truyền thông, đào tạo phát triển nguồn nhân lực cho địa phương: gắn đào tạo với thực tiễn; đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý sản xuất; đào tạo kỹ thuật trực tiếp sản xuất cho người dân tham gia vùng nguyên liệu./.

PHỤ LỤC:
CÁC DỰ ÁN KHUYẾN NÔNG VỀ CÂY ĂN QUẢ
THỰC HIỆN TẠI CÁC TỈNH PHÍA BẮC GIAI ĐOẠN 2011-2021

STT	Tên dự án	Thời gian thực hiện	Kinh phí (triệu đồng)	Địa điểm triển khai
1	Thâm canh, cải tạo vườn cây ăn quả	2011-2013	5.200	Hà Nội, Hòa Bình, Hà Giang, Yên Bái, Hưng Yên, Hải Dương, Quảng Ninh, Bắc Giang, Nghệ An, Hà Tĩnh, Đồng Tháp, Vĩnh Long, Bà Rịa-VT, Bình Dương, Đồng Nai

STT	Tên dự án	Thời gian thực hiện	Kinh phí (triệu đồng)	Địa điểm triển khai
2	Phát triển trồng mới cây ăn quả đặc sản theo hướng GAP	2011-2013	7.300	Phú Thọ, Bắc Giang, Hưng Yên, Lào cai, Tuyên Quang, Thái nguyên, Ninh Bình, Thái Bình, Hà Nam, Nghệ An, Hà Tĩnh, Thừa tiên Huế, Ninh Thuận, Đồng Tháp, Tiền Giang
3	Xây dựng mô hình trồng mới và thâm canh thanh long ruột đỏ tại Hà Nội, Quảng Ninh, Vĩnh Phúc, Nghệ An	2014-2016	3.300	Hà Nội, Vĩnh Phúc, Quảng Ninh, Nghệ An
4	Xây dựng mô hình, tuyên truyền các giải pháp quản lý bệnh chổi rồng trên cây nhãn một số tỉnh đồng bằng sông Cửu Long và Sông Hồng	2014-2016	3.000	Hưng Yên và các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long
5	Xây dựng mô hình phát triển giống lê mới và lê địa phương tại các vùng miền núi phía Bắc	2016-2018	2.800	Cao Bằng, Lào Cai, Hà Giang
6	Xây dựng mô hình và chuyển giao gói kỹ thuật thâm canh vải theo GlobalGAP	2016-2018	7.750	Bắc Giang, Hải Dương, Quảng Ninh
7	Xây dựng mô hình trồng mới và thâm canh cam theo hướng VietGAP có áp dụng công nghệ tưới nước tiên tiến, tiết kiệm tại các tỉnh phía Bắc	2016-2018	9.500	Hòa Bình, Tuyên Quang, Hà Giang, Bắc Kạn, Nghệ An
8	Xây dựng mô hình ghép cải tạo nhãn tại các tỉnh miền núi phía Bắc	2017-2019	8.500	Sơn La, Yên Bái, Lào Cai, Hòa Bình
9	Xây dựng mô hình và chuyển giao quy trình sản xuất cam, bưởi an toàn gắn chuỗi giá trị tại các tỉnh miền Trung	2017-2019	8.000	Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế
10	Xây dựng mô hình trồng mới và thâm canh cây ăn quả (Hồng, lê, cam, quýt, bưởi, quýt) theo hướng sản xuất hàng hóa tại các tỉnh Cao Bằng, Bắc Kạn và Lạng Sơn	2018-2020	7.000	Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn
11	Xây dựng mô hình tuyên truyền các giải pháp nâng cao năng suất, chất lượng vafcair thiện mẫu mã quả bưởi trên địa bàn tỉnh Phú Thọ	2018	1.000	Phú Thọ
12	Tập huấn tuyên truyền các biện pháp nâng cao năng suất, chất lượng và cải thiện mẫu mã quả nam trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn	2018	337	Lạng Sơn

TRUNG TÂM KHUYẾN NÔNG QUỐC GIA

HIỆN TRẠNG VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÂY ĂN QUẢ CÁC TỈNH PHÍA BẮC

Cục Trồng trọt

Trong những năm gần đây, sản xuất cây ăn quả nước ta có bước phát triển khá toàn diện, liên tục tăng trưởng cả về diện tích, sản lượng, phục vụ tốt nhu cầu tiêu thụ nội địa và gia tăng xuất khẩu; đóng góp tích cực vào sự tăng trưởng ngành nông nghiệp, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, tăng thu nhập, làm giàu cho nông dân tại nhiều vùng địa phương trong cả nước.

Các tỉnh phía Bắc có khí hậu nhiệt đới gió mùa, cùng với sự phân hoá của độ cao địa hình tạo nên những tiểu vùng sinh thái đa dạng, có thể phát triển được nhiều loại cây ăn quả có nguồn gốc nhiệt đới như chuối, dứa, xoài..., á nhiệt đới như vải, nhãn, hồng, cây ăn quả có múi (cam, quýt, bưởi) và một số cây ăn quả ôn đới độc đáo riêng có của vùng như lê, đào, mận, mơ...

Trên phạm vi toàn vùng đã hình thành các vùng sản xuất cây ăn quả hàng hóa tập trung quy mô lớn như: vải (Bắc Giang, Hải Dương); nhãn (Sơn La, Hưng Yên); cam (Hà Giang, Tuyên Quang, Hòa Bình, Nghệ An, Hà Tĩnh); bưởi (Hà Nội, Phú Thọ, Hòa Bình, Bắc Giang); xoài (Sơn La); chuối (Hưng Yên, Phú Thọ, Lào Cai, Quảng Trị,); na (Lạng Sơn, Quảng Ninh, Bắc Giang); mận (Lào Cai, Sơn La),...

I. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH CHUNG

1. Quy mô và phân bố sản xuất

Trong 10 năm từ 2009 - 2018, tổng diện tích cây ăn quả cả nước tăng bình quân 2,8%/năm (tương ứng 23,9 nghìn ha/năm). Năm 2020, diện tích CAQ cả nước đạt 1,135 triệu ha, tổng sản lượng quả các loại ước đạt 12 triệu tấn. Riêng các tỉnh phía Bắc có gần 441 nghìn ha, chiếm 38,8%, trong đó:

- TDMNPB: 23,3%;
- Đồng bằng sông Hồng: 8,9%;
- Bắc Trung Bộ: 6,6%.

Hiện toàn vùng có 15 địa phương sản xuất cây ăn quả lớn, quy mô trên 10 nghìn ha/tỉnh; trong đó tỉnh Sơn La với hơn 66 nghìn ha là địa phương có tốc độ tăng trưởng cây ăn quả nhanh chóng, hiện có quy mô diện tích đứng đầu tại phía Bắc (đồng thời là tỉnh sản xuất cây ăn quả có vị trí thứ 3 trong cả nước, chỉ sau 2 tỉnh Tiền Giang, Đồng Nai); tiếp theo là Bắc Giang (hơn 50 nghìn ha) và các tỉnh Nghệ An, Hải Dương, Tuyên Quang, Hà Nội, Hà Tĩnh....

Diện tích cây ăn quả các vùng của cả nước (2020)

TT	Vùng	DT (1000 ha)	% so cả nước
	Miền Bắc	**440,7**	**38,8**
1	ĐBSH	101,3	8,9
2	TDMNPB	264,7	23,3
3	Bắc Trung bộ	74,7	6,6
	Miền Nam	**694,5**	**61,2**
1	DHNTB	93,5	8,2
2	Tây Nguyên	96,4	8,5
3	ĐNB	126,8	11,2
4	ĐBSCL	377,7	33,3

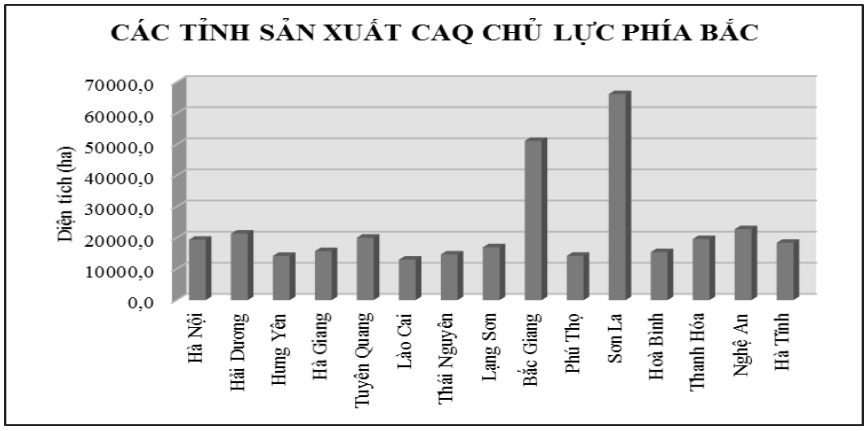

2. Cơ cấu chủng loại

Tính riêng 14 loại quả chủ yếu (trên 5 nghìn ha/loại) với diện tích hiện có khoảng 370,5 nghìn ha, chiếm 84% tổng diện tích cây ăn quả miền Bắc.

Trong đó chuối có diện tích lớn nhất với hơn 66 nghìn ha (15% tổng diện tích cây ăn quả Miền Bắc); tiếp theo là cam, vải, bưởi, nhãn (trên 10% mỗi loại) và các cây xoài (6,4%), mận (3,6%), dứa, na, chanh, quýt, ổi, mít, hồng (1,4 - 3% mỗi loại).

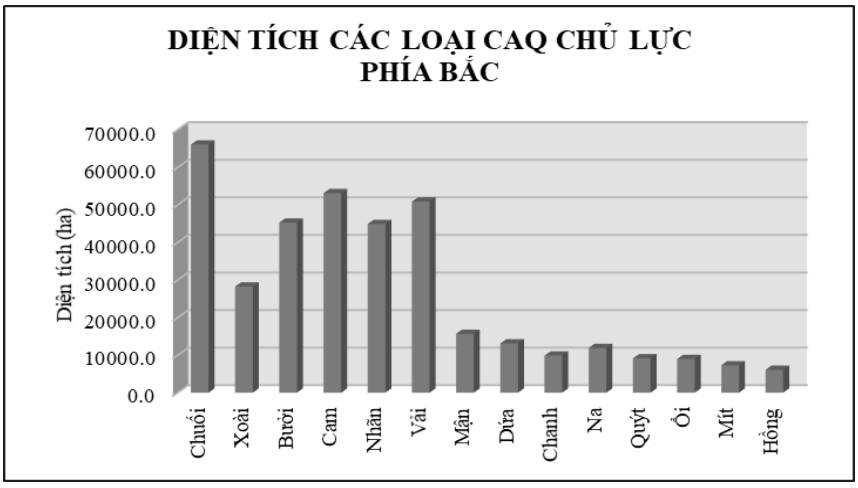

3. Ứng dụng TBKT trong sản xuất

Cho đến nay nhiều TBKT mới đã được nghiên cứu, áp dụng thành công trong sản xuất cây ăn quả:

- Hàng nghìn cây đầu dòng, vườn đầu dòng cây ăn quả đã được bình tuyển/thẩm định, chuyển giao cho sản xuất ở nhiều địa phương;

- Nhiều giống cây ăn quả mới được chọn, tạo chuyển giao kịp thời cho sản xuất như vải chín sớm; nhãn chín sớm, chín muộn; cam chín sớm CS1, cam chín muộn V2; hồng không hạt; chanh leo (Đài Nông 1, Nafoods 1, Quế Phong 1); chuối (Tiêu hồng, GL3-1); dứa MD2, H180; táo 05...;

- Nhiều tiến bộ kỹ thuật trong canh tác được áp dụng trên quy mô hàng nghìn ha như: quy trình nhân và sản xuất chuối tiêu từ cấy mô; ghép cải tạo thay thế giống và trẻ hóa những vườn cây già cỗi; tỉa cành tạo tán; tưới nước tiết kiệm; thụ phấn bổ sung (bưởi, na); xử lý hóa chất khắc phục hiện tượng ra quả cách năm trên cây nhãn; xử lý ra hoa vải, phòng trừ sâu đục cuống quả vải.....

4. Kết quả sản xuất rải vụ thu hoạch

Cùng với sự quan tâm của các địa phương trong ứng dụng cơ cấu giống, kỹ thuật canh tác rải vụ đã và đang hình thành rõ nét trong sản xuất cây ăn quả, góp phần thuận lợi cho tiêu thụ tươi và cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến.

Tại nhiều vùng tập trung phía Bắc, thời vụ thu hoạch cam, bưởi hiện kéo dài từ tháng 9 đến tháng 2,3 (thậm chí với cam muộn tới tháng 4,5) năm sau; vải từ tháng 5 tới nửa đầu tháng 7; nhãn từ giữa tháng 7 tới cuối tháng 9, đầu tháng 10; dứa, na thu hoạch 7, 8 tháng trong năm...

II. HIỆN TRẠNG MỘT SỐ CÂY ĂN QUẢ CHỦ YẾU

1. Nhóm chủ lực phục vụ nội tiêu và xuất khẩu

1.1. Chuối

Chuối là cây ăn quả có diện tích, sản lượng lớn nhất trong sản xuất cây ăn quả nước ta với gần 148 nghìn ha, sản lượng 2145 nghìn tấn (chiếm hơn 13% về diện tích, khoảng 17% sản lượng cây ăn quả cả nước), với tốc độ tăng trưởng khá ổn định, liên tục trong nhiều năm qua.

Tại phía Bắc, diện tích chuối năm 2020 ước đạt hơn 66 nghìn ha, sản lượng hơn 1,13 triệu tấn, chiếm khoảng 45% diện tích và 52% sản lượng chuối cả nước;

Về phân bố, các tỉnh sản xuất chuối lớn như: Hà Nội, Phú Thọ, Lai Châu, Sơn La, Thanh Hóa, Nghệ An, Quảng Trị (trên 3000 ha/tỉnh),...

Giá trị xuất khẩu chuối của Việt Nam tăng qua các năm, từ 1,1 triệu USD năm 2010 lên 44,4 triệu USD năm 2016 và hơn 179 triệu USD năm 2019, gần 163 triệu USD năm

2020. Tuy nhiên, xuất khẩu chuối nước ta hiện còn rất khiêm tốn so vị trí, tiềm năng lợi thế hiện có và nhu cầu thị trường; nguyên nhân chủ yếu do sản xuất phân tán, hạn chế về quản lý chất lượng, công nghệ sau thu hoạch và tiếp thị, cạnh tranh thị phần với các nước xuất khẩu lớn.

1.2. Vải

Do yêu cầu chặt chẽ về điều kiện khí hậu để phân hóa mầm hoa, sản xuất vải được phát triển tập trung tại các tỉnh Miền Bắc, với 99% diện tích và sản lượng.

Sau thời gian tăng trưởng nhanh về diện tích, sản lượng (từ 26 nghìn ha năm 1998 lên hơn 92 nghìn ha năm 2005), từ sau năm 2005 diện tích vải liên tục giảm (từ 92 nghìn ha xuống còn 52,3 nghìn ha hiện nay). Nguyên nhân chủ yếu do biến động của thị trường tiêu thụ, công nghệ bảo quản, chế biến còn hạn chế, hiệu quả sản xuất vải chưa cao.

Tuy suy giảm về diện tích, nhưng do ứng dụng rộng rãi TBKT trong điều khiển ra hoa, đậu quả nên năng suất vải bình quân được cải thiện rõ, từ mức phổ biến dưới 3 tấn/ha trước năm 2006 lên mức phổ biến trên 5 tấn/ha những năm gần đây, do vậy sản lượng vải khá ổn định, ở mức 300 - 350 nghìn tấn/năm; cá biệt điều kiện mùa Đông ấm niên vụ 2016-2017 làm cho vải mất mùa diện rộng, năng suất bình quân chỉ đạt 4 tấn/ha, tổng sản lượng khoảng 233 nghìn tấn.

Các tỉnh sản xuất chủ yếu gồm: Bắc Giang, Hải Dương, Quảng Ninh, Lạng Sơn, Vĩnh Phúc, Thái Nguyên, Hưng Yên; trong đó Bắc Giang là tỉnh sản xuất vải lớn nhất với hơn 28 nghìn ha (chiếm hơn 53%), tiếp đến là Hải Dương hơn 9 nghìn ha (18%).

Cơ cấu giống chủ yếu: vải thiều Thanh Hà hiện là giống chủ lực, chiếm khoảng 80% diện tích; các giống vải sớm (U hồng, Phúc Hòa, Bình Khê,...) được quan tâm bổ sung trong cơ cấu giống thời gian qua, hiện chiếm khoảng 20% diện tích, góp phần rải vụ thu hoạch vải, thuận lợi cho tiêu thụ tươi và cung cấp nguyên liệu cho chế biến.

Với lợi thế giống chủ lực là vải thiều đặc sản Thanh Hà, có giá trị hàng hóa, đã và đang được xuất khẩu tới nhiều thị trường; giá trị xuất khẩu vải Việt Nam từ 0,6 triệu USD năm 2010 lên 12,2 triệu USD năm 2015; 52,1 triệu USD năm 2016 và hơn 41,5 triệu USD năm 2019, hơn 33 triệu USD năm 2020.

1.3. Nhãn

Từ năm 2004 đến năm 2016 diện tích trồng nhãn nước ta liên tục giảm, từ 121,1 nghìn ha xuống 73,3 nghìn ha; chủ yếu do biến động thị trường tiêu thụ, cùng với bệnh chổi rồng hại nhãn tại phía Nam những năm gần đây; sản lượng nhãn có xu hướng giảm nhẹ, nhưng không biến động lớn, duy trì mức 500 - 550 nghìn tấn/năm, do xu hướng tăng năng suất. Từ năm 2017 diện tích nhãn có xu hướng tăng, đạt hơn 80 nghìn ha hiện nay.

Diện tích nhãn miền Bắc năm 2020 khoảng 45 nghìn ha, sản lượng 236 nghìn tấn, chiếm 56% diện tích và 43% sản lượng nhãn cả nước. Trong đó Sơn La hiện là tỉnh sản xuất nhãn lớn nhất (gần 20 nghìn ha), tiếp theo là các tỉnh Hưng Yên, Tuyên Quang, Bắc Giang, Hòa Bình, Hà Nội, Hải Dương,...

Tương tự như đối với vải, sản xuất nhãn Miền Bắc đã và đang hình thành cơ cấu rải vụ thu hoạch thuận lợi cho tiêu thụ tươi thị trường nội địa và xuất khẩu (nhóm chín sớm, chính vụ và chín muộn, thời gian thu hoạch kéo dài từ nửa cuối tháng 7 đến cuối tháng 9, đầu tháng 10).

Giá trị xuất khẩu nhãn Việt Nam liên tục tăng thời gian gần đây: từ 8,1 triệu USD năm 2010 lên 22,5 triệu USD năm 2016, hơn 145 triệu USD năm 2019; năm 2020 còn hơn 32 triệu USD.

1.4. Cam

Giai đoạn từ năm 2008 đến năm 2012 diện tích cam cả nước có xu hướng giảm, từ 77,7 nghìn ha xuống còn 50,8 nghìn ha (bình quân giảm 8,4%/năm, tương ứng 5,5 nghìn ha/năm). Nguyên nhân chủ yếu do biến động của thị trường tiêu thụ, giá bán giảm, vườn cây không được đầu tư thâm canh, sâu bệnh hại (đặc biệt là bệnh vàng lá Greening) phát sinh phát triển và gây hại mạnh.

Từ năm 2013 đến nay sản xuất cam được phục hồi, diện tích có xu hướng tăng đáng kể, từ 53,8 nghìn ha lên 96,5 nghìn ha năm 2020. Cùng với suy giảm diện tích, sản lượng cam có xu hướng giảm từ năm 2008 - 2012 và tăng trở lại từ năm 2013, ước đạt hơn 1,1 triệu tấn năm 2020.

Diện tích cam Miền Bắc hiện có hơn 53 nghìn ha, sản lượng 535 nghìn tấn, chiếm 55% diện tích và 47% sản lượng cam cả nước. Các tỉnh sản xuất chủ yếu gồm: Hà Giang, Tuyên Quang, Hòa Bình, Bắc Giang, Hà Nội, Hải Dương, Nghệ An, Hà Tĩnh....

Sản phẩm cam nước ta chủ yếu sử dụng cho nhu cầu ăn tươi thị trường nội địa, chưa có nhiều khả năng cạnh tranh xuất khẩu do mẫu mã chưa hấp dẫn, giống có nhiều hạt, chế biến chưa phát triển. Giá trị xuất khẩu cam (quả tươi) của Việt Nam hầu như không đáng kể (15 nghìn USD năm 2015 và 132 nghìn USD năm 2020).

1.5. Bưởi

Từ 2008 đến nay diện tích bưởi cả nước nhìn chung liên tục tăng, từ 43,5 nghìn ha lên hơn 98 nghìn ha năm 2020.

Cùng với gia tăng diện tích và ổn định về năng suất, sản lượng bưởi tăng trưởng khá ổn định hàng năm, từ 362,8 nghìn tấn năm 2008 lên hơn 833 nghìn tấn năm 2020.

Diện tích bưởi miền Bắc hiện có hơn 45 nghìn ha, sản lượng 378 nghìn tấn, chiếm 46% diện tích và 45% sản lượng cam cả nước. Các tỉnh sản xuất chủ yếu gồm: Phú Thọ, Bắc Giang, Hòa Bình, Tuyên Quang, Hà Nội,...

Mặc dù giá trị xuất khẩu bưởi (quả tươi) của Việt Nam có xu hướng tăng, đạt trên 3 triệu USD năm 2017 và trên 14,2 triệu USD năm 2020, tuy nhiên nhìn chung còn khiêm tốn so vị trí sản xuất.

1.6. Xoài

Từ năm 2009 - 2015 diện tích xoài cả nước có xu hướng suy giảm (từ 87,6 nghìn ha xuống 83,7 nghìn ha). Thời gian gần đây, diện tích xoài tăng nhanh, từ 86,8 nghìn ha năm 2016 lên hơn 111 nghìn ha năm 2020, sản lượng gần 893 nghìn tấn.

Tại miền Bắc, năm 2020 diện tích xoài đạt 28,2 nghìn ha, sản lượng 94,5 nghìn tấn, chiếm gần 25% diện tích, 10% sản lượng xoài cả nước;

Sơn La là tỉnh sản xuất xoài chủ yếu, với khoảng 20 nghìn ha, địa phương đi đầu đã và đang bổ sung, phát triển một số giống xoài mới, có giá trị tham gia xuất khẩu. Ngoài ra, một số tỉnh trồng xoài khác như Phú Thọ, Hà Giang, Bắc Giang, Lạng Sơn...

Giá trị xuất khẩu xoài Việt Nam tăng mạnh qua các năm, từ 0,46 triệu USD năm 2010 lên 35,43 triệu USD năm 2016, hơn 198 triệu USD năm 2019 và 180 triệu USD năm 2020;

1.7. Dứa

Từ năm 2006 diện tích dứa toàn quốc suy giảm mạnh và có xu hướng giảm do hạn chế trong chế biến, tiêu thụ, hiệu quả kinh tế từ cây dứa chưa cao nên khó cạnh tranh với một số cây trồng khác. Từ năm 2011 - 2016, diện tích dứa duy trì ở mức khoảng 40 nghìn ha/năm, sản lượng hàng năm đạt gần 600 nghìn tấn, có xu hướng tăng từ năm 2017, đến nay ước đạt 46 nghìn ha, sản lượng trên 700 nghìn tấn);

Diện tích dứa miền Bắc năm 2020 ước đạt hơn 13 nghìn ha, sản lượng 220 nghìn tấn, chiếm khoảng 29% diện tích và 31% sản lượng dứa cả nước. Các tỉnh sản xuất chủ yếu gồm: Ninh Bình, Thanh Hóa, Nghệ An, Lào Cai (trên 1000 ha/tỉnh).

Dứa Việt Nam, đặc biệt là sản phẩm chế biến đã được xuất khẩu tới nhiều thị trường. Tuy nhiên, giá trị xuất khẩu hiện không lớn, biến động qua các năm, từ 4,85 triệu USD năm 2015 xuống còn 3,76 triệu USD năm 2017, tăng lên 14,8 và gần 30 triệu USD các năm 2019, 2020.

2. Cây ăn quả chủ yếu khác

- Na: Tổng diện tích na/mãng cầu Miền Bắc khoảng 12 nghìn ha, sản lượng gần 92 nghìn tấn; chiếm 49% diện tích và 46% sản lượng na/mãnh cầu cả nước; trong đó các tỉnh chủ lực gồm Lạng Sơn, Bắc Giang, Quảng Ninh (trên 1000 ha/tỉnh),...

- Chanh leo: Tổng diện tích chanh leo Miền Bắc khoảng 2,5 nghìn ha, sản lượng gần 24 nghìn tấn; chiếm 29% diện tích và 15% sản lượng so cả nước; tập trung chủ yếu tại Sơn La (khoảng 2 nghìn ha) và một số tỉnh như Nghệ An, Quảng Trị.

- Mận và một số cây ăn quả ôn đới: Tổng diện tích mận miền Bắc khoảng 15,6 nghìn ha, sản lượng gần 75 nghìn tấn; lê (3,1 nghìn ha, 6,7 nghìn tấn), đào (2,7 nghìn ha, 5,6 nghìn tấn), mơ (1,5 nghìn ha, 5,2 nghìn tấn). Mặc dù có diện tích, sản lượng khiêm tốn do yêu cầu khí hậu đặc thù nhưng đây là các cây đặc sản, lợi thế riêng có của các tỉnh phía Bắc, đã và đang được tiêu thụ nội địa, góp phần thay thế một phần sản phẩm nhập khẩu; bước đầu cũng đã tham gia thị trường chế biến, xuất khẩu (mận, mơ).

III. ĐỊNH HƯỚNG, MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Định hướng

- Phát triển cây ăn quả theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững; ưu tiên trồng tái canh, cải tạo giống theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ, xuất khẩu; phát huy tiềm năng, lợi thế các vùng sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu, nâng cao tính cạnh tranh và góp phần cơ cấu lại ngành nông nghiệp.

- Tổ chức lại sản xuất, tạo liên kết đồng bộ, chặt chẽ, hiệu quả cao giữa sản xuất, thu mua, chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

- Tập trung nâng cao năng suất, chất lượng, ATTP, tăng tỷ lệ sản phẩm có chứng nhận (an toàn, GAP, hữu cơ,...), đẩy mạnh sản xuất rải vụ thu hoạch.

- Nâng cao năng lực bảo quản, giảm tổn thất sau thu hoạch cả về số lượng và chất lượng. Tăng cường chế biến, đa dạng hóa sản phẩm quả, gia tăng giá trị sản xuất đồng thời tránh các hàng rào kỹ thuật đối với các sản phẩm tươi sống, mở rộng thị trường, tăng khối lượng và giá trị xuất khẩu.

2. Mục tiêu

2.1. Đến năm 2025

- Diện tích CAQ cả nước 1,2 triệu ha, sản lượng trên 14 triệu tấn;

- Tại các vùng sản xuất cây ăn quả tập trung:

Tỷ lệ giá trị sản phẩm được sản xuất dưới các hình thức hợp tác, liên kết đạt 30-35%.

Tỷ lệ diện tích trồng mới, trồng tái canh sử dụng giống chất lượng cao 70-80%.

Tỷ lệ diện tích sản xuất thực hành nông nghiệp tốt VietGAP và tương đương 30%; diện tích được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước 20-30%.

- Kim ngạch xuất khẩu trái cây đạt trên 5,0 tỷ USD.

2.2. Đến năm 2030

- Diện tích CAQ cả nước 1,3 triệu ha, sản lượng trên 16 triệu tấn;

- Tại các vùng sản xuất cây ăn quả tập trung:

Tỷ lệ giá trị sản phẩm được sản xuất dưới các hình thức hợp tác, liên kết đạt 60-70%.

Tỷ lệ diện tích trồng mới, trồng tái canh sử dụng giống chất lượng cao 80-90%.

Tỷ lệ diện tích sản xuất thực hành nông nghiệp tốt VietGAP và tương đương trên 40%; diện tích được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước 30-40%.

- Kim ngạch xuất khẩu trái cây đạt trên 6,5 tỷ USD.

IV. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

Nhằm tiếp tục phát triển sản xuất, tiêu thụ cây ăn quả hiệu quả cao, bền vững trong thời gian tới, cần quan tâm thực hiện đồng bộ các giải pháp.

1. Rà soát xây dựng, phát triển các vùng sản xuất cây ăn quả hàng hóa tập trung

Tổ chức xây dựng các đề án, kế hoạch phát triển cây ăn quả chủ lực toàn quốc, trong đó chú trọng yếu tố thị trường, đặc biệt là các thị trường lớn.

Căn cứ vào định hướng phát triển chung, mỗi tỉnh, thành phố chọn một số chủng loại cây ăn quả chủ lực, xây dựng vùng sản xuất tập trung, đầu tư phát triển ngành hàng theo chuỗi giá trị, gắn với thị trường, chế biến (đáp ứng yêu cầu cụ thể của mỗi thị trường xuất khẩu, cơ sở nhà máy chế biến) và các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng, phát triển nông thôn mới trên địa bàn.

Đặc biệt, đối với một số cây ăn quả phát triển nóng trong thời gian qua, có nguy cơ rủi ro giá cả, tiêu thụ (cây có múi cam, bưởi,...), cần tăng cường khuyến cáo nông dân không gia tăng diện tích khi chưa có hợp đồng, đầu ra và tín hiệu tích cực từ thị trường; chỉ đầu tư trồng mới ở những vùng có điều kiện đất đai phù hợp, có kỹ thuật và khả năng đầu tư thâm canh; rà soát chuyển đổi sang cây trồng khác tại các vùng không phù hợp.

2. Chuyển đổi cơ cấu giống, chủng loại và sản xuất rải vụ thu hoạch cây ăn quả

Tập trung rà soát, chuyển đổi cơ cấu chủng loại, giống cây ăn quả chất lượng, phù hợp, có thị trường bằng trồng mới, trồng tái canh, ghép cải tạo giống, theo hướng: (i) khai thác, phát huy tốt lợi thế điều kiện tự nhiên của địa phương, (ii) rải vụ thu hoạch để phục vụ nội tiêu và xuất khẩu quả tươi cũng như đảm bảo nguyên liệu cho chế biến, (iii) có điều kiện áp dụng TBKT, (iv) tiết kiệm nước tưới, thích ứng BĐKH.

Các tỉnh phía Bắc tập trung bố trí cơ cấu giống rải vụ thu hoạch, cụ thể một số cây như sau:

- Đối với cây vải tiếp tục duy trì diện tích hiện có, bố trí tăng cơ cấu giống chín sớm (30 - 35%), chính vụ (65 - 70%);

- Đối với cây nhãn, tập trung chuyển đổi cơ cấu giống chín sớm, chính vụ và chín muộn phù hợp (tương ứng tỷ lệ diện tích 10%, 50% và 40%);

- Chuối: Rải vụ thu hoạch trong năm, chủ yếu bằng kỹ thuật bố trí các thời vụ trồng phù hợp.

- Cam: Bố trí cơ cấu giống chín sớm (20%), chính vụ (60 - 65%), chín muộn (15 - 20%).

- Bưởi: Bố trí cơ cấu giống chín sớm (30 - 40%), chính vụ và muộn (60 - 70%), tập trung nhóm bưởi ngọt (80%).

- Xoài: Bố trí cơ cấu giống mới, đa dạng về sử dụng (ăn xanh, ăn chín) (xoài Đài Loan, Úc...) chiếm trên 50% diện tích.

- Bơ: Cơ cấu giống rải vụ thu hoạch từ tháng 9 - tháng 11 hàng năm.

3. Khoa học công nghệ

3.1. Giống

- Quan tâm phát triển các giống cây ăn quả đặc sản có lợi thế tại các địa phương, vùng; ưu tiên công tác bình tuyển, phục tráng các giống bản địa, đặc sản địa phương.

- Tiếp tục đẩy mạnh nghiên cứu chọn tạo, phát triển các giống cây ăn quả mới, có năng suất, chất lượng, rải vụ thu hoạch.

- Xây dựng, hình thành hệ thống sản xuất cây giống chất lượng cao, sạch bệnh cung cấp cho trồng thay thế và ghép cải tạo cây ăn quả; đặc biệt là đối với cây có múi.

3.2. Kỹ thuật trồng, thâm canh

- Cải tiến toàn diện và mạnh mẽ việc áp dụng các TBKT vào sản xuất cây ăn quả theo 2 hướng chủ đạo sau đây:

(i) Tập hợp thành tựu khoa học trên từng đối tượng cây trồng thành các gói kỹ thuật đồng bộ (bộ KIT công nghệ), được phân chia theo 2 cấp độ: công nghệ cao và công nghệ tiên tiến để áp dụng vào các vùng sản xuất có điều kiện khác nhau một cách có hiệu quả.

(ii) Gắn các đơn vị/tổ chức nghiên cứu khoa học chuyên ngành vào chuỗi sản xuất ngành hàng cây ăn quả, với chức năng chuyển giao và chỉ đạo kỹ thuật và cùng chịu trách nhiệm của một thành viên trong chuỗi.

- Ưu tiên đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật thâm canh cây ăn quả chủ lực trồng tập trung theo hướng thích ứng BĐKH, tạo sản phẩm an toàn, hiệu quả cao, bền vững:

+ Kỹ thuật canh tác trên đất dốc;

+ Giống, gốc ghép phù hợp *(chống chịu sâu bệnh, khô hạn, ngập,...);*

+ Quy trình thâm canh, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất *(đặc biệt là kỹ thuật che phủ đất giữ ẩm; tưới nước tiết kiệm; sử dụng phân bón, thuốc BVTV theo hướng hữu cơ, sinh học; kỹ thuật bao trái)*;

- Hoàn thiện các quy trình kỹ thuật xử lý ra hoa, đậu quả, rải vụ thu hoạch và phòng trừ sâu bệnh hại cây ăn quả chủ lực trong điều kiện BĐKH; kỹ thuật tái canh, thâm canh nâng cao năng suất, mẫu mã, chất lượng quả có múi các vùng tập trung.

3.3. Sau thu hoạch

Ưu tiên nghiên cứu, ứng dụng công nghệ cao trong bảo quản, chế biến phục vụ nội tiêu và xuất khẩu, nhất là chế biến sâu, giảm áp lực tiêu thụ quả tươi trong giai đoạn chính vụ và mở rộng thị trường, nâng cao giá trị gia tăng.

3.4. Thông tin, dự báo và nâng cao năng lực

- Quan tâm công tác nghiên cứu dự báo, tăng cường phổ biến thông tin về: diễn biến thời tiết khí hậu, thiên tai *(đặc biệt là các hiện tượng thời tiết cực đoan ở các thời kỳ cây ăn quả dễ bị tác động, ảnh hưởng đến ra hoa, đậu quả, năng suất, chất lượng)*, cảnh báo sâu bệnh hại, dự báo thị trường tiêu thụ,...

- Phổ biến kỹ thuật thâm canh cây ăn quả trong điều kiện BĐKH, các mô hình CSA trong sản xuất cây ăn quả.

- Đào tạo, tập huấn cho cán bộ cơ sở, nông dân trồng cây ăn quả nâng cao nhận thức và năng lực ứng phó BĐKH.

- Đẩy mạnh công tác truyền thông, phổ biến, tập huấn, hướng dẫn cho các người sản xuất, doanh nghiệp xuất khẩu về thực hành GAP, yêu cầu của các thị trường, đặc biệt là các quy định mới trong xuất khẩu rau, quả chính ngạch vào thị trường Trung Quốc.

3.5. Công nghệ sau thu hoạch

- Khuyến khích các doanh nghiệp tăng cường đầu tư đổi mới thiết bị, dây chuyền công nghệ tiên tiến, hiện đại và đồng bộ; nâng cao công suất chế biến, bảo quản trái cây. Đa dạng hóa sản phẩm chế biến, tăng cường chế biến sâu: quả đông lạnh, đóng hộp, chiên sấy, nước quả tự nhiên, nước quả cô đặc, đông lạnh; chú trọng các loại sản phẩm đông lạnh, nước quả cô đặc,...;

- Đầu tư, khuyến khích đầu tư các cơ sở xử lý sau thu hoạch (chiếu xạ, xông hơi nước nóng,...) đảm bảo yêu cầu xuất khẩu trái cây tươi.

3.6. Liên kết sản xuất, tiêu thụ

- Khuyến khích doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp lớn, đầu tư liên kết với nông dân trong chuỗi giá trị cây ăn quả chủ lực trồng tập trung, từ sản xuất, thu mua, bảo quản, chế biến, tiêu thụ, xuất khẩu.

- Đẩy mạnh hình thành các liên kết vùng trong sản xuất, tiêu thụ, xuất khẩu trái cây.

- Tổ chức các hiệp hội ngành hàng nhằm tăng cường trao đổi thông tin thị trường, hợp tác sản xuất, tiêu thụ, xuất khẩu.

- Tập trung xây dựng, phát triển các chuỗi giá trị, tiêu thụ sản phẩm thông qua hợp đồng (tăng tỷ trọng tiêu thụ qua hợp đồng theo chuỗi giá trị lên khoảng 30 - 35% vào năm 2020; năm 2025 đạt khoảng 50 - 55% và năm 2030 đạt 100% tại các vùng sản xuất tập trung; tương ứng giảm dần việc tiêu thụ sản phẩm thông qua thương lái từ 80 - 90% hiện nay xuống chỉ còn 65 - 70% vào năm 2020, năm 2025 còn 45-50%).

3.7. Mở rộng thị trường, xúc tiến thương mại

- Tiếp tục tổ chức thực hiện có hiệu quả chương trình xúc tiến thương mại trái cây nhằm phát triển thị trường tiêu thụ nội địa; giữ vững các thị trường xuất khẩu lớn, thị trường truyền thống và mở rộng thêm các thị trường mới.

- Tăng cường đàm phán tháo gỡ rào cản, ký kết các hiệp định kiểm dịch thực vật đối với các nước có khả năng nhập khẩu trái cây Việt Nam, đặc biệt là các thị trường lớn.

- Hỗ trợ xây dựng thương hiệu, đăng ký chỉ dẫn địa lý, tem nhãn nhận diện và truy xuất nguồn gốc sản phẩm quả.

3.8. Cơ chế, chính sách

Đẩy mạnh triển khai thực hiện các chính sách hiện hành có liên quan hỗ trợ sản xuất, tiêu thụ trái cây, như: Nghị định 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 5/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; Nghị định số 109/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018 của Chính phủ về nông nghiệp hữu cơ; Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp,...

Kịp thời rà soát, sửa đổi các chính sách đã ban hành về thuế, tín dụng, ưu đãi đất đai...nhằm tạo thuận lợi tối đa cho phát triển sản xuất, chế biến, tiêu thụ, xuất khẩu trái cây./.

CỤC TRỒNG TRỌT

THỰC TRẠNG VÀ ĐỊNH HƯỚNG THÚC ĐẨY HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP TRONG SẢN XUẤT, KINH DOANH RAU, QUẢ

Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn

I. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN RAU, QUẢ

1. Tình hình phát triển rau, quả

1.1. Diện tích, sản lượng, sự phân bố vùng sản xuất

- Rau: Cả nước hiện có 996.500 ha rau các loại, sản lượng khoảng 17,6 triệu tấn/năm. Vùng Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long là hai vựa rau và hành tỏi lớn nhất cả nước (chiếm tới hơn 50% diện tích và 53% về sản lượng so với cả nước), trong khi đó đậu các loại được trồng chủ yếu ở khu vực Tây Nguyên chiếm 33% diện tích và 27% sản lượng so với cả nước.

Trên địa bàn cả nước đã hình hành nhiều diện tích sản xuất rau tập trung áp dụng thực hành nông nghiệp tốt (GAP), tổ chức sản xuất, sơ chế kinh doanh tiêu thụ rau an toàn khá thành công. Nhiều vùng rau an toàn đã được phát triển đem lại thu nhập cho người sản xuất và an toàn cho người tiêu dùng như: Hà Nội, Hải Dương, Thái Bình, An Giang, Lâm Đồng,... Phương thức sản xuất rau theo hướng nông nghiệp công nghệ cao đã được hình thành như sản xuất trong nhà lưới, nhà kính đảm bảo an toàn thực phẩm.

- Cây ăn quả: Diện tích cây ăn quả cả nước và các vùng, miền nhìn chung có xu hướng liên tục tăng trong những năm gần đây. Tổng diện tích cây ăn quả cả nước hiện có khaonrg 1,06 triệu ha; ĐBSCL là vùng sản xuất cây ăn quả chủ lực lớn nhất cả nước (chiếm 35,1% tổng diện tích cây ăn quả cả nước), có 14 loại quả có diện tích lớn (trên 10 ngàn ha/loại) trong đó lớn nhất là xoài (80 ngàn ha), chuối (78 ngàn ha), thanh long (53 ngàn ha), sầu riêng (47 ngàn ha), cam (44 ngàn ha), bưởi (44 ngàn hà), nhãn (35 ngàn ha), dứa (33 ngàn ha), chanh (27 ngàn ha), chôm chôm (25 ngàn ha), mít (20 ngàn ha), quýt (15 ngàn ha), bơ (14 ngàn ha), na (11 ngàn ha); tiếp đến là TDMNBB (22,9%), ĐBSH (10,4%), Bắc Trung Bộ (gần 6,8%), DHNTB và Tây Nguyên (mỗi vùng chiếm hơn 4%). Năng suất bình quân của tất cả các loại cây ăn quả hiện nay đạt hơn 10 tấn/ha, tăng 0,8 tấn/ha so năm 2010 (9,2 tấn/ha). Tổng sản lượng quả năm 2019 đạt khoảng 12 triệu tấn, hơn 5 triệu tấn so năm 2010 (6,8 triệu tấn).

Nhìn chung hiện nay một số loại quả như thanh long, vải, chuối, cây có múi (bưởi, cam), dứa, xoài, nhãn từng bước hình thành vùng sản xuất hàng hóa tập trung quy mô lớn. Công tác rải vụ cây ăn quả thực hiện có hiệu quả cao, giảm đáng kể áp lực tiêu thụ

chính vụ. Giá trị sản xuất cây ăn quả đóng góp cho tăng trưởng trồng trọt giai đoạn 2010-2019 là 23,0%, trong đó một số cây đóng góp lớn như thanh long 4,42%, sầu riêng 4,5%, cam 3,35%, xoài 2,09%, bưởi 1,99%, chuối 1,44%.

1.2. Chế biến rau quả

Cả nước hiện có khoảng 145 cơ sở chế biến rau, quả quy mô công nghiệp, với tổng công suất thiết kế 800.000 tấn sản phẩm/năm. Riêng miền Nam có 71 cơ sở chế biến. Ngoài ra, còn có hàng ngàn cơ sở chế biến quy mô nhỏ.

Khâu chế biến hiện nay chỉ mới sử dụng 8-10% sản lượng rau quả sản xuất ra hàng năm. Rau quả xuất khẩu đã qua chế biến, tiêu thụ vẫn ở dạng tươi hoặc sơ chế chiếm tới 85%.

1.3. Thị trường tiêu thụ sản phẩm rau, quả:

Thị trường trong nước: Tiêu thụ nội địa chiếm khoảng 80% sản lượng, khoảng 9,7 triệu tấn (bình quân 100 kg/người/năm).

Thị trường xuất nhập khẩu: Kim ngạch xuất khẩu rau quả đạt khoảng 3,75 tỷ USD/năm, đứng thứ nhất trong các mặt hàng nông sản, tăng bình quân 26,2% năm. Sản phẩm rau quả của Việt Nam đã vươn xa tới gần 60 thị trường trên thế giới. Riêng các loại quả như vải thiều, chôm chôm, thanh long, xoài, nhãn... đã có mặt tại những thị trường khó tính như Mỹ, Australia, Nhật Bản, Hàn Quốc.

1.4. Tồn tại, hạn chế trong phát triển ngành rau, quả

- Công tác quy hoạch về diện tích và vùng sản xuất rau quả hàng hoá chưa rõ trong phạm vi toàn quốc và từng vùng sinh thái, các địa phương lúng túng trong hoạch định lâu dài chiến lược phát triển các loại cây trồng nói chung và cây trồng rau quả nói riêng; quy mô nhỏ lẻ, phân tán, quy mô diện tích vườn quả bình quân phổ biến 0,2-0,6 ha/vườn hộ, khó khăn cho quy hoạch, liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm và quản lý chất lượng chưa tốt; năng suất còn thấp.

- Năng suất chất lượng một số loại nông sản còn thấp; chi phí sản xuất cao, khả năng cạnh tranh thấp, đặc biệt là ứng dụng công nghệ cao, công nghệ tiên tiến vào sản xuất, còn hạn chế. Tỷ lệ cơ giới hóa sản xuất còn rất thấp so với các loại cây trồng khác (dưới 15%). Tỷ lệ áp dụng tưới tiêu tiết kiệm thấp chiếm 1,3% tổng diện tích đất sản xuất nông nghiệp. Sản xuất theo quy trình VietGAP vẫn chiếm tỷ lệ thấp, chủ yếu vẫn canh tác theo quy trình kỹ thuật truyền thống, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao chậm được nhân rộng.

- Quản lý sử dụng hóa chất, thuốc BVTV trong sản xuất rau quả, việc giám sát và phòng chống dịch bệnh trên cây trồngvà vấn đề quản lý chất lượng ATTP chưa chặt chẽ; chế tài xử phạt còn nhiều bất cập dẫn đến tình trạng phân bón, thuốc BVTV, giống cây trồng kém chất lượng vẫn tràn lan trên thị trường.

- Vấn đề quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm là vấn đề rất nan giải trong sản xuất rau quả hiện nay; qui trình sản xuất rau an toàn đã và đang được ban hành song việc tổ chức sản xuất và kiểm tra giám sát thực hiện qui trình còn kém, kết hợp với trình độ dân trí và tính tự giác thấp của người sản xuất đã cho ra các sản phẩm không an toàn, giảm sức cạnh tranh của nông sản.

- Tác động của biến đổi khí hậu, tình hình sâu bệnh hại (nhất là bệnh vàng lá Greening trên cam quýt, chổi rồng hại nhãn, đốm trắng thanh long) gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến diện tích, năng suất, sản lượng và chất lượng trái cây.

- Cơ sở hạ tầng các vùng sản xuất rau quả tập trung chưa được quan tâm đầu tư, chưa đáp ứng kịp tốc độ phát triển của sản xuất.

- Liên kết sản xuất - tiêu thụ đã được hình thành ở nhiều vùng sản xuất hàng hoá song nhìn chung còn ít, việc chấp hành theo hợp đồng ký kết của cả người sản xuất và doanh nghiệp chưa nghiêm dẫn đến tình trạng doanh nghiệp không thu mua sản phẩm theo hợp đồng hoặc dân không bán sản phẩm cho doanh nghiệp khi có sự biến động giá cả ngoài thị trường.

- Chuỗi giá trị còn nhiều khâu trung gian, chủ yếu là thương lái, chưa hợp lý về phân chia lợi nhuận cho người nông dân trực tiếp sản xuất. Hệ thống phân phối, tiêu thụ sản phẩm chưa chuyên nghiệp; tỷ lệ thất thoát sau thu hoạch còn cao (25-30%); công nghệ bảo quản, xử lý sau thu hoạch chậm được đầu tư cải thiện.

- Công tác chế biến rau quả chưa đáp ứng yêu cầu sản xuất nông nghiệp và vẫn đang là nút thắt trong chuỗi giá trị ngành nông nghiệp.

2. Định hướng phát triển ngành rau quả trong chiến lược cơ cấu lại ngành nông nghiệp 2021-2025

- Định hướng tổ chức lại sản xuất nông nghiệp theo chuỗi giá trị của 3 nhóm sản phẩm chủ lực: i) Nhóm sản phẩm chủ lực quốc gia, xây dựng vùng sản xuất hàng hóa tập trung, quy mô lớn, ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến gắn với công nghiệp chế biến nông sản theo các hình thức tổ chức hợp tác, liên kết chuỗi giá trị; tăng cường liên kết vùng, liên kết ngành để đầu tư phát triển các sản phẩm chủ lực quốc gia có thương hiệu lớn, đủ sức cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế; ii) Nhóm sản phẩm chủ lực cấp tỉnh, các địa phương căn cứ lợi thế, điều kiện cụ thể và nhu cầu thị trường, lựa chọn nhóm sản phẩm này để đầu tư phát triển theo hướng như đối với nhóm sản phẩm chủ lực quốc gia nhưng quy mô cấp địa phương; có chính sách và giải pháp mở rộng quy mô, sức cạnh tranh để bổ sung vào nhóm sản phẩm chủ lực quốc gia; iii) Nhóm sản phẩm là đặc sản địa phương có quy mô nhỏ, tập trung vào các sản phẩm đặc sản nhằm phát huy bản sắc, lợi thế của từng địa phương, vùng miền gắn với xây dựng nông thôn mới theo mô hình "Mỗi xã một sản phẩm".

- Xây dựng, hình thành các vùng chuyên canh sản xuất rau quả áp dụng công nghệ cao và thực hành nông nghiệp tốt đảm bảo đủ nguyên liệu có chất lượng và an toàn thực phẩm cho cơ sở chế biến hoạt động:

+ Cây ăn quả: Tăng diện tích cây ăn quả cả nước lên khoảng 1,2 triệu ha, sản lượng 14 triệu tấn/năm. Tập trung phát triển các vùng sản xuất trọng điểm cây ăn quả ở các khu vực miền núi phía Bắc, Đồng bằng sông Hồng, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long. Mở rộng liên kết vùng, rải vụ thu hoạch; phát triển mạnh các vùng sản xuất cây ăn quả tập trung gắn với phát triển các nhà máy chế biến.

+ Rau: Tăng diện tích gieo trồng lên khoảng 1,1 triệu ha, sản lượng 21 triệu tấn/năm. Đẩy mạnh phát triển các vùng sản xuất rau tập trung, các loại rau, màu, hoa cây cảnh có hiệu quả kinh tế cao; áp dụng công nghệ cao, áp dụng quy trình sản xuất tốt, hữu cơ, đảm bảo an toàn thực phẩm gắn với các nhà máy chế biến. Tập trung phát triển tại các vùng: Trung du miền núi phía Bắc, Đồng bằng sông Hồng, Tây Nguyên, Đồng bằng sông Cửu Long.

- Đẩy mạnh phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp hữu cơ. Đẩy mạnh áp dụng khoa học công nghệ và công nghệ thông tin trong dự báo, kiểm soát và phòng chống dịch bệnh cây trồng.

- Đẩy mạnh chế biến sâu, đa dạng hóa sản phẩm từ nguyên liệu rau quả và từ phế phụ phẩm sau chế biến; phấn đấu trong giai đoạn 2021 - 2030, tốc độ tăng trưởng giá trị gia tăng bình quân hơn 10%/năm; xây dựng, hình thành các vùng chuyên canh sản xuất rau quả bảo đảm nguyên liệu được cung cấp (khoảng từ 5 đến 6 triệu tấn vào năm 2030) có chất lượng, an toàn thực phẩm cho hoạt động chế biến (Đề án phát triển ngành chế biến rau quả giai đoạn 2021-2030).

II. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ RAU, QUẢ

1. Tình hình phát triển HTX rau, quả

Đến tháng 6 năm 2021, cả nước có 17.777 HTX nông nghiệp và 78 Liên hiệp HTX nông nghiệp. So với thời điểm 31/12/2020, số lượng HTXNN cả nước tăng 315 HTX, trong đó thành lập mới 595 HTX và giải thể 280 HTX.

Trong số các HTX nông nghiệp có 6.642 HTX trồng trọt, 996 HTX chăn nuôi, 181 HTX lâm nghiệp, 37 HTX diêm nghiệp, 891 HTX nuôi thủy sản và 104 HTX khai thác thủy sản, 36 HTX nước sạch nông thôn, 8.005 HTX dịch vụ nông nghiệp tổng hợp, 885 HTX ngừng hoạt động.

Theo ước tính, cả nước hiện có khoảng 2.000 HTX tham gia các chuỗi liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm rau, quả. Nhiều HTX được hình thành và phát triển trong thời gian gần đây, đang sản xuất và kinh doanh khá hiệu quả, hỗ trợ tốt cho sự phát triển kinh tế hộ gia đình thành viên. Các HTX này đảm nhận cung cấp các dịch vụ sản xuất cả ở đầu vào và đầu ra cho hộ thành viên như: cung cấp vật tư, phân bón, bảo vệ thực vật và tiêu thụ sản phẩm. HTX cũng là cầu nối giữa doanh nghiệp với nông hộ, đại diện cho hộ ký hợp đồng cung cấp nguyên liệu cho doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu sản phẩm. Điển hình như:

1.1. HTX Rau an toàn Tự Nhiên (tỉnh Sơn La)

Đây là mô hình HTX tổ chức sản xuất chuỗi rau khép kín, giúp phụ nữ thoát nghèo. Với mục đích liên kết sản xuất rau sạch, đảm bảo đầu ra sản phẩm, năm 2011, các hội viên phụ nữ bản Tự Nhiên, xã Đông Sang, huyện Mộc Châu đã thành lập tổ HTX với 19 thành viên, thâm canh 7,5 ha/năm và đến năm 2013, thành lập HTX rau an toàn Tự Nhiên phát triển lên 38 thành viên, với 15 ha sản xuất theo quy trình VietGAP. HTX đã ký hợp đồng cung cấp sản phẩm cho các siêu thị lớn ở Hà Nội, như: Metro, Vinmart, BigC và các bếp ăn tập thể ở 1 số trường học, doanh nghiệp tại huyện Mộc Châu, và thành phố Hà Nội.

Với mô hình liên kết theo chuỗi giá trị, HTX rau an toàn bản Tự Nhiên sản xuất và tiêu thụ mỗi năm khoảng 800 đến 1.000 tấn rau sạch các loại. Giá bán sản phẩm luôn cao hơn khoảng 2 nghìn đồng/kg so với rau sản xuất thông thường. Bình quân mỗi ha thu lãi khoảng 400-500 triệu đồng. Nhiều hộ thành viên vươn lên làm giàu, như: Gia đình bà Nguyễn Thị Luyến trồng 1,5 ha rau, thu lãi khoảng 600 triệu đồng/năm, ngoài ra còn tạo việc làm thường xuyên cho 6 lao động tại địa phương với tiền công 4 triệu đồng/người/tháng; chị Nguyễn Thị Vân và chị Nguyễn Thị Hoàn đều trồng 8.000 m2 rau, thu lãi khoảng 400 triệu đồng/năm... Mô hình HTX RAT Tự Nhiên trở thành điểm tham quan, học tập của nhiều nông dân trong và ngoài huyện Mộc Châu.

1.2. HTX sản xuất kinh doanh dịch vụ Nông nghiệp Văn Đức, thôn Trung Quan, xã Văn Đức, huyện Gia Lâm, Hà Nội

HTX được thành lập năm 1997, hiện có 165 thành viên, HTX đã ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất và thực hiện liên kết với doanh nghiệp, hộ nông dân để tiêu thụ sản phẩm trong các hệ thông siêu thị Aeon, Bảo An Huy,.... Các sản phẩm của HTX (cải bắp, cải thảo,...) được xuất khẩu sang Đài Loan (Trung Quốc), Hàn Quốc. Đây là mô hình HTX nông nghiệp liên kết đầu tư, thành lập pháp nhân trong HTX (mô hình HTX trong HTX). HTX có 8 sản phẩm đạt OCOP 4 sao, hiện nay HTX liên kết với 1.200 hộ tham gia trực tiếp sản xuất, chia thành 20 nhóm và 5 liên nhóm, mỗi nhóm gồm 25 - 30 hộ thành viên trồng rau, HTX có 220 ha rau an toàn, trong đó có 26,9 ha sản xuất theo quy trình VietGAP, trung bình mỗi ngày cung cấp ra thị trường khoảng từ 40-50 tấn rau các loại. Trong đó có khoảng 70% sản phẩm là tiêu thụ tại hệ thống siêu thị lớn như Coo.p Mart, Metro, AEON và chợ đầu mối trên địa bàn thành phố Hà Nội. Đặc biệt HTX đang duy trì xuất khẩu 300-500 tấn/năm các loại: Cải thảo, bắp cải, súp lơ... tới thị trường Đài Loan (Trung Quốc), Hàn Quốc... Doanh thu từ sản xuất rau VietGAP của HTX là 400-500 triệu đồng/ha.

1.3. HTX dịch vụ nông nghiệp tổng hợp Sunfood Đà Lạt, thôn Măng Line, phường 7, TP. Đà Lạt, Lâm Đồng

Đây là mô hình HTX tổ chức liên kết chuỗi khép kín từ sản xuất đến cung cấp sản phẩm rau củ quả sạch đến người tiêu dùng. HTX Sunfood Đà Lạt hiện có 47 thành viên là các HTX, đơn vị, doanh nghiệp sản xuất với diện tích hơn 40 ha tại các phường 5,

phường 7, phường 8 của thành phố ngàn hoa Đà Lạt. Bên cạnh đó, Sunfood Đà Lạt còn liên kết với 3 công ty để cung cấp phân bón trợ giá cho người dân và bao tiêu sản phẩm nông sản nhằm giảm giá thành trong quá trình vận chuyển nhằm hỗ trợ cho người dân và các đơn vị liên kết.

Hiện HTX Sunfood Đà Lạt có các nhóm rau thủy canh, nhóm rau củ baby, nhóm đặc sản Đà Lạt, nhóm trái cây và nhóm hoa Đà Lạt với hơn 220 sản phẩm khác nhau. Tất cả các sản phẩm này được sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, sản phẩm đạt chuẩn VSATTP, có tem nhãn truy xuất nguồn gốc. Đến nay Sunfood Đà Lạt đã liên kết với 22 HTX trên 20 tỉnh, thành phố, 4 công ty, 8 siêu thị, 131 cửa hàng tại 25 tỉnh, thành phố để cung ứng sản phẩm theo chuỗi.

Với tiêu chí cung cấp nông sản sạch tới người tiêu dùng và để khẳng định trách nhiệm cũng như uy tín của mình, HTX Sunfood Đà Lạt đã mua bảo hiểm cho người tiêu dùng với mức chi trả mỗi người là 50 triệu đồng/lần nếu không may bị ngộ độc khi sử dụng thực phẩm mua từ các chuỗi cửa hàng của HTX.

1.4. HTX Nông nghiệp và Thương mại Mường Động, xã Tú Sơn, huyện Kim Bôi, tỉnh Hoà Bình

HTX có 50% là người đồng bào dân tộc Mường và Dao. Thành viên HTX đều là những hộ trồng cây có múi, đến từ nhiều xã khác nhau trong huyện Kim Bôi. Tổng diện tích cây trồng có múi của các thành viên HTX là 147 ha.

HTX đã áp dụng thống nhất quy trình sản xuất cây ăn quả có múi đảm bảo an toàn thực phẩm. HTX có khả năng cung cấp sản phẩm quả tươi từ 8 đến 9 tháng trong năm (từ tháng 8 tới tháng 3 năm sau). Đặc biệt có những giống mới có chất lượng cao, có khả năng xuất khẩu như cam Marrs (cam BH), cam C36, chanh không hạt. Toàn bộ diện tích đã được cấp chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm và 45 ha đã được cấp chứng nhận VietGAP; đặc biệt có 3,2 ha được chứng nhận hữu cơ.

Ngoài sản phẩm chủ lực là cây có múi, hiện nay HTX đang bắt đầu thực hiện đầu tư dự án sản xuất - tiêu thụ rau muống trên nền nước khoáng, quy mô dự kiến khoảng 3ha, sẽ cung cấp cho thị trưởng gần 100 tấn rau/năm có đầy đủ bao bì nhãn mác, đảm bảo an toàn thực phẩm và có thể truy xuất nguồn gốc.

Toàn bộ diện tích sản xuất kinh doanh của HTX đều chú trọng khâu phát triển bền vững, bảo vệ đất, bảo vệ môi trường (không sử dụng thuốc trừ cỏ; không sử dụng các loại thuốc BVTV, phân bón không có trong danh mục được phép sử dụng; sử dụng phân bón cân đối, tăng cường sử dụng phân hữu cơ và giảm lượng phân vô cơ,...). Toàn bộ diện tích sản xuất áp dụng và tuân thủ nghiêm ngặt tiêu chuẩn VietGAP, tiêu chuẩn hữu cơ.

1.5. HTX chôm chôm GlobalGAP Bình Hòa Phước xã Bình Hòa Phước, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long

Đây là mô hình HTX tổ chức sản xuất chôm chôm nghịch vụ đạt tiêu chuẩn GlobalGAP để xuất khẩu. Từ năm 2009 các hộ trồng chôm chôm đã tham gia thành lập

HTX Bình Hòa Phước, đồng thời cùng nhau thống nhất áp dụng quy trình trồng chôm chôm rải vụ, nghịch vụ cho thu hoạch rải rác từ tháng 9 đến tháng 2 sang năm để thời điểm chính vụ (tháng 4-5 hàng năm) do nhiều nơi sản xuất nên giá bán thường rất thấp. Ngoài ra, HTX còn tổ chức sản xuất chôm chôm theo tiêu chuẩn GlobalGAP.

Nhờ có chứng nhận GlobalGAP và áp dụng biện pháp rải vụ, nghịch vụ nên từ chuỗi năm 2019, HTX đã hợp đồng liên kết với Công ty VinaTNT để sản xuất và tiêu thụ chôm chôm phục vụ xuất khẩu Châu Âu và Mỹ. Toàn bộ sản lượng chôm chôm rải vụ, nghịch vụ và áp dụng tiêu chuẩn GlobalGAP của HTX được Công ty VinaTNT cam kết tiêu thụ hết. Kết quả, năm 2019 hộ nông dân thành viên HTX đã bán được chôm chôm với giá ổn định và cao hơn nhiều (38 nghìn đồng/kg) so với chôm chôm nghịch vụ nhưng không có GlobalGAP (20 nghìn đồng/kg) và chôm chôm chính vụ (10 nghìn đồng/kg). Lợi nhuận từ sản xuất chôm chôm rải vụ, nghịch vụ và áp dụng GlobalGAP của thành viên HTX đạt bình quân 40 triệu đồng/ha, cao hơn nhiều so với chôm chôm nghịch vụ nhưng không có GlobalGAP (20 triệu đồng/ha) và chôm chôm chính vụ (12 triệu đồng/ha).

1.6. HTX nông nghiệp Bưởi Da xanh tỉnh Bến Tre

HTX thành lập ngày 30/12/2016 với quy mô hiện tại 221 hộ thành viên, tại 12 xã thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre với có quy mô 90ha trồng bưởi, sản lượng trung bình 58 tấn/tháng. HTX đang tổ chức sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP và có 10 ha đạt tiêu chuẩn GlobalGAP. HTX cung cấp đầu vào, hỗ trợ kỹ thuật cho thành viên và tiêu thụ được 40% sản phẩm bưởi cho bà con. Dưới sự hỗ trợ của Dự án Phát triển Hợp tác xã Việt Nam do Socodevi tài trợ, HTX đã đáp ứng yêu cầu chất lượng của thị trường nước ngoài và xuất khẩu sang Singapore và Canada.

1.7. HTX nho Evergreen Ninh Thuận, Phan Rang, Tháp Chàm, Ninh Thuận

HTX được thành lập vào tháng 8/2015. Từ năm 2016, HTX đã từng bước chuyển mình, củng cố lại cơ cấu tổ chức tiến đến mô hình HTX kiểu mới theo định hướng thị trường, kèm theo đó, ứng dụng thực hành tốt vào trong sản xuất nông nghiệp bền vững, chăm lo thật tốt đến đời sống và nâng cao năng lực cho các thành viên trong HTX, đặc biệt là các thành viên nữ.

HTX đã luôn nhận được hỗ trợ của các ban ngành, đặc biệt là Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Ninh Thuận, Dự án VCED do chính phủ Canada tài trợ và tổ chức Socodevi thực hiện. Hiện nay, HTX có 90 thành viên tham gia mở rộng diện tích 32 ha trong đó có 28 ha nho xanh và 4 ha nho đỏ.

Với mục tiêu mang sản phẩm an toàn đến người tiêu dùng, các thành viên trong HTX tuân thủ nghiêm quy trình VietGAP từ khâu trồng, thu hoạch đến xử lý, chế biến, đóng gói, bảo quản. Trong đó "mấu chốt" chính là kỹ thuật túi bao trái tại vườn. Với kỹ thuật quan trọng này, chùm nho sau khi thu hoạch không chỉ tươi đẹp, an toàn, đủ độ ngọt mà còn hạn chế được sâu bệnh trong quá trình sinh trưởng.

Để mở rộng thị trường, ngoài sản xuất nho tươi, HTX chú trọng chế biến các sản phẩm từ nho như: nước nho lên men, nho khô,... Tất cả các sản phẩm này đều được Cục Sở hữu trí tuệ cấp Chứng nhận chỉ dẫn địa lý "Nho Ninh Thuận". HTX cũng triển khai áp dụng dán tem truy xuất nguồn gốc sản xuất trên sản phẩm, tạo được niềm tin của người tiêu dùng.

Nhờ tuân thủ nghiêm ngặt quy trình VietGAP, nho của HTX đã vượt qua được những yêu cầu khắt khe của các đơn vị, ký kết hợp đồng đưa nho tiêu thụ tại một số đại lý, siêu thị trong và ngoài tỉnh với sản lượng trung bình 5-7 tấn/tháng. Qua đó, tạo sinh kế bền vững giúp các thành viên trong HTX yên tâm sản xuất, cải thiện thu nhập, nâng cao đời sống.

2. Tồn tại, hạn chế phát triển HTX trong ngành hàng rau, quả

- Số lượng HTX trong ngành hàng rau quả hiện nay có khoảng 2.000 HTX, số lượng quá ít so với tổng diện tích rau quả hiện nay, việc phát triển các HTX rau quả còn chậm; việc tổ chức liên kết sản xuất giữa HTX với nhà máy chế biến còn yếu, chất lượng sản phẩm chưa phát huy hiệu quả; sự hợp tác liên kết giữa các tổ chức kinh tế hợp tác, nông dân và doanh nghiệp chưa nhiều, kém bền vững, chưa đáp ứng yêu cầu của sản xuất nông nghiệp hàng hóa lớn.

- Khâu tổ chức sản xuất chưa đáp ứng được đầy đủ các yêu cầu, đặc biệt là yêu cầu xuất khẩu; thiếu mô hình sản xuất theo chuỗi do quy mô nhỏ lẻ, manh mún, phân tán, khó khăn cho hoạch định đầu tư, quản lý chất lượng và tiêu thụ.

- Các HTX rau quả chịu chi phí sản xuất cao, thất thoát, hao hụt lớn; công nghệ bảo quản và xử lý sau thu hoạch chậm được đầu tư cải thiện và ít được chú ý đầu tư trong lĩnh vực chế biến rau quả. Các sản phẩm của HTX chỉ dừng ở chế biến thô, thời gian bảo quản ngắn, thiết bị bảo quản còn rất hạn chế, chỉ có rất ít các HTX đầu tư công nghệ bảo quản lạnh; chế biến sâu gần như không có.

- Diện tích rau quả tăng nhanh nhưng chưa có quy hoạch, các khu vực sản xuất tập trung quy mô lớn dần được hình thành nhưng vẫn dựa trên các nông hộ nhỏ lẻ và phân tán gây khó khăn trong việc đầu tư, quản lý chất lượng và tiêu thụ sản phẩm; việc áp dụng truy xuất nguồn gốc đối với từng hộ nông dân là rất khó khăn và tốn kém.

- Số lượng HTX ứng dụng công nghệ vào sản xuất rau quả chiếm tỷ lệ chưa cao, hiện cả nước có khoảng 20% các HTX sản xuất rau quả ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất như: công nghệ triết, ghép nhân giống vô tính; công nghệ thâm canh và quản lý cây trồng tổng hợp ICM; kỹ thuật canh tác trên giá thể, màng dinh dưỡng; công nghệ tưới tiết kiệm và công nghệ nhà kính, nhà lưới, nhà màng có hệ thống điều khiển tự động hoặc bán tự động; công nghệ sảnxuất an toàn theo quy trình thực hành tốt VietGAP hoặc GlobalGAP; công nghệ tự động, bán tự động trong tưới tiêu, kết hợp dinh dưỡng trong canh tác cây trồng quy mô hàng hóa; kho lạnh làm dịch vụ bảo quản rau quả; công nghệ tin học trong quản lý và kinh doanh ở HTX.

III. MỘT SỐ GIẢI PHÁP

- Tổ chức lại các chuỗi cung ứng sản phẩm rau, quả trong nước với sự tham gia của các HTX nông nghiệp theo hướng phát triển các kênh bán buôn, bán lẻ để phát triển mạnh thị trường nội địa; hỗ trợ các HTX xây dựng thương hiệu và truy xuất nguồn gốc nông sản, xây dựng chỉ dẫn địa lý, tổ chức giới thiệu quảng bá các sản phẩm OCOP gắn với địa phương, vùng miền.

- Xây dựng các cơ chế, chính sách thu hút đầu tư để những khu vực sản xuất tập trung, HTX và các cơ sở, đại lý thu gom lớn rau, quả đều có cơ sở sơ chế, đóng gói và kho mát bảo quản có quy mô và trang thiết bị phù hợp với đặc tính từng loại rau quả; đồng thời, khuyến khích đầu tư phát triển các trung tâm chiếu xạ thực phẩm đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế, tạo điều kiện thuận lợi cho rau quả xuất khẩu sang các thị trường chất lượng cao trên thế giới.

- Phát triển về số lượng, chất lượng HTX sản xuất rau quả thông qua việc xây dựng và triển khai hiệu quả các Đề án, Dự án, mô hình sản xuất - chế biến - tiêu thụ rau quả.

- Hình thành các chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm rau quả giữa các doanh nghiệp, HTX và nông dân liên kết.

- Xây dựng, nhân rộng mô hình rau quả áp dụng giống mới, giống rải vụ, ứng dụng công nghệ cao tưới tiết kiệm, nhà màng, nhà lưới; sản xuất theo quy trình thực hành tốt VietGAP hoặc GlobalGAP... gắn với liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm rau quả.

- Phát triển các HTX sơ chế, đóng gói và sử dụng kho mát bảo quản rau quả tươi với trang thiết bị phù hợp tại các vùng sản xuất rau quả tập trung; phát triển các dịch vụ logistics phục vụ vận chuyển, lưu thông phân phối rau quả;

- Tăng cường tuyên truyền, đào tạo cho cán bộ, thành viên HTX có kỹ thuật trình độ cao để đáp ứng yêu cầu vận hành các dây chuyền thiết bị hiện đại, công nghệ tiên tiến; tổ chức đào tạo, tập huấn kiến thức về kỹ thuật sản xuất, chế biến, bảo quản rau quả, vệ sinh an toàn thực phẩm cho HTX.

- Xây dựng nhãn mác, nhãn hiệu, thương hiệu rau quả cho các HTX thông qua việc đảm bảo chất lượng cao, an toàn thực phẩm, giá cả cạnh tranh và phù hợp thị hiếu người tiêu dùng trong nước.

- Đẩy mạnh việc xây dựng mạng lưới bán rau quả tươi; hỗ trợ các HTX, người dân bán sản phẩm lên các sàn giao dịch sản phẩm; chợ đầu mối, siêu thị, hệ thống bán buôn, bán lẻ... cho các HTX sản xuất rau quả.

- Hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho các HTX sản xuất rau quả tham gia các chương trình xúc tiến thương mại trong nước và quốc tế./.

CỤC KINH TẾ HỢP TÁC VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

MỘT SỐ TIẾN BỘ VỀ GIỐNG, KỸ THUẬT CANH TÁC VÀ CÔNG NGHỆ SAU THU HOẠCH TRÊN CÂY ĂN QUẢ VÀ CÂY RAU

Viện Nghiên cứu Rau quả - Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam

Với chức năng, nhiệm vụ được giao là: Nghiên cứu và chuyển giao tiến bộ kỹ thuật về rau, hoa và cây ăn quả vào sản xuất ở các tỉnh phía Bắc, trong những năm vừa qua Viện Nghiên cứu Rau quả đã có nhiều kết quả nghiên cứu được đưa vào áp dụng trong sản xuất, góp phần phát triển ngành sản xuất rau, quả của cả nước nói chung và ở các tỉnh phía Bắc nói riêng. Kế thừa các kết quả nghiên cứu của các giai đoạn trước, trong 5 năm gần đây, Viện Nghiên cứu Rau quả đã đạt được một số kết quả nghiên cứu về chọn tạo giống, về các biện pháp kỹ thuật canh tác và công nghệ sau thu hoạch trên cây rau, cây ăn quả. Những kết quả trên đã được chuyển giao, áp dụng trong sản xuất, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và thu nhập cho người dân ở các tỉnh phía Bắc.

I. TIẾN BỘ KỸ THUẬT VỀ CÂY ĂN QUẢ

1. Giống cây ăn quả mới

1.1. Giống chuối

- Giống chuối GL3-2:

Giống được Viện Nghiên cứu Rau quả tạo ra bằng phương pháp xử lý đột biến. Giống đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận là giống chính thức. Giống thuộc nhóm chuối tiêu vừa. Năng suất trung bình của giống đạt 45 - 50 tấn/ha. Đặc điểm nổi trội của giống là khả năng chịu bệnh héo vàng tốt.

- Giống chuối tiêu hồng

Giống chuối tiêu hồng được Viện Nghiên cứu Rau quả tuyển chọn tại vùng trồng chuối huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam. Giống đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận là giống chính thức. Giống thuộc nhóm chuối tiêu vừa, có chiều cao thân giả 2,1 - 2,5 m. Giống có khả năng sinh trưởng khỏe, tốc độ tăng trưởng chiều cao 20 - 25 cm/tháng, ra lá mới 3,5 - 4,0 lá/tháng. Số lá hoạt động khi trỗ buồng: 10-12 lá. Giống có thời gian từ trồng đến thu hoach 10 - 11 tháng; buồng quả hình trụ, khối lượng trung bình buồng đạt 22 - 25 kg/buồng, 10 - 11 nải/buồng, 200 - 220 quả/buồng. Năng suất trung bình của giống đạt 45 - 50 tấn/ha. Đặc điểm nổi trội của giống là cho chất lượng quả tốt cả trong vụ hè và vụ đông; quả chín trong vụ hè cho chất lượng quả thơm ngon, mã quả vàng đẹp, thịt quả không chua và không nhão.

1.2. Giống dứa

- Giống dứa MD2

Giống dứa MD2 được nhập nội từ Costca Rica, được Viện Nghiên cứu Rau quả đánh tính thích ứng và đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận là giống cho sản xuất thử năm 2012. Giống có khả năng sinh trưởng khỏe, lá màu xanh đậm, dài, dày, bản lá rộng, cứng, không có gai hoặc có một ít ở gốc hay chóp lá. Thời gian từ trồng đến đủ tiêu chuẩn xử lý ra hoa từ 10 - 12 tháng, dễ ra hoa chính vụ hơn dứa cayen. Thời gian từ xử lý ra hoa đến thu hoạch quả ngắn hơn giống dứa cayen từ 15 - 20 ngày. Hoa tự có màu hồng, hơi đỏ, quả có dạng hình trụ, mắt quả to, hố mắt nông, khối lượng trung bình quả xấp xỉ 1,5 kg. Năng suất trung bình của giống đạt 50 - 55 tấn/ha. Quả khi chín có màu vàng, vỏ mỏng, quả nhiều nước, thịt quả giòn hơn dứa cayen, màu sắc thịt quả vàng tươi, mùi thơm ngọt, phù hợp cho ăn tươi đặc biệt rất phù hợp cho chế biến đồ hộp và nước dứa cô đặc.

- Giống dứa H180

Giống dứa H180 được Viện Nghiên cứu Rau quả tuyển chọn từ nguồn gen nhập nội từ Australia. Giống có khả năng sinh trưởng khỏe, lá màu xanh đậm, ít gai ở chóp lá.Thời gian từ trồng đến đủ tiêu chuẩn xử lý ra hoa trung bình 340 - 350 ngày. Thời gian từ xử lý ra hoa đến thu hoạch quả tương tự giống dứa cayen Trung Quốc. Quả có dạng hình trụ, mắt quả to, hố mắt nông, khối lượng trung bình quả 1,5 - 1,8 kg. Năng suất thu được đạt 75 - 78 tấn/ha. Quả khi còn xanh có màu xanh đậm, khi chín vỏ quả có màu vàng, thịt quả màu vàng tươi, ít sơ, thịt quả giòn, hương vị thơm, thịt quả ngon, phù hợp cho ăn tươi và chế biến.

1.3. Giống nhãn, vải

- Giống nhãn chín sớm PHS2

Giống nhãn chín sớm PHS2 được Viện Nghiên cứu Rau quả tuyển chọn từ cây gieo hạt tại tỉnh Hưng Yên, được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận là giống cho sản xuất thử năm 2015. Giống nhãn chín sớm PHS2 có khả năng sinh trưởng và phát triển khỏe, có góc phân cành hẹp, có 3 - 4 đợt lộc/năm. Lá hình elip, mầu xanh đậm, bóng, chóp lá nhọn. Chùm hoa hình tháp, dài trung bình 24 - 25 cm. Thời gian ra hoa khoảng từ ngày 5/2 đến ngày 10/2, hoa nở tập trung khoảng 5 - 15/3. Quả của giống nhãn chín sớm PHS2 có hình tròn, cân đối, vỏ mỏng nhẵn, khi chín có mầu nâu sáng. Khối lượng quả trung bình đạt trên 12g/quả, tỷ lệ cùi đạt trên 66%, độ Brix đạt 21,1%, đường tổng số 14,5%, VitaminC đạt 51,5 mg%, cùi mầu trắng trong, khi cảm quan có vị ngọt, thơm, giòn, ráo nước, rễ tách khỏi hạt. Năng suất trung bình đạt 30,0 kg/cây, thời gian thu hoạch từ 15-25/7.

- Giống vải Trứng Hưng Yên

Giống vải Trứng Hưng Yên được Viện Nghiên cứu Rau quả tuyển chọn trong quần thể vải chín sớm tại Hưng Yên. Giống đã được Viện phối hợp với Sở NN&PTNT tỉnh Hưng Yên công bố lưu hành. Giống có khả năng sinh trưởng khỏe. Thời gian thu hoạch từ 15 - 20/5. Đặc điểm nổi bật của giống là khối lượng quả lớn (từ 45,2 - 55,3g), chất lượng tốt. Màu sắc vỏ quả tươi và bền màu sau thu hoạch.

- Giống vải chín sớm Phúc Hòa

Giống vải Phúc Hòa được Viện Nghiên cứu Rau quả tuyển chọn trong quần thể vải chín sớm tại Bắc Giang. Giống đã được Bộ Nông nghiệp công nhận là giống chính thức. Giống có khả năng sinh trưởng khỏe. Thời gian ra hoa của giống Phúc Hòa trong khoảng 05/01 đến 10/01, thời gian đậu quả từ 10/3 - 15/3 và thu hoạch từ 15 - 20/5. Giống vải Phúc Hòa có số lượng hoa lớn và tỷ lệ hoa cái và lưỡng tính cao, đạt 17,96%, cao hơn so với giống Lai Thanh Hà 6,16%. Năng suất giống Phúc Hòa đạt 80 - 90 kg/cây 10 năm tuổi. Chất lượng của giống gần tương đương so với giống vải thiều.

1.4. Cây ăn quả có múi

- Giống bưởi Đường lá nhăn

Được công nhận là giống cho sản xuất thử theo QĐ số 110/QĐ-TT-CTT ngày 19 tháng 4 năm 2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT. Giống có các đặc điểm chính sau: Sinh trưởng khỏe, năng suất cao và ổn định. Quả đóng đều trên cây, có những vị trí đóng quả thành từng chùm từ 3 -20 quả, kích thước quả đồng đều, có khối lượng quả đạt sấp sỉ 0,95 kg, hình cầu, có số múi/quả bình quân đạt 13,1 múi, rất dễ tách vách múi, tép mầu vàng nhạt, số hạt/quả đạt 73,9 hạt, tỷ lệ ăn được đạt 50,97%, độ Brix đạt 12,9%. Hàm lượng đường tổng số đạt 10,01%, chất khô đạt 13,95%, vitamin C đạt 65,93 mg/100 g và axit đạt 0,168%. Các chỉ tiêu cảm quan được đánh giá ở mức thích và rất thích.

- Dòng lai TH.11

Được Viện Nghiên cứu Rau quả tạo bằng phương pháp lai hữu tính. Dòng có những đặc điểm nổi bật như: có khả năng sinh trưởng khỏe, khối lượng trung bình từ 850 - 1.000g. Tỷ lệ phần ăn được cao, từ 55 - 60%. Múi và vách múi dễ tách rời nhau. Thịt quả màu đỏ hồng, mọng nước, ăn giòn, vị chua ngọt cân đối, không he đắng ở ngay năm đầu cho quả. Thời gian thu hoạch từ cuối tháng 9 đến cuối tháng 10.

- Dòng lai TH.12

Được Viện Nghiên cứu Rau quả tạo bằng phương pháp lai hữu tính. Dòng có những đặc điểm nổi bật như: khả năng sinh trưởng khỏe, quả hình cầu, vỏ màu xanh đến xanh vàng; cùi quả khi chín có màu hồng, khối lượng trung bình từ 950 - 1.200g. Tỷ lệ phần ăn được cao, từ 55 - 59%. Múi và vách múi dễ tách rời nhau. Tép quả màu hồng đỏ, mượt, mọng nước, chua ngọt cân đối, không he đắng ở ngay năm đầu cho quả. Thời gian thu hoạch từ cuối tháng 8 đến cuối tháng 9.

- Giống cam sành ít hạt HG1

Được công nhận là giống cho sản xuất thử theo QĐ số 453/QĐ-TT-CTT ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT. Giống có các đặc điểm chính sau: Sinh trưởng khỏe, tiềm năng năng suất cao và ổn định. Khối lượng quả đạt từ 217,53 đến 230,93 gam/quả. Quả cam sành HG1 có 12 múi/quả, ít hạt (từ 5,8 - 7,2 hạt/quả); Tỷ lệ ăn được đạt 70,06 đến 71,82%; Độ Brix đạt khoảng 11%; Đường tổng số đạt 6,85 - 6,98%; Chất khô đạt 11,06 - 11,15%; Vitamin C đạt 30,16 - 30,81 mg/100g; Axit đạt 0,639 đến 0,642%.

- Giống cam Tề

Giống cam Tề được Viện Nghiên cứu Rau quả tuyển chọn từ nguồn giống nhập nội, đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận là giống cho sản xuất thử. Giống có khả năng sinh trưởng khỏe, có thời gian thu hoạch dài, từ đầu tháng 9 đến giữa tháng 11. Giống có đặc tính chín sớm, chín sớm hơn giống cam chín sớm CS1 gần 1 tháng. Giống có năng suất cao và ổn định và đặc biệt là không hạt. Giống chín sớm và không hạt, chất lượng tốt nên mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn gấp 3 - 4 lần so với giống cam Sành đang được trồng tập trung tại Hà Giang.

- Giống cam NV 03

Được công nhận là giống cho sản xuất thử theo QĐ số 453/QĐ-TT-CTT ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT. Giống có các đặc điểm chính sau: giống có khả năng sinh trưởng khoẻ, khối lượng quả trung bình quả đạt 394,2 gam/quả, tỷ lệ phần ăn được 81,4%; thịt quả màu vàng tươi, mọng nước, xơ mềm, vị ngọt thanh, thơm nhẹ, không hạt. Brix 11,2%; đường tổng số 8,25%; axit tổng số 0,402%; vitaminC 45,83 mg/100g; chất khô 12,42%. Mức độ mẫn cảm với các đối tượng sâu bệnh gây hại của giống ở mức trung bình. Thời gian thu hoạch sớm và kéo dài từ cuối tháng 9 sang tháng 10 đến đầu tháng 11. Cho năng suất cao, năng suất trung bình đạt trên 30 kg/cây 6 năm tuổi.

- Giống quýt ngọt GL3-3

Là giống quýt GL3-1 được Viện Nghiên cứu Rau quả tuyển chọn từ nguồn giống nhập nội, đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận là giống cho sản xuất thử. Giống có khả năng sinh trưởng, phát triển tốt, ít mẫn cảm với các loại sâu bệnh nguy hiểm. Thời gian ra hoa từ 8 - 20/2, thu hoạch quả vào 5 - 10/12. Đây là giống có tiềm năng cho năng suất cao khi năng suất đạt 5,2 - 9,4 kg/cây ở thời điểm sau trồng 3 năm. Quả hình cầu hơi dẹt, khối lượng 83 - 85g, vỏ quả màu vàng đỏ da cam, thịt quả màu vàng đậm, chất lượng tốt: brix đạt 11,3 - 11,5%, đường tổng số đạt 7,29 - 7,62 %, axit tổng số đạt 0,47 - 0,60%, có trung bình 3,6 - 4,0 hạt/ quả.

1.5. Một số giống cây ăn quả khác

- Giống táo số 5

Giống táo số 5 được Viện Nghiên cứu Rau quả tuyển chọn từ nguồn vật liệu các giống táo nhập nội và đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận là giống cho sản xuất thử năm 2016. Giống có khả năng sinh trưởng khỏe. Thời vụ thu hoạch chính từ tháng 1 đến tháng 2. Khối lượng quả đạt 80 - 100g/quả. Năng suất năm thứ nhất đạt trên 7 tấn/ha tương đương 1 cây đạt trên 14 kg quả; năm thứ 2 đạt trên 10 tấn/ha tương đương 1 cây đạt trên 20 kg. Giống có chất lượng quả cao, độ brix đạt 13,5%, hàm lượng vitamin C đạt trên 35mg/100g thịt quả; ăn ngọt, giòn, thơm, mã quả đẹp.

- Giống ổi OĐL1

Giống ổi OĐL1 được Viện Nghiên cứu Rau quả tuyển chọn từ nguồn gen nhập nội từ Đài Loan, đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận là giống cho sản xuất thử. Giống có lá hình trái xoan, hơi thuôn dài, phiến lá hơi mo hình lòng máng và đuôi lá hơi tròn; quả hình trứng, hơi tròn, rốn quả cân, phần cuống quả lõm sâu, bề mặt hơi sần, vỏ quả chín có màu vàng nhạt, sáng, khối lượng quả trung bình 235,8 gam. Tỷ lệ hạt chiếm 4,2% so với khối lượng quả. Hạt tương đối mềm; độ brix trung bình của hai mùa (mùa khô và mùa mưa) đạt 9,85%; hàm lượng vitaminC: 31,55 mg%. Giống có năng suất đạt được từ 20 - 30kg trên cây 3 năm tuổi, năng suất đạt được khoảng 20 - 30 tấn/ha.

- Giống thanh long ruột đỏ TL5

Giống thanh long ruột đỏ TL5 được Viện Nghiên cứu Rau quả tuyển chọn từ nguồn vật liệu các giống thanh long nhập nội và đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận là giống cho sản xuất thử năm 2016. Cây sinh trưởng khỏe, cành to, màu xanh đậm. Ra hoa tự nhiên tập trung từ tháng 4 đến tháng 10, có 10 - 11 đợt hoa trong năm. Khối lượng quả 400 - 450 gam, quả hình thuôn dài. Độ brix đạt 16 - 18,0%. Năng suất của giống thu được tăng theo tuổi cây, năm thứ nhất đạt 3 - 4 kg/trụ; năm thứ hai đạt 10 - 12 kg/trụ; năm thứ 3 đạt 20 - 22 kg/trụ. Khi ổn định năng suất, năng suất có thể đạt 27 - 30 kg quả/trụ, tương đương 30 - 32 tấn/ha.

- Giống xoài ĐL4

Giống xoài ĐL4 được Viện Nghiên cứu Rau quả tuyển chọn từ nguồn gen nhập nội từ Đài Loan, đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận là giống cho sản xuất thử. Cây có khả năng sinh trưởng khoẻ, lá có màu xanh đậm; chùm hoa hình tháp, màu đỏ hồng; vỏ quả màu xanh vàng, vai quả màu tím hồng. Thời gian ra hoa của giống 5/1 - 20/1, cho thu hoạch tập trung trong thời gian 1/6 - 20/6. Giống có khả năng cho năng suất cao, năng suất trung bình đạt 12 - 15 kg kg/cây có độ tuổi 4 - 5 năm tuổi. Khối lượng quả trung bình quả đạt 650 - 700 gam, tỷ lệ phần ăn được là 82,68%; thịt quả màu vàng đậm, ngọt, thơm, thịt chắc mịn, không xơ. Giống có thể sử dụng cho ăn xanh hoặc ăn chín.

2. Tiến bộ kỹ thuật mới

2.1. Về kỹ thuật canh tác.

- Quy trình kỹ thuật nhân và sản xuất chuối tiêu từ cây nuôi cấy mô

Quy trình nhân giống bằng nuôi cấy mô được sử dụng môi trường cơ bản MS và bổ sung một số chất điều tiết sinh trưởng với các liều lượng khác nhau tùy thuộc vào từng giống chuối. Cây giống được nhân giống bằng nuôi cấy mô có giá thành thấp hơn so với cây giống được nhân giống bằng phương pháp tách chồi truyền thống. Từ cây giống được nhân giống bằng phương pháp nuôi cấy mô, sau trồng 10 - 11 tháng cây chuối sẽ cho thu hoạch. Toàn bộ quy trình kỹ thuật trồng, chăm sóc cho các giống chuối được nhân giống bằng nuôi cấy mô đã được Viện nghiên cứu hoàn thiện, chuyển giao cho sản xuất. Ưu điểm nổi bật của kỹ thuật sản xuất chuối từ cây giống được nhân giống bằng nuôi cấy mô là cây sinh trưởng phát triển đồng đều, cho trổ buồng đồng loạt và có thể điều khiển thời gian cho thu hoạch qua thời vụ trồng. Áp dụng quy trình kỹ thuật trồng chuối tiêu từ cây giống nhân bằng nôi cấy mô cho năng suất đạt 45 - 50 tấn/ha, sản phẩm đạt tiêu chuẩn xuất khẩu.

- Thụ phấn bổ sung nâng cao tỷ lệ đậu quả, khắc phục hiện tượng mất mùa một số giống bưởi

Nghiên cứu đã được triển khai tại các vùng trồng bưởi tập trung của Yên Bình - Yên Bái, Đoan Hùng - Phú Thọ và Hương Khê - Hà Tĩnh trên các giống bưởi Đại Minh, Bằng Luân và bưởi Phúc Trạch. Phương pháp thụ phấn bổ sung cho kết quả tốt nhất là sử dụng phấn của các giống bưởi chua thụ phấn cho các giống bưởi Đại Minh, Bằng Luân và bưởi Phúc Trạch; áp dụng phương pháp thụ phấn bổ sung đã làm tăng năng suất quả từ 6,0 - 8,7 lần so với không được thụ phấn bổ sung trên tất cả các giống, phục hồi được năng suất của các giống gần tương tự như trước thời điểm xảy ra hiện tượng mất mùa nhiều năm liên tục. Áp dụng biện pháp kỹ thuật thụ phấn bổ sung không làm thay đổi chất lượng quả của các giống bưởi Đại Minh, bưởi Bằng Luân và bưởi Phúc Trạch. Biện pháp kỹ thuật thụ phấn bổ sung đã được đưa vào áp dụng trên giống bưởi Diễn tại các vùng trồng bưởi Diễn tập trung của thành phố Hà Nội đã nâng cao năng suất và hiệu quả kinh tế của cây bưởi Diễn của thành phố Hà Nội.

- Xử lý hóa chất khắc phục hiện tượng ra quả cách năm trên cây nhãn

Hóa chất xử lý là $KCLO_3$ và $NaCLO_3$. Xử lý lần thứ nhất vào 15 - 30/12 nhằm thúc đẩy quá trình hình thành hoa. Ở thời điểm này có thể tiến hành cho tất cả các cây trên vườn. Thời điểm xử lý thứ 2 tiến hành vào giữa tháng 2 đến đầu tháng 3, tiến hành xử lý cho những cây không ra hoa tự nhiên nhưng lộc trên cây bước vào giai đoạn bánh tẻ hoặc đã già. Liều lượng xử lý: 30g hóa chất cho 1m đường kính tán. Dùng cuốc xới nhẹ đất xung quanh hình chiếu tán cây (hạn chế việc làm ảnh hưởng đến rễ cây). Hoà lượng $KCLO_3$ thích hợp vào 10 lít nước, khuấy đều cho tan hết và tưới đều xung quanh hình

chiếu tán cây. Sau khi xử lý phải tưới nước giữ ẩm liên tục cho cây trong 7 - 10 ngày để đảm bảo cho hóa chất xử lý tan hết (nếu trời mưa thì không cần tưới). Sau thời gian xử lý 35 - 45 ngày tuỳ theo điều kiện thời tiết cây sẽ ra hoa.

- Quy trình kỹ thuật ghép cải tạo thay thế giống cây ăn quả

Quy trình kỹ thuật ghép cải tạo thay thế giống được áp dụng cho hầu hết các chủng loại cây ăn quả, đặc biệt hiệu quả cho cây nhãn và cây vải. Quy trình đã được Viện Nghiên cứu Rau quả nghiên cứu hoàn thiện và chuyển giao rộng rãi vào sản xuất ở các tỉnh phía Bắc. Cho đến nay diện tích cây nhãn được ghép cải tạo tại các tỉnh phía Bắc (Sơn La, Lào Cai, Yên Bái,...) đạt khoảng 5.000 ha, cây vải đạt khoảng 1.000 (Quảng Ninh, Bắc Giang) ha. Quy trình ghép cải tạo giúp thay thế giống cũ bằng các giống mới hoặc cải tạo vườn tạp nhanh và hiệu quả, mỗi ha cây ăn quả được ghép cải tạo đã làm tăng thu nhập cho người sản xuất từ 5 - 10 lần. Hiện nay quy trình ghép cải tạo thay thế giống cây ăn quả đang được người dân áp dụng rộng rãi và rất hiệu quả vào sản xuất.

2.2. Về thu hoạch và bảo quản

- Quy trình công nghệ xử lý cận thu hoạch và bảo quản vải thiều

Quy trình công nghệ xử lý cận thu hoạch giúp nâng cao được chất lượng cho quả vải thiều nguyên liệu, màu sắc vỏ quả, độ cứng được cải thiện, tăng hàm lượng chất khô đồng thời kéo dài thời điểm thu hái thêm khoảng 10 - 15 ngày so với thời điểm truyền thống. Quy trình công nghệ sơ chế, bảo quản vải thiều sử dụng các hóa chất an toàn, thân thiện với môi trường đã kéo dài thời giản bảo quản quả vải thiều trên 30 ngày với tỉ lệ thối hỏng dưới 10%. Quy trình đã hạn chế được hiện tượng thối hỏng và nâu hóa vỏ quả trong quá trình bảo quản và ra kho. Quả vải thiều sau bảo quản duy trì được chất lượng dinh dưỡng, cảm quan, đảm bảo an toàn thực phẩm và đủ tiêu chuẩn lưu thông trên thị trường.

- Quy trình công nghệ tác động ở giai đoạn cận và sau thu hoạch cho giống nhãn chín muộn

Quy trình công nghệ xử lý cận đã góp phần tăng năng suất đối với giống nhãn chín muộn từ 17- 20%; giải quyết triệt để hiện tượng sâu đầu, sâu đục quả cũng như hiện tượng nấm bệnh trên vỏ quả, nâng cao giá bán của các nông hộ từ 20- 25%. Quy trình công nghệ xử lý và bảo quản sau thu hoạch có sử dụng các hoá chất an toàn (axit hữu cơ, gel nano Bạc...) dưới ngưỡng nồng độ cho phép đã ổn định chất lượng thương phẩm của quả nhãn trong thời gian 22-25 ngày với tỷ lệ thối hỏng dưới 7%. Quy trình công nghệ cận và sau thu hoạch đối với quả nhãn chín muộn sẽ được sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội áp dụng trong mùa vụ 2017 phục vụ xuất khẩu sang thị trường Malaysia.

- Quy trình công nghệ bảo quản và chế biến quả chuối

Quy trình công nghệ xử lý cận và sau thu hoạch đã góp phần nâng cao chất lượng của quả chuối thông việc cải thiện màu sắc, mẫu mã quả; kéo dài thời gian bảo quản từ 30-40 ngày với tỷ lệ thối hỏng dưới 5%. Quy trình công nghệ chế biến một số sản phẩm từ quả chuối, bao gồm: Quy trình chế biến nước chuối probiotic (với tỷ lệ vi khuẩn probiotic ≥ 10^6 cfu/ml); Quy trình công nghệ chế biến chuối sấy dẻo (với thời hạn sử dụng ≥ 1 năm); Quy trình công nghệ chế biến rượu chuối (với hàm lượng cồn ≤ 15%V). Các quy trình công nghệ này đã được chuyển giao cho một số cơ sở chế biến và kinh doanh trên địa bàn tỉnh Sơn La.

- Quy trình công nghệ bảo quản quả cam

Quy trình công nghệ bảo quản có sử dụng các kỹ thuật xử lý kết hợp với các giải pháp màng bao đã kéo dài thời gian bảo quản sau thu hoạch đối với quả cam từ 35-60 ngày (tuỳ thuộc điều kiện bảo quản) với tỷ lệ hư hỏng dưới 10%, góp phần tăng hiệu quả kinh tế từ 12 -20%. Quy trình công nghệ đã được tập huấn và áp dụng tại vùng cam Cao Phong - Hoà Bình và Hà Giang.

- Quy trình bảo quản và chế biến quả Sơn tra (Táo mèo)

Quy trình công nghệ bảo quản, chế biến một số sản phẩm chế biến từ quả sơn tra bao gồm: Quy trình bảo quản quả sơn tra kéo dài được trên 2 tháng với tỷ lệ thối hỏng dưới 10%, góp phần tăng hiệu quả kinh tế thêm 150-200% (thông qua giá bán tăng 3-4 lần so với chính vụ); Quy trình công nghệ sấy dẻo sơn tra cho sản phẩm có hượng vị đặc trưng của sơn tra, hàm lượng đường ≥ 10%, có hương hương vị đặc trưng; Quy trình công nghệ sản xuất nước uống lên men từ quả sơn tra. Quy trình chế biến các sản phẩm quả sơn tra đã được chuyển giao thành công cho doanh nghiệp tổ chức sản xuất ở quy mô sản xuất lớn.

II. TIẾN BỘ KỸ THUẬT TRÊN CÂY RAU

1. Giống rau mới

1.1. Các giống cà chua

Giống cà chua lai F1 Sao đỏ179: Do Viện Nghiên cứu Rau quả chọn tạo. Giống sinh trưởng bán bán hữu hạn, năng suất 70-100 tấn/ha chịu bệnh xoăn vàng lá virus, chịu bệnh sương mai.

1.2. Các giống ớt

- Giống ớt cay chỉ địa lai F1 GL1-10: Do Viện Nghiên cứu Rau quả chọn tạo. Cây sinh trưởng phát triển khỏe, thích ứng rộng, ra hoa và thu hoạch tập trung. Thời gian thu hoạch: 80-85 ngày sau trồng. Khối lượng quả lớn: 14,0-15,0g, dài quả 15-18 cm, dày thịt quả. Năng suất: >25 tấn/ha. Hàm lượng chất khô 16-18%. Chống chịu bệnh thối quả sinh lý, hình thức sử dụng đa dạng: xuất khẩu tươi, muối xanh, muối mặn.

- *Giống ớt cay lai F1 GL1-6:* Do Viện Nghiên cứu Rau quả chọn tạo. Cây sinh trưởng phát triển khỏe, thích ứng rộng. Thời gian thu hoạch: 75-80 ngày sau trồng. Khối lượng quả: 3,0g -3,5, dài quả 6-7 cm, thịt quả dày. Năng suất: 18-20 tấn/ha. Hàm lượng chất khô 23%. Chống chịu tốt bệnh đốm lá *Stemphylium solani.*

- *Giống ớt chỉ thiên lai F1 GL1-18:* Do Viện Nghiên cứu Rau quả chọn tạo. Cây sinh trưởng phát triển khỏe, thích ứng rộng, thu hoạch tập trung. Thời gian thu hoạch: 75-80 ngày sau trồng. Khối lượng quả lớn: > 4,0g, dài quả 7-9 cm. Năng suất: 20-22 tấn/ha. Hàm lượng chất khô cao 23-25%, thích hợp cho chế biến sấy khô. Kháng bệnh héo rũ do nấm *Phytophthora capsici.*

1.3. Giống dưa chuột lai

Giống dưa chuột lai F1 GL1-9: Do Viện Nghiên cứu Rau quả chọn tạo. Giống có khả năng sinh trưởng phát triển tốt, thời gian sinh trưởng từ 75 - 85 ngày. Quả có chiều dài quả 20-22 cm, vỏ xanh sáng, đặc ruột, ăn giòn, ngọt, năng suất trung bình đạt 45 - 55 tấn/ha, chịu bệnh phấn trắng tốt.

1.4. Giống mướp đắng

- *Giống mướp đắng lai F1 GL1-13:* Do Viện Nghiên cứu Rau quả chọn tạo. Giống thích hợp trồng trong vụ xuân hè và thu đông ở miền Bắc. Thời gian sinh trưởng 120 - 150 ngày (vụ xuân hè) và 90-100 ngày (vụ thu đông). Năng suất đạt 50-55 tấn/ha (vụ xuân hè) và 35-40 tấn/ha (vụ thu đông). Đặc điểm quả: thon dài (20-23 cm × 4,2-4,5 cm), khối lương trung bình 140-150g, quả màu xanh, gai nở, tỷ lệ phần ăn được cao. chống chịu bệnh phấn trắng và sương mai khá. Chất lượng tốt, độ đắng trung bình.

- *Giống mướp đắng lai quả xanh lai F1 GL1-24:* Do Viện Nghiên cứu Rau quả chọn tạo. Giống thích hợp trồng trong vụ xuân hè và thu đông ở miền Bắc. Thời gian sinh trưởng 120- 150 ngày (vụ xuân hè) và 100 - 120 ngày (vụ thu đông). Năng suất đạt 50-55 tấn/ha (vụ xuân hè) và 40-45 tấn/ha (vụ thu đông). Quả thon dài (17-19 cm × 4,2-4,5 cm), khối lượng trung bình 120- 130g, màu xanh đậm, gai dày. Chống chịu bệnh phấn trắng tốt. Chất lượng tốt, ăn giòn, độ đắng vừa.

1.5. Giống dưa lê vàng sọc trắng (dạng dưa lê Hàn Quốc)

- *Giống dưa vàng lai F1 Happy 6:* Giống dưa lê vàng lai (F1) Happy 6 do Viện Nghiên cứu Rau quả tạo ra, giống trồng thích hợp trong các vụ xuân hè, hè thu và thu đông ở Đồng bằng sông Hồng, Trung du miền núi phía Bắc, Bắc Trung Bộ, Duyên hải Nam Trung Bộ. Thời gian sinh trưởng 70-85 ngày, khối lượng quả: 400-500 g, độ Brix ≥13, chất lượng ngon, giòn, ngọt. Năng suất đạt 22-30 tấn/ha.

- *Giống dưa vàng lai F1 Happy 7:* Giống dưa lê vàng lai (F1) Happy 7 do Viện Nghiên cứu Rau quả tạo ra, giống trồng thích hợp trong các vụ xuân hè, hè thu và thu

đông ở Đồng bằng sông Hồng, Trung du miền núi phía Bắc, Bắc Trung Bộ, Duyên hải Nam Trung Bộ. Thời gian sinh trưởng 70-80 ngày, khối lượng quả: 500-600 g, quả hình ô van, độ Brix ≥13, chất lượng ngon, giòn, ngọt. Năng suất đạt 22-27 tấn/ha.

1.6. Giống cải làn

- *Giống cải làn GL1-11:* Do Viện Nghiên cứu Rau quả chọn lọc. Tùy thuộc vào thời vụ trồng, thời gian sinh trưởng của giống từ 80 - 105 ngày. Giống có hoa trắng, sinh trưởng và phát triển khỏe, kích thước thân và ngồng lớn, khả năng phân nhánh khỏe (8 - 12 nhánh/thân), tổng khối lượng trung bình cây đạt 120 - 150g/cây, năng suất thực thu 20 - 22 tấn/ha. Ngoài ra, giống GL1-11 có hàm lượng đường tổng số và vitamin C cao, thân không bị nứt, thân mềm và ngọt sau khi chế biến.

1.7. Giống đậu cô ve

- *Giống đậu cô ve CV96:* Do Viện Nghiên cứu Rau quả chọn lọc. Cây sinh trưởng, phát triển khỏe, thời gian sinh trưởng 70-80 ngày, quả xanh trung bình, số quả/cây 26-30 quả, năng suất 24-26 tấn/ha, chất lượng tốt, quả ngọt và giòn sau khi chế biến

- Bên cạnh các giống trên trong thời gian qua Viện Nghiên cứu Rau quả đã khảo nghiệm, tuyển chọn và đưa ra sản xuất thành công một số giống rau của Hàn Quốc như cải củ Songjong, bí ngồi Star Ol, Azura, cải bắp CT17, xà lách xoăn Hacheong. Đây là các giống có năng suất, chất lượng tốt

2. Các tiến bộ kỹ thuật mới ứng dụng cho sản xuất

- ***Tiến bộ kỹ thuật ghép cà chua*** trên gốc cà tím và cà chua ghép trên gốc cà chua quy mô công nghiệp được áp dụng vào sản xuất ở một số vùng trồng cà chua tập trung ở các tỉnh phía Bắc (Sơn La, Vĩnh Phúc, Hải Dương, Hải Phòng và Nam Định). Kết quả sản xuất tại các địa phương cho thấy, sử dụng cây giống cà chua ghép đã làm tăng năng suất 15 - 20 tấn/ ha so với các biện pháp thông thường. Nguyên nhân là do cây cà chua ghép có khả năng chống chịu được bệnh héo xanh vi khuẩn, tuyến trùng và úng ngập tốt hơn cây giống cà chua thông thường.

- ***Tiến bộ về ghép cây dưa lưới, dưa lê vàng trên gốc bí ngô:*** Tăng khả năng sinh trưởng, chịu nóng tốt, chịu bệnh sinh ra từ đất, tăng năng suất, chất lượng về màu sắc và độ ngọt.

- ***Tiến bộ kỹ thuật vòm che thấp bằng vải không dệt:*** Để sản xuất rau an toàn, rau trái vụ. Hạn chế sâu bệnh, hạn chế dập cây do mưa gió lớn.

- Tiến bộ kỹ thuật về sản xuất cây rau ăn quả trong nhà màng ứng dụng công nghệ cao: cà chua, dưa chuột, dưa lưới, dưa vàng, ớt ngọt./.

VIỆN NGHIÊN CỨU RAU QUẢ
- VIỆN KHOA HỌC NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

KẾT QUẢ PHÁT TRIỂN VÙNG NGUYÊN LIỆU CÂY ĂN QUẢ PHỤC VỤ CHẾ BIẾN, XUẤT KHẨU GIAI ĐOẠN 2016 - 2021, ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN ĐẾN NĂM 2025 CỦA TỈNH SƠN LA

Sở Nông nghiệp và PTNT Sơn La

Với những lợi thế, tiềm năng sẵn có về đất đai, khí hậu, những năm gần đây tỉnh Sơn La đang tập trung triển khai Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững với quyết tâm đưa Sơn La trở thành trung tâm phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; trung tâm chế biến nông sản của vùng Tây Bắc. Xác định tầm quan trọng và vai trò ý nghĩa đối với phát triển nông nghiệp, nông thôn, tỉnh Sơn La đã ban hành các cơ chế, chính sách xúc tiến đầu tư, ưu đãi, hỗ trợ đầu tư phát huy tiềm năng, lợi thế, tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Ngành Nông nghiệp và PTNT tập trung chỉ đạo theo hướng sản xuất hàng hóa, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao, nâng cao chất lượng hiệu quả sức cạnh tranh của sản phẩm, chú trọng xây dựng thương hiệu và đảm bảo an toàn thực phẩm; gắn sản xuất nông nghiệp với chế biến và chế biến sâu, nâng cao giá trị gia tăng của các sản phẩm nông nghiệp.

Sơn La có tổng diện tích đất sản xuất nông nghiệp 409.321 ha, nhìn chung đất đai trên địa bàn tỉnh còn khá tốt, tầng đất dầy, nhiều mùn, khí hậu chia thành hai mùa rõ rệt, biên độ chênh lệnh ngày, đêm lớn; có hệ thống sông, suối khả năng chứa nước tạo ra lợi thế phát triển phát triển tập đoàn cây trồng phong phú và đa dạng với nhiều loại cây trồng như cây công nghiệp (chè, cà phê...), cây ăn quả các loại (xoài, nhãn, chuối, cây có múi, mận, hồng,...); rau (các loại, rau đặc sản), hoa, cây thực phẩm, đặc biệt là rau trái vụ, quả ôn đới có chất lượng, mang hương vị đặc trưng của tỉnh so với vùng khác.

Thực hiện chủ trương phát triển cây ăn quả địa bàn tỉnh đã có những bước phát triển vượt bậc, mang lại hiệu quả tích cực trong chuyển đổi cơ cấu cây trồng. Diện tích cây ăn quả toàn tỉnh năm 2020 là 78.850 ha; sản lượng quả đạt 330.783 tấn, trong đó giai đoạn 2016-2020 diện tích chuyển đổi, trồng mới cây ăn quả là 51.987 ha cây ăn quả các loại. Một số cây ăn quả chính có giá trị hàng hóa lớn và đã hình thành các vùng sản xuất tập trung như nhãn (huyện Sông Mã); xoài đặc sản (huyện Yên Châu), mận hậu (huyện Mộc Châu, Yên Châu); một số cây ăn quả của tỉnh có diện tích, sản lượng lớn nhất trong khu vực Tây Bắc và khu vực trung du và miền núi Bắc Bộ (xoài, nhãn, bơ,...), tỉnh Sơn La có 20 sản phẩm trồng trọt của tỉnh đã được cấp chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể; duy trì phát triển 159 chuỗi cung ứng an toàn sản phẩm cây trồng; được cấp 181 mã số vùng trồng với diện tích 4.702 ha cây ăn quả phục vụ xuất khẩu; toàn tỉnh có 614 hợp tác xã nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, trong đó có 301 hợp tác xã trồng cây ăn quả; có 500 cơ sở sơ chế, chế biến nông sản; xây dựng và đưa vào hoạt động 3 nhà

máy chế biến quả trên địa bàn tỉnh, giúp đời sống của người dân nông thôn đã được cải thiện rõ rệt.

I. HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN CÂY ĂN QUẢ GIAI ĐOẠN 2016-2021

1. Các chủ trương, chính sách

Trong 5 năm, Tỉnh ủy đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo định hướng về chương trình phát triển cây ăn quả. Hội đồng nhân dân tỉnh cụ thể hóa các văn bản của Ban Thường vụ Tỉnh ủy bằng việc thông qua Đề án phát triển cây ăn quả trên địa bàn tỉnh đến năm 2020; các Đề án phát triển nông nghiệp, nông thôn, trong đó có nội dung liên quan đến phát triển cây ăn quả; Ban hành các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển cây ăn quả tạo động lực cho doanh nghiệp, HTX, người dân phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hoá có chất lượng, giá trị sản phẩm cao, như: Nghị quyết số 28/2017/NQ-HĐND ngày 15/3/2017 quy định về mức hỗ trợ và cải tạo vườn tạp trên địa bàn tỉnh, Nghị quyết số 57/2017/NQ-HĐND ngày 21/7/2017, Nghị quyết số 76/2018/NQ-HĐND ngày 04/4/2018 của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, chế biến, tiêu thụ nông sản, thực phẩm an toàn trên địa bàn tỉnh; Nghị quyết số 128/2020/NQ-HĐND ngày 28/02/2020 của HĐND tỉnh về chính sách khuyến khích đầu tư vào nông nghiệp nông thôn trên địa bàn tỉnh Sơn La... Tổ chức các đợt giám sát việc thực hiện các nghị quyết do HĐND tỉnh ban hành liên quan đến phát triển cây ăn quả trên địa bàn tỉnh.

2. Về diện tích, sản lượng

Tổng diện tích cây ăn quả và cây sơn tra đến thời điểm hiện tại ước đạt 80.270 ha, sản lượng sản lượng quả đã thu hoạch 325.530 tấn. Cụ thể các loại cây ăn quả chủ yếu như sau:

- Cây nhãn: Diện tích: 19.235 ha, sản lượng đã thu hoạch đạt 99.434 tấn;
- Cây xoài: Diện tích: 19.832 ha, sản lượng đã thu hoạch đạt 61.045 tấn.
- Cây mận: Diện tích: 11.348 ha, sản lượng đã thu hoạch đạt 81.204 tấn
- Cây chuối: Diện tích: 5.552 ha, sản lượng đã thu hoạch đạt 43.254 tấn.
- Cây bơ: Diện tích: 1.257 ha, sản lượng đã thu hoạch đạt 6.469 tấn.
- Cây có múi (cam, bưởi, quýt): Diện tích: 4.461 ha, sản lượng đã thu hoạch đạt 6.003 tấn.
- Cây chanh leo: Diện tích hiện có: 965 ha, sản lượng đã thu hoạch ước đạt 7.317 tấn.
- Cây thanh long: Diện tích hiện có: 196 ha, sản lượng đã thu hoạch ước đạt 7804 tấn.
- Cây sơn tra: Diện tích 12.640 ha; sản phẩm sơn tra Sơn La đã được cấp Nhãn hiệu Chứng nhận cho sản phẩm sơn tra Sơn La năm 2018, ước sản lượng năm 2021 ước đạt 16.442,9 tấn.

3. Hiện trạng về giống cây ăn quả của tỉnh

3.1. Về tình hình sản xuất, kinh doanh giống cây ăn quả

Trên địa bàn tỉnh hiện có khoảng 37 cơ sở sản xuất, kinh doanh giống cây ăn quả trên địa bàn tỉnh; hàng năm sản xuất và cung ứng 3,5- 4,5 triệu cây giống cho trồng mới cây ăn quả.

3.2. Sử dụng giống cây trồng mới

- Trong những năm qua đã khảo nghiệm và đưa vào sản xuất 20 giống cây ăn quả các loại mới (giống đào Úc) có năng suất, chất lượng cao, thích nghi với điều kiện sinh thái của tỉnh; giống cây ăn quả rải vụ thu hoạch, tăng tỷ lệ sử dụng hạt giống xác nhận, giống cây trồng đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn.

- Tổng diện tích ghép cải tạo cây ăn quả toàn tỉnh đến năm 2020 là 13.109 ha bằng các giống cây ăn quả có năng suất, chất lượng cao, rải vụ thu hoạch cho nhãn, xoài, cam, hồng, bưởi,...; triển khai mô hình ghép tái canh cà phê với quy mô 2.000 gốc để phục vụ tái canh cà phê.

3.3. Công tác quản lý giống cây trồng

Đến nay Sở Nông nghiệp và PTNT Sơn La đã bình tuyển, thẩm định công nhận, quản lý 200 cây đầu dòng, trong đó 200 cây ăn quả (bơ, xoài, nhãn, thanh long, mận, bưởi, hồng, quýt) và 06 vườn cây đầu dòng (nhãn, xoài, lê, na, mận) để cung cấp mắt ghép, cành ghép đảm bảo chất lượng phục vụ chương trình trồng mới cây ăn quả.

4. Hiện trạng về ứng dụng công nghệ cao

- Ứng dụng sản xuất bằng hệ thống tưới tiết kiệm nước (nhỏ giọt, phun...): 1.234 ha, trong đó hệ thống tưới tiết kiệm nước cho cây: Rau các loại: 252 ha; cây ăn quả: 955 ha; hoa: 23 ha; dược liệu: 1 ha; cây trồng khác: 3 ha.

- Nhà lưới, nhà kính: 53,21 ha. Trong đó ứng dụng nhà lưới, nhà kính trong sản xuất: giống: 2 ha; hoa: 23,39 ha; rau các loại: 24,54 ha; cây ăn quả: 2,88 ha; cà phê: 0,4 ha.

- Từ tháng 4/2017 đã đưa vào sử dụng thí điểm 250.000 túi bao quả, với diện tích 20 ha; Năm 2018 đã sử dụng 5 triệu túi bao quả, với diện tích 400 ha; Năm 2019 sử dụng 13,5 triệu túi bao quả, với diện tích 1.080 ha. Năm 2020 sử dụng trên 20 triệu túi bao quả, với diện tích trên 2.000 ha.

- Ứng dụng công nghệ vi sinh, công nghệ enzym và protein, chế phẩm vi sinh, công nghệ sinh học trong phòng, trừ sâu bệnh hại cây trồng.

5. Hiện trạng về sản xuất an toàn

5.1. Về sản xuất theo chuỗi giá trị an toàn

Hiện nay trên địa bàn tỉnh Sơn La đang duy trì và phát triển 159 chuỗi cung ứng an toàn sản phẩm cây trồng với diện tích 2.697 ha, sản lượng 30.410 tấn, trong đó chuỗi

cung ứng quả an toàn 121 chuỗi; chuỗi cung ứng rau an toàn 27 chuỗi ; 02 chuỗi cà phê với tổng diện tích sản xuất 16 ha, sản lượng ước đạt 132 tấn/năm; 9 chuỗi chè tổng diện tích sản xuất đạt 427 ha, sản lượng ước đạt 6.445 tấn/năm; sản phẩm chuỗi giá trị an toàn sản xuất trên địa bàn tỉnh được tiêu thụ ổn định tại thị trường trong tỉnh, trong nước và xuất khẩu.

Hiện nay trên địa bàn tỉnh Sơn La đang duy trì và phát triển 158 chuỗi cung ứng an toàn sản phẩm cây trồng với diện tích 2.697 ha, sản lượng 36.987 tấn sản phẩm chuỗi giá trị an toàn sản xuất trên địa bàn tỉnh được tiêu thụ ổn định tại thị trường trong tỉnh, trong nước và xuất khẩu.

5.2. Về sản xuất được cấp chứng nhận VietGAP, GlobalGAP, UTZ, 4C, hữu cơ và các tiêu chuẩn tương đương

Triển khai nhanh, đồng bộ các quy trình thực hành nông nghiệp tốt trong sản xuất trồng trọt, cây trồng được cấp chứng nhận VietGAP và tương đương đạt 2.697 ha, sản lượng 30.410 tấn. Diện tích cà phê được tổ chức UTZ cấp chứng nhận 16.542,9 ha, cấp chứng nhận 2.934 ha sản xuất theo tiêu chuẩn 4C cho một số hộ sản xuất cà phê tại Sơn La phục vụ xuất khẩu sản phẩm cà phê. Diện tích cây trồng được cấp chứng nhận sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn nông nghiệp hữu cơ là 35 ha, sản lượng 455 tấn/năm, diện tích được cấp chứng nhận chuyển đổi hữu cơ lúa, cây ăn quả 155 ha,quả các loại 2.684 ha, sản lượng 35.328,5 tấn, diện tích cây ăn quả 1199,8 ha, sản lượng 12.901 tấn.

5.3. Về sản xuất được cấp mã số vùng trồng

Thực hiện quản lý, giám sát chất lượng sản phẩm trong trồng trọt đảm bảo theo yêu cầu của các nước nhập khẩu đối với 220 mã số vùng trồng cây ăn quả được Cục Bảo vệ cấp, trong đó: Cây nhãn cấp 127 mã với tổng diện tích 2.585 ha; cây xoài cấp 85 mã với tổng diện tích 1.587 ha; cây chuối cấp 6 mã với tổng diện tích 449 ha; cây thanh long cấp 2 mã với tổng diện tích 86 ha.

6. Hiện trạng về chuyển đổi cơ cấu cây trồng sang trồng cây ăn quả

Thực hiện chuyển đổi diện tích canh tác cây lương thực trên đất dốc, các loại cây công nghiệp hiệu quả thấp chuyển đổi sang trồng cây ăn quả đạt 33.189 ha, trong đó: Chuyển từ đất trồng lúa nương 1.259 ha, đất trồng ngô 30.599 ha, đất trồng sắn 716 ha, đất trồng cà phê 615 ha.

7. Công tác sơ chế, bảo quản và chế biến các sản phẩm quả

Giai đoạn 2016 - 2021, trên địa bàn tỉnh khánh thành đi vào hoạt động 04 Nhà máy chế biến nông sản: Nhà máy chế biến chanh leo, rau, củ, quả xuất khẩu của Tập đoàn Nafoods tại huyện Mộc Châu; Nhà máy Bảo quản và chế biến sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao của Tập đoàn IC Food Hàn Quốc tại huyện Vân Hồ; Nhà máy chế biến

quả, đồ uống nước hoa quả công nghệ cao của Tập đoàn TH tại huyện Vân Hồ; đang xây dựng nhà máy chế biến rau quả thuộc Công ty Cổ phần Thực phẩm xuất khẩu Đồng Giao, chi nhánh Sơn La tham gia thu mua, chế biến và xuất khẩu nông sản cho tỉnh. Ngoài ra trên địa bàn tỉnh có gần 500 cơ sở sơ chế, chế biến quả *(chủ yếu là quả nhãn, mận, xoài)* quy mô nhỏ của các hộ gia đình, cá nhân, hợp tác xã, doanh nghiệp; đến nay đã được công nhận 37 cơ sở đóng gói quả phục vụ xuất khẩu.

8. Hiện trạng tiêu thụ nông sản

8.1. Công tác xây dựng thương hiệu, chỉ dẫn địa lý

Đến thời điểm hiện tại trên địa bàn toàn tỉnh đã có 18 sản phẩm trồng trọt được cấp chứng nhận bảo hộ, trong đó 3 sản phẩm bảo hộ dưới hình thức Chỉ dẫn địa lý (Chè Shan tuyết Mộc Châu, Xoài tròn Yên Châu, Cà phê Sơn La); 13 sản phẩm được bảo hộ dưới hình thức nhãn hiệu chứng nhận (Cam Phù Yên, Nhãn Sông Mã, Táo Sơn tra Sơn La, Na Mai Sơn, Bơ Mộc Châu, Chuối Yên Châu, Chanh leo, Mận Sơn La, Rau Mộc Châu, Rau Sơn La, Chè Ô Long, Chè Phổng Lái, Nếp Mường Và); 2 sản phẩm được bảo hộ dưới hình thức nhãn hiệu tập thể (Khoai sọ Thuận Châu, Chè Tà Xua Bắc Yên); trong đó 02 sản phẩm được bảo hộ tại thị trường nước ngoài: chè Shan tuyết được bảo hộ tại thị trường Thái Lan; sản phẩm chè Shan Tuyết và quả Xoài tròn Yên Châu được bảo hộ tại thị trường Châu Âu theo hiệp định EVFTA.

Tổng sản lượng nông sản (quả, rau) được tiêu thụ trên 3 kênh (trong tỉnh, trong nước và xuất khẩu) số lượng rau, quả sản xuất ra được bán trực tiếp cho doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức, cá nhân thông qua hợp đồng tiêu thụ để phục vụ chế biến chiếm tỷ lệ nhỏ so với sản lượng rau, quả sản xuất ra. Các sản phẩm quả sản xuất ra được bán trực tiếp cho doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức và cá nhân tiêu thụ trong tỉnh; thị trường trong nước tiêu thụ vào được chuỗi phân phối của các siêu thị lớn như: Vinmart, Big C, Lotte, Hapro... với số lượng lớn; ngoài ra rau, quả còn được tiêu thụ tại các tỉnh như: Lạng Sơn, Quảng Ninh, Hải Phòng, Nam Định, Thanh Hóa,....

8.2. Thực trạng về xuất khẩu nông sản

- Năm 2020, thị trường xuất khẩu nông sản của tỉnh là 14 thị trường, gồm: Trung Quốc, Úc, Hàn Quốc, Nhật Bản, EU, Mỹ, Đài Loan, UAE.... Tổng sản lượng nông sản xuất khẩu: 108.483,4 tấn. Trong đó: Quả các loại 21.077,40 tấn *(trong đó Nhãn: 7.475,2 tấn; Xoài: 7.816,2 tấn; Chanh leo: 2.000 tấn; Chuối: 3.500 tấn; Mận hậu: 264 tấn; Thanh long: 22 tấn*). Nông sản chế biến và nông sản khác: 87.406 tấn (*Chè: 8.500 tấn; Cà phê: 27.000 tấn; Tinh bột sắn: 43.000 tấn; Đường: 8.000 tấn; Rau các loại: 700 tấn; Ngô giống: 50 tấn; Tơ tằm: 5,8 tấn; Lõi ngô ép, than sinh học: 150 tấn*).

- Năm 2021, Các sản phẩm quả tham gia xuất khẩu trong năm 2021 gồm xoài, nhãn, mận với sản lượng xuất khẩu đạt 17.323 tấn (*trong đó xoài 14.308 tấn, mận 20 tấn, quả*

nhãn tươi 156, 83 tấn, sản phẩm long nhãn 2.838,6 tấn). Thị trường xuất khẩu gồm các nước Trung Quốc, Úc, Anh, Ba Lan, Hà Lan,... đơn vị xuất khẩu gồm: HTX Đảo Ngọc, HTX Đoàn Kết, HTX Anh Trang, HTX nông nghiệp an toàn Chiềng Hặc, HTX Quyết Tâm, HTX Đồng Tâm, HTX Thanh Sơn, HTX Thành Đạt, Công ty TNHH TM&DV Trường Mai, Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại tổng hợp Phương Mai (*thị trường Trung Quốc*), Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại Rồng Đỏ (*thị trường Úc*) và có 5.655 tấn đã chế biến thành nước ép, xoài cắt miếng, xoài cấp đông xuất khẩu của Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Đồng Giao, Công ty CP chế biến nông sản Việt Xanh xuất khẩu sang thị trường Nga, Mông Cổ, Hàn Quốc, Công ty TNHH Mia Fruit, HTX Hoa Mười, HTX Bảo Minh, Công ty CP nông nghiệp hữu cơ FUSA (thị trường *EU, Anh*); Công ty CP Nafood Tây Bắc (*thị trường Hàn Quốc*); Công ty CP XNK thực phẩm Toàn cầu (*thị trường Đức*), Công ty TNHH sản xuất và thương mại tổng hợp Phương Mai (*thị trường Trung Quốc*).

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Cơ hội (điểm mạnh)

- Thiên nhiên ưu đãi: Sơn La có đất đai, khí hậu, độ cao thích hợp với nhiều loại cây trồng (rau, quả) từ ôn đới tới nhiệt đới, do đó có nhiều tiềm năng phát triển cây trái vụ, rải vụ, gia tăng giá trị sản phẩm.

- Có sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, sự đồng lòng của người dân được thể hiện qua các cơ chế, chính sách của tỉnh; thành lập mới các HTX, liên hiệp HTX để liên kết người dân, tạo dựng vùng nguyên liệu tập trung.

- Được sự quan tâm giúp đỡ của các Bộ, ngành Trung ương; của các Viện nghiên cứu, các Trường... trong việc hỗ trợ các nguồn lực, đưa giống cây trồng mới có năng suất, chất lượng, hiệu quả vào nghiên cứu, trồng, phát triển trên địa bàn tỉnh Sơn La.

- Sự đồng hành của các Doanh nghiệp lớn trong việc đầu tư phát triển vùng nguyên liệu, đầu tư các cơ sở chế biến, xuất khẩu để tiêu thụ, gia tăng giá trị sản phẩm.

- Đại dịch Covid 19 cho thấy vai trò của nông nghiệp vẫn là trụ đỡ của nền kinh tế.

2. Thách thức (nguy cơ)

- Vùng nguyên liệu cây trồng chủ lực tuy đã được tập trung xây dựng nhưng có một số loại cây trồng chưa đủ lớn để đáp ứng công suất các Nhà máy chế biến.

- Việc phát triển thành lập các HTX, liên hiệp HTX còn nặng về số lượng, chưa chú trọng về chất lượng, đặc biệt là công tác quản trị.

- Nhiều sản phẩm chưa đáp ứng, vượt qua được các rào cản kỹ thuật đối với các thị trường khó tính do thói quen sản xuất truyền thống, chưa tuân thủ triệt để quy trình, kỹ thuật trong sản xuất.

- Sâu bệnh hại trên một số loại cây trồng (như Chanh leo) chưa được xử lý dứt điểm dẫn đến năng suất, chất lượng kém.

- Đại dịch Covid 19 có ảnh hưởng lớn đến quá trình chế biên, lưu thông, tiêu thụ và xuất khẩu nông sản.

III. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN VÙNG NGUYÊN LIỆU CÂY ĂN QUẢ ĐẾN NĂM 2025

- Đến năm 2025, phát triển ổn định diện tích cây ăn quả toàn tỉnh đạt khoảng 100.000 ha (sơn tra:15.000 ha, cây ăn quả khác: 85.000 ha), trong đó chú trọng nâng cao diện tích ứng dụng công nghệ cao, công nghệ tiên tiến chiếm 20% tổng diện tích cây ăn quả cho thu hoạch về tưới tiết kiệm, nhà lưới, nhà kính, bao quả...; hoàn thành việc ghép cải tạo vườn cây ăn quả kém hiệu quả cần cải tạo.

- Đến năm 2025 diện tích cây ăn quả được cấp có thẩm quyền công nhận áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP) hoặc áp dụng các tiêu chuẩn tương tự trong sản xuất nông nghiệp chiếm 20 - 30% tổng diện tích cây ăn quả cho thu hoạch toàn tỉnh.

Diện tích sản xuất được cấp mã số vùng trồng, mã vùng trồng đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện xuất khẩu quả sang thị trường (Úc, Mỹ, Châu Âu, Hàn Quốc...), thị trường Trung Quốc 10.000 ha, bao gồm quả: nhãn, xoài, chanh leo, chuối, mận...;

Diện tích vùng nguyên liệu sản xuất đáp ứng cho các nhà máy chế biến quả khoảng 15.000 - 25.000 ha bao gồm: chanh leo, xoài, nhãn, cam, bơ, sơn tra, chuối... Nhân rộng diện tích trồng cây ăn quả theo hướng sản xuất hữu cơ trên địa bàn tỉnh đạt khoảng 500 - 1.000 ha diện tích được cấp chứng nhận sản xuất theo tiêu chuẩn hữu cơ.

1. Các chủ trương, chính sách

Ban chấp hành Đảng bộ Tỉnh đã ban hành các Nghị quyết: Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 21/01/2021 về phát triển nông, lâm nghiệp và thủy sản tập trung, bền vững, ứng dụng công nghệ cao đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Nghị quyết 06-NQ/TU ngày 21/01/2021 về phát triển công nghiệp chế biến nông sản tỉnh Sơn La giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030.

UBND tỉnh đã ban hành: Quyết định số 860/QĐ-UBND ngày 10/5/2021 về việc phê duyệt Đề án Phát triển lĩnh vực trồng trọt theo hướng an toàn, bền vững, ứng dụng công nghệ cao giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 2312/QĐ-UBND ngày 23/9/2021 về việc phê duyệt Đề án phát triển vùng nguyên liệu cây ăn quả phục vụ liên kết giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Sơn La; các Kế hoạch triển khai thực hiện các Nghị quyết, Đề án như: Kế hoạch số 68/KH-UBND ngày 11/3/2021 của UBND tỉnh Tổ chức triển khai thực hiện Đề án Thúc đẩy xuất khẩu nông lâm thủy sản đến năm 2030

trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 82/KH-UBND ngày 29/3/2021 của UBND tỉnh Tổ chức triển khai thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2021 - 2025; Kế hoạch số 83/KH-UBND ngày 29/3/2021 của UBND tỉnh Tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 21/01/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển nông, lâm nghiệp và thủy sản tập trung, bền vững, ứng dụng công nghệ cao đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 90/KH-UBND ngày 30/3/2021 của UBND tỉnh Triển khai Nghị quyết 06-NQ/TU ngày 21/01/2021 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển công nghiệp chế biến nông sản tỉnh Sơn La giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng đến năm 2030...

2. Phát triển vùng nguyên liệu quả phục vụ chế biến, xuất khẩu

Phát triển ứng dụng công nghệ cao, đầu tư thâm canh vùng nguyên liệu đảm bảo tiêu chuẩn, chất lượng phục vụ các nhà máy, cơ sở chế biến quả, tập trung, bền vững. Cụ thể như sau:

- Xoài: Phát triển xoài phục vụ cho xuất khẩu và nguyên liệu cho các nhà máy chế biến: Nhà máy chế biến quả thuộc tập đoàn TH tại huyện Vân Hồ; Nhà máy Trung tâm chế biến rau quả Doveco Sơn La tại huyện Mai Sơn và các nhà máy chế biến quả trên địa bàn, đến năm 2025: diện tích: 12.458 ha, sản lượng: 100.000 tấn; Năm 2030: diện tích: 15.000 ha, sản lượng: 130.000 tấn.

- Nhãn: Phát triển nhãn phục vụ xuất khẩu, nguyên liệu cho các nhà máy chế biến Nhà máy chế biến quả thuộc tập đoàn TH tại huyện Vân Hồ; Nhà máy Trung tâm chế biến rau quả Doveco Sơn La tại huyện Mai Sơn và các nhà máy chế biến quả trên địa bàn, đến năm 2025: Diện tích: 16.421 ha, sản lượng: 100.000 tấn; Năm 2030: Diện tích: 19.564 ha, sản lượng: 220.000 tấn.

- Cây ăn quả có múi: Phát triển cây cam, bưởi phục vụ cho nguyên liệu cho các nhà máy chế biến Nhà máy chế biến quả thuộc tập đoàn TH tại huyện Vân Hồ và các nhà máy chế quả trên địa bàn, đến năm 2025: diện tích: 2.500 ha, sản lượng: 9.000 tấn; Năm 2030: diện tích: 5.000 ha, sản lượng: 30.000 tấn.

- Mận, mơ: Phát triển cây mận, mơ phục vụ xuất khẩu, nguyên liệu cho các nhà máy chế biến chế quả trên địa bàn, đến năm 2025: diện tích: 7.123 ha, sản lượng: 39.000 tấn; Năm 2030: diện tích: 9.000 ha, sản lượng: 70.000 tấn.

- Chanh leo: Phát triển chanh leo phục vụ xuất khẩu, nguyên liệu cho các nhà máy chế biến gồm Nhà máy chế biến quả thuộc tập đoàn TH tại huyện Vân Hồ; Nhà máy Trung tâm chế biến rau quả Doveco Sơn La tại huyện Mai Sơn; Nhà máy của Công ty NaFood Tây Bắc và các nhà máy chế quả trên địa bàn. Năm 2025: diện tích: 1.500 ha, sản lượng: 15.000 tấn; Năm 2030: diện tích: 2.000 ha, sản lượng: 20.000 tấn.

- Sơn tra: Phát triển sơn tra phục vụ cho nguyên liệu cho các nhà máy chế biến chế quả trên địa bàn, đến năm 2025: diện tích: 5.000 ha, sản lượng: 25.000 tấn; Năm 2030: diện tích: 10.000 ha, sản lượng: 40.000 tấn.

- Dứa: Nhà máy Trung tâm chế biến rau quả Doveco Sơn La tại huyện Mai Sơn và các nhà máy chế quả trên địa bàn tỉnh, đến năm 2025: diện tích: 9.000 ha, sản lượng: 120.000 tấn; Năm 2030: diện tích: 14.000 ha, sản lượng: 200.000 tấn.

3. Cấp mã số vùng trồng

Đến năm 2025 quản lý sản xuất cấp mã số vùng trồng đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện xuất khẩu quả sang các thị trường *(Úc, Mỹ, Châu Âu, Hàn Quốc, Trung Quốc,...)* khoảng 15.000 ha bao gồm các loại quả: Nhãn, xoài, chanh leo, chuối, mận, bơ,... đáp ứng các tiêu chuẩn cho xuất khẩu trên 100.000 - 200.000 tấn/năm ra thị trường nước ngoài.

IV. MỘT SỐ KINH NGHIỆM PHÁT TRIỂN CÂY ĂN QUẢ

1. Việc ban hành chủ trương, cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển cây ăn quả phù hợp với tâm tư, nguyện vọng của nhân dân, tạo động lực cho nhân dân phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hoá có chất lượng, giá trị sản phẩm cao, được nhân dân trên địa bàn toàn tỉnh đồng tình, ủng hộ, tạo nên khí thế mạnh mẽ trong việc phát triển sản xuất, người dân từng bước tiếp cận và ứng dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, tạo ra sản phẩm nông nghiệp có năng suất, chất lượng và giá trị cạnh tranh cao đáp ứng nhu cầu tiêu thụ, xuất khẩu.

2. Sự chỉ đạo nhất quán, thống nhất quyết liệt của các Cấp ủy, chính quyền, đoàn thể trong việc hoạch định chiến lược, kế hoạch và thực hiện tốt các mục tiêu đề ra.

3. Phát triển cây ăn quả ở những vùng có điều kiện thuận lợi, tăng cường đầu tư thâm canh, đưa các giống mới có năng suất, chất lượng và được thị trường chấp nhận vào sản xuất. Phấn đấu đưa Sơn La trở thành nơi cung cấp nguyên liệu, hàng hoá trong chuỗi giá trị hàng hoá nông sản Việt Nam.

4. Xác định từng loại quả là thế mạnh của mỗi huyện xã. Hạn chế mở rộng diện tích các cây trồng không phải là cây thế mạnh của địa phương. Bố trí giống và cơ cấu giống phù hợp với từng tiểu vùng sinh thái trên nguyên tắc: Lựa chọn những giống cây có năng suất cao, chất lượng tốt, phù hợp với từng tiểu vùng sinh thái, có thời gian cho thu hoạch kéo dài để rải vụ thu hoạch.

5. Hướng dẫn, chỉ đạo các tổ chức, cá nhân, hộ nông dân sử dụng giống, cho năng suất, chất lượng cao, áp dụng quy trình kỹ thuật thâm canh an toàn; áp dụng quy trình thực hành nông nghiệp tốt (GAP); sản xuất theo hướng hữu cơ đáp ứng nhu cầu chế biến, tiêu thụ, xuất khẩu.

6. Tổ chức, vận động mở rộng các hình thức liên kết của các hộ gia đình phát triển thành vùng quả hàng hóa; liên kết của các hợp tác xã với các doanh nghiệp để phát huy thế mạnh của mỗi loại hình trong chuỗi nông sản bền vững. Trong đó quan tâm phát triển hợp tác xã nông nghiệp giúp các hộ gia đình trong tổ chức quản lý sản xuất; đồng thời phải thu hút được các Doanh nghiệp liên kết với hợp tác xã để hỗ trợ các hợp tác xã tiếp tục đưa khoa học công nghệ vào sản xuất, đầu tư nhà máy chế biến nông sản xuất khẩu theo hướng nâng cao giá trị gia tăng.

7. Phát triển cây ăn quả gắn với tổ chức, tham gia các hoạt động xúc tiến thương mại trong và ngoài tỉnh để quảng bá giới thiệu các sản phẩm nông sản của Sơn La.

8. Công tác xây dựng thương hiệu, chỉ dẫn địa lý bảo hộ các sản phẩm nông sản được tỉnh quan tâm triển khai thực hiện, tính đến nay đã có 21 sản phẩm được cấp bảo hộ trong đó có 9 sản phẩm quả, 2 sản phẩm rau được bảo hộ giúp cho việc sản xuất, kinh doanh bảo vệ, nâng cao danh tiếng, uy tín chất lượng sản phẩm rau quả của tỉnh./.

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT SƠN LA

MỘT SỐ SÂU BỆNH HẠI THƯỜNG GẶP TRÊN CÂY ĂN QUẢ TẠI SƠN LA VÀ CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG TRỪ

Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật Sơn La

I. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN CÂY ĂN QUẢ CỦA TỈNH SƠN LA

Sơn La là tỉnh miền núi thuộc vùng Tây Bắc của Việt Nam có diện tích tự nhiên là 14.174,4 km^2, giáp ranh với các tỉnh Phú Thọ, Hòa Bình, Điện Biên, Lai Châu, Yên Bái, Thanh Hóa và nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào với đường biên giới Việt - Lào dài 250 km.

- Điều kiện địa lý: Có độ cao trung bình 600 - 700m so với mực nước biển. Đất đai màu mỡ, tầng đất canh tác dày, thổ nhưỡng phong phú. Tuy nhiên, địa hình chia cắt tạo thành thành 3 vùng sinh thái lớn là vùng trục quốc lộ 6, vùng hồ Sông Đà và vùng cao biên giới. Đất sản xuất chiếm 78% đất dốc (>25^o).

- Sơn La có khí hậu nhiệt đới với 2 mùa rõ rệt là mùa khô và mùa mưa. Mùa khô thường từ tháng 9 đến tháng 4 năm sau và mùa mưa từ tháng 5 đến hết tháng 8, nửa đầu mùa khô thì khô lạnh có năm xảy ra rét đậm có sương muối, nửa cuối mùa khô thì có gió lào (khô nóng) và hay xảy ra mưa giông kèm theo có mưa đá. Chính vì đặc điểm khí hậu của Sơn La như vậy nên những khó khăn của thời tiết gây ra cho sản xuất nông nghiệp là rất lớn, đặc biệt là cây lương thực. Chính vì vậy tận dụng quỹ đất sản xuất trên đất dốc nhằm phát triển một số cây ăn quả nhiệt đới, á ôn đới (xoài, nhãn, mận, chanh leo, cây có múi, cây á ôn đới, chuối,...) và một số cây công nghiệp (như cà phê, chè, cao su, mía, sắn,...) là một lợi thế của tỉnh, đồng thời chống rửa trôi tầng đất bạc màu, hướng tới một nền sản xuất bền vững.

Trong 5 năm qua, diện tích cây ăn quả tại Sơn La tăng một cách nhanh chóng, năm 2015 tổng diện tích cây ăn quả của Sơn La là 19.593 ha đến năm 2020 đạt 78.850 ha ha (gồm các cây xoài, nhãn, chuối, thanh long, đu đủ, dứa, na, hồng, chanh leo, bơ, cây có múi, táo, mận, mơ, đào, lê, vải, dâu tây,...). Cây ăn quả chiếm một vị trí quan trọng trong đa dạng hóa sản phẩm nông nghiệp, đặc biệt có ý nghĩa đối với một số tỉnh miền núi phía Bắc nói chung, tỉnh Sơn La nói riêng.

II. MỘT SỐ SÂU BỆNH HẠI THƯỜNG GẶP TRÊN CÂY ĂN QUẢ CHÍNH TẠI SƠN LA

Cây trồng	Loại sâu, bệnh gây hại	Thời gian phát sinh gây hại
Cây nhãn	Bọ xít nâu	Tháng 3-9
	Rầy chổng cánh vân nâu	Tháng 5-9
	Rệp sáp	Tháng 4-9
	Sâu đo	Tháng 4-8

Cây trồng	Loại sâu, bệnh gây hại	Thời gian phát sinh gây hại
	Sâu cuốn lá	Tháng 4
	Sâu đục gân lá	Tháng 9-10
	Bệnh thán thư	Tháng 5-9
Cây xoài	Rệp rễ	Tháng 5-9
	Sâu đục quả	Tháng 5-9
	Câu cấu	Tháng 11-4
	Sâu đục ngọn	Tháng 4,5-T8,9
	Rầy bông xoài	Tháng 3 - 4
	Bệnh phấn trắng	Tháng 3-5
	Bệnh sương mai	Tháng 3-5
	Bệnh thán thư	Tháng 5-8
Cây chanh leo	Thán thư	Tháng 5-9
	Đốm nâu	Tháng 4-9
	Virus	Tháng 3-8
	Thối gốc	Tháng 5-8
Cây chuối	Bệnh panama	Tháng 5 - 8
Cây mận	Bệnh phấn trắng	Tháng 2 - 6
Cây có múi	Sâu vẽ bùa	Tháng 3 - 8
	Nhện đỏ	Tháng 3 - 6
	Rệp mềm	Tháng 3 - 9

III. CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG TRỪ SÂU BỆNH HẠI TRÊN CÂY ĂN QUẢ CHÍNH TẠI SƠN LA

Cây ăn quả, cây công nghiệp có rất nhiều đối tượng sâu bệnh gây hại. Để phòng trừ sâu bệnh hại trên cây công nghiệp, ăn quả, khuyến cáo áp dụng biện pháp quản lý dịch hại tổng hợp (IPM), trong đó, biện pháp canh tác được coi là quan trọng và xuyên suốt quá trình sinh trưởng, phát triển của cây để giúp cho cây sinh trưởng, phát triển khỏe hơn, chống chịu tốt hơn với điều kiện ngoại cảnh và sâu bệnh. Các biện pháp canh tác gồm cách làm đất, trồng xen cây cải tạo đất, chống xói mòn, giữ ẩm đất; thiết kế trồng với mật độ hợp lý; vệ sinh vườn, cắt tỉa để hạn chế nguồn sâu bệnh; sử dụng dinh dưỡng cân đối,... Tuy nhiên, khi dịch hại phát triển mạnh có nguy cơ gây thiệt hại lớn cho sản xuất thì cần áp dụng tổng hợp các biện pháp phòng trừ một cách hài hoà và hiệu quả.

Biện pháp hóa học là được khuyến cáo cuối cùng để phòng trừ sinh vật hại cây ăn quả, cây công nghiệp. Sử dụng thuốc BVTV phải tuân thủ theo nguyên tắc 4 đúng và nhớ đọc kỹ hướng dẫn sử dụng thuốc trước khi phòng trừ, ưu tiên thuốc BVTV sinh học, thảo mộc.

1. Trên cây xoài

1.1. Ruồi đục quả (Bactrocera spp.*)*

a) Đặc điểm gây hại

Ruồi đẻ trứng vào vỏ quả sắp chín, ấu trùng nở ra đục vào trong ăn phá phần thịt quả, ấu trùng thải phân tạo điều kiện cho vi sinh vật, nấm phát triển, làm cho quả bị hỏng và rụng. Vết bị hại sẽ thâm, khi dùng tay ấn nhẹ vào dịch nước sẽ rỉ ra (khoảng 3 ngày sau khi ruồi đẻ trứng).

b) Phòng trừ

Vệ sinh vườn sạch sẽ, thu gom tiêu hủy các quả bị bệnh, quả rụng. Đồng thời bao trái, thu hoạch khi trái vừa chín. Ngoài ra, dùng chất dẫn dụ Methyl Augenol và thuốc trừ sâu mùi nhẹ treo vào trong tán cây, độ cao từ 1,5-2m để bẫy ruồi đực.

Khi phát hiện ruồi đục trái với số lượng nhiều, có thể sử dụng một số loại thuốc có hoạt chất và tên thương phẩm sau: Spinosad (Success 0.24CB, 25SC; Akasa 25SC, 250WP;...).

Biện pháp an toàn, hiệu quả nhất là sử dụng biện pháp bao quả: Khi quả Xoài to tương đương (quả trứng gà) tiến hành bao quả, ngoài việc phòng ngừa ruồi đục trái, việc bao trái còn giúp phòng bệnh thán thư, sâu đục hột... Chú ý trước khi bao quả tiến hành kiểm tra và phun xịt thuốc phòng trừ sinh vật hại phải tuân thủ theo nguyên tắc 4 đúng và nhớ đọc kỹ hướng dẫn sử dụng thuốc trước khi phòng trừ.

1.2. Sâu đục trái (Deanolis albizonalis)

a) Đặc điểm gây hại

Sâu có thể gây hại ở mọi giai đoạn phát triển của quả. Ấu trùng sau khi nở sẽ đục vào quả. Sâu non thường đục vào vị trí chóp quả. Sâu còn nhỏ ăn phần thịt quả. Sâu lớn thường tấn công phần hạt của quả. Sau khi ăn hết phần hạt sâu di chuyển sang quả khác để gây hại. Các vết đục sẽ tạo điều kiện cho nấm, vi khuẩn, ruồi phát triển làm cho vết đục sẽ bị thối và rụng sau đó.

b) Phòng trừ

Kiểm tra vườn xoài thường xuyên, thu gom và đem tiêu hủy (tốt nhất là đem chôn làm phân kết hợp rắc vôi bột) toàn bộ số trái đã bị sâu gây hại còn nằm trên cây hay đã rụng xuống đất để diệt những con sâu còn nằm bên trong, hạn chế sâu phát sinh gây hại hiện tại và ở những vụ kế tiếp.

- Nếu cây xòai còn thấp hoặc những trái ở dưới thấp, sau khi đậu trái ổn định khoảng 30-45 ngày nên bao quả bằng túi vải màng PE, Túi giấy dầu hoặc bao chuyên dùng để

ngăn chặn không cho sâu tiếp xúc với quả để gây hại. Trước khi bao quả vài ngày nên phun phòng thuốc thuốc trừ sâu, bệnh cho quả.

- Những vườn thường xuyên bị sâu gây hại nặng hàng năm, thường xuyên kiểm tra vườn xoài, nếu thấy quả bị sâu gây hại thì có thể dùng một trong các loại thuốc có hoạt chất như: Abamectin; Abamectin + Azadirachtin, Abamectin + Petroleum oil, Azadirachtin, Bacillus thuringiensis để phun (nồng độ và liều lượng theo khuyến cáo của nhà sản xuất của mỗi loại thuốc để phòng trừ sinh vật hại.). Khi bao xong quả nếu thấy sâu, bệnh hại xoài tiến hành phòng trừ. Từ giai đoạn quả già (đóng xơ) trở đi phải chú ý bảo đảm đủ thời gian cách ly của thuốc để tránh gây độc hại cho người tiêu dùng.

1.3. Bọ trĩ (Scirtothrips dorsalis, Thrip hawaiiensis và Frankliniella intonsa)

a) Đặc điểm gây hại

Bọ trĩ gây hại chủ yếu trên hoa, lá và lộc. Trên lá, bọ trĩ chích hút ở mặt dưới lá, hiện tượng lá phát triển không bình thường, cong queo, hai mép cúp xuống. Trên chồi, làm chồi không ra lá, quả. Trên bông làm bông héo, khô, rồi rụng hàng loạt. Nếu xảy ra trên quả sẽ làm da quả gần cuống có màu xám đậm (da cám), quả sần sùi có khi biến dạng, nếu bọ trĩ xuất hiện với mật độ cao và gây hại muộn thì da quả (cả quả non lẫn quả lớn) bị sần sùi, làm giảm giá trị quả, không xuất khẩu được,....

b) Phòng trừ

Phải tuân thủ theo nguyên tắc 4 đúng và nhớ đọc kỹ hướng dẫn sử dụng thuốc trước khi phòng trừ. Vào giai đoạn xoài đang ra lá non, chồi, trái non... nếu mật độ bọ trĩ cao có thể luân phiên sử dụng một trong các loại thuốc có hoạt chất và tên thương phẩm sau: Clothianidin (Dantotsu 50WG,...); Emamectin benzoate (Emathai 4EC, Promectin 100WG, Vimatox 1.9EC,...); Spinetoram (Radiant 60SC,...).

1.4. Rệp sáp

a) Đặc điểm gây hại

Loài rệp sáp hại lá (Rastrococcus spp): Trưởng thành và ấu trùng đều chích hút nhựa lá, cành và quả non. Ngoài gây hại trực tiếp bằng cách chích hút nhựa, rệp sáp còn bài tiết làm nấm muội than đen phát triển, nơi rệp sáp sinh sống. Bị nhiễm nặng có thể ngừng phát triển, không cho ra lá non và bông. Rệp sáp thường tập trung sống trên lá non và bánh tẻ.

Loài Rệp sáp hại quả (*Pseudoccoccus* sp. và *Planococus* sp)*:* Trưởng thành và ấu trùng đều chích hút nhựa trên hoa và quả xoài. Ngoài gây hại trực tiếp bằng cách chích hút nhựa, rệp sáp còn bài tiết chất thải làm nấm muội than đen phát triển nơi rệp sáp sinh sống. Quả bị nhiễm nặng có thể ngừng phát triển, quả phát triển kém hoặc bị rụng.

b) Phòng trừ

Thường xuyên kiểm tra vườn để phát hiện và phun thuốc diệt trừ rệp kịp thời nhất là giai đoạn cây có đọt non, lá non, bông, trái. Có thể sử dụng một trong các hoạt chất với tên thương phẩm như: Emamectin benzoate (July 5EC, 5WG; Tamala 1.9EC;...); Saponozit + Saponin acid (TP-Thần Điền 78SL;...)... phải tuân thủ theo nguyên tắc 4 đúng và nhớ đọc kỹ hướng dẫn sử dụng thuốc trước khi phòng trừ.

1.5. Rầy bông xoài (*Idioscopus* spp.)

a) Đặc điểm gây hại

Cả rầy trưởng thành lẫn rầy non đều chích hút nhựa bông và lá non. Bông xoài bị rầy chích hút sẽ chuyển màu nâu, khô và rụng. Ngoài ra, chỗ vết chích, đẻ trứng của rầy trên bông và cuống lá non cũng gây vết thương có thể làm chết khô bộ phận này. Rầy bông xoài còn có đặc điểm tiết ra chất rỉ đường tạo ra môi trường cho nấm muội than đen phát triển trên lá và hoa ảnh hưởng đến quang hợp của cây.

b) Phòng trừ

+ Xén tỉa cành, vệ sinh vườn sau thu hoạch.

+ Trước khi xoài ra bông 1-2 tuần đặt bẫy đèn, dưới bẫy đặt thau nước pha xà phòng với dầu hôi để thu hút và tiêu diệt rầy trưởng thành. Cách này chỉ áp dụng vào những đêm không trăng và khi rầy chưa đẻ trứng.

+ Vào giai đoạn xoài ra nụ hoa, nếu phát hiện rầy hại bông với mật độ cao có thể sử dụng một số loại thuốc hoạt chất và tên thương phẩm như: Abamectin (Dibamec 3.6EC, 5WG, Miktin 3.6 EC, Daphamec 5.0EC,....); Emamectin benzoate (Bafurit 5WG, Danobull 50WG, Eagle 20EC, Emaben 2.0EC;...), Matrine (Aphophis 5EC, Ema 5EC, Wotac 16EC,...); Rotenone (Dibaroten 5SL, 5GR, Newfatoc 75WP, 75SL,...);..

1.6. Rầy xanh lá (Amrasca sp.*)*

a) Đặc điểm gây hại

Trưởng thành sau khi vũ hóa di chuyển đến chồi non hoặc chùm hoa để đẻ trứng. Khi xoài trổ hoa thì rầy tập trung chích hút hoa. Cả trưởng thành và ấu trùng đều chích hút nhựa của hoa, lá và chồi non, hoa bị rầy chích hút sẽ bi khô và rụng. Rầy còn tiết rỉ đường tạo điều kiện cho muội than đen phát triển. Bên cạnh đó, vết thương do rầy xanh đẻ trứng hay chích hút tạo điều kiện cho một số vi sinh vật khác phát sinh và gây hại.

b) Phòng trừ

Rầy phát sinh ở mật độ cao có thể luân phiên sử dụng một trong các loại thuốc có hoạt chất và tên thương phẩm sau: Abamectin (Plutel 5EC, Reasgant 3.6EC,...); Chlorfluazuron+Dinotefuran (TT Checker 270SC,...); Dinotefuran (Oshin 20WP,...);

Emamectin benzoate (Tasieu 1.9EC,...) phải tuân thủ theo nguyên tắc 4 đúng và nhớ đọc kỹ hướng dẫn sử dụng thuốc trước khi phòng trừ.

1.7. Câu cấu xanh

Ký chủ: Câu cấu thuộc nhóm ăn tạp, có tới 42 loài cây bị câu cấu gây hại như: xoài, ngô, ổi, mít,cam, chanh, bưởi, nhãn,....

Đặc điểm gây hại: Trưởng thành ăn lá non và lá bánh tẻ. Câu cấu hại xoài xuất hiện và gây hại nặng khi nhiệt độ thời tiết khô hạn, ít mưa vào các tháng nắng nóng. Chúng có đặc tính giả chết.

Phòng trừ: Dùng vợt bắt khi chúng phát sinh nhiều. Ở vườn thường bị hại nên dùng thuốc hạt rải quanh gốc cây 1-2 lần/năm vào đầu và cuối mùa mưa.

1.8. Sâu đục cành non (Alcicodes sp.*)*

a) Đặc điểm gây hại

Là loại sâu gây hại rất phổ biến, trưởng thành đẻ trứng trên cành lộc non xoài, trứng được đẻ sâu vào trong cành thành từng hàng 2-5 trứng, sâu non nở ra ăn dần xuống phía dưới làm cành bị chết khô, ảnh hưởng nghiêm trọng đến sinh trưởng của cây.

b) Phòng trị

- Điều khiển cây ra lộc non đồng loạt để dễ kiểm soát.

- Cắt và đem tiêu hủy cành bị chết để loại trừ nhộng.

- Dùng vợt bắt vào sáng sớm.

- Phun thuốc phòng trừ khi cây ra lộc non. Có thể sử dụng thuốc có hoạt chất: Chlorfluazuron+Dinotefuran (TT Checker 270SC,...); Dinotefuran (Oshin 20WP,...),... phải tuân thủ theo nguyên tắc 4 đúng và nhớ đọc kỹ hướng dẫn sử dụng thuốc trước khi phòng trừ.

1.9. Bệnh đốm đen, xì mủ (do vi khuẩn Xanthomonas campestris pv)

a) Triệu chứng

Bệnh gây hại trên quả, thân và quả của nhiều giống xoài. Khởi đầu bằng những đốm bệnh có màu nâu đen nhỏ trên lá và thân chúng lớn dần lên và có thể liên kết lại thành những vết loét bất định. Trên lá khi các vết này lớn có thể làm thành một vùng trũng xuống so với bề mặt lá.

Trên chồi non và quả có những vết nứt dọc, có màu nâu đen, đôi khi bị chảy nhựa trên những vết nứt này nên bệnh còn được gọi là xì mủ.

Bệnh phát triển nhanh và mạnh vào những tháng mưa nhiều.

b) Biện pháp quản lý

Vi khuẩn có khả năng lưu tồn lâu trong lá, cành bệnh, xác bã thực vật, nên sau khi thu hoạch cần thu dọn sạch vườn, cắt bỏ những cành và lá bệnh, rồi đem tiêu huỷ chúng.

Vi khuẩn thường tấn công qua vết thương nên tránh làm tổn thương cây. Nên phun thuốc sau khi cắt tỉa, thu quả và nhất là sau các trận mưa.

Đối với những giống xoài có giá trị kinh tế cao như xoài GL4, xoài hôi, xoài tròn và tán cây cao vừa phải thì nên sử dụng bao quả chuyên dùng để bao quả rất hiệu quả trong phòng trừ bệnh này, vì loại bao này giúp thoát nước tốt và không làm gãy lông tơ trên vỏ quả.

- Tiến hành phun luân phiên các loại thuốc có hoạt chất và tên thương phẩm sau: Bismerthiazol (Anti-xo 200WP; Diebiala 20SC;...); Bismerthiazol + Gentamicin sulfate + Streptomycin sulfate; Gentamicin sulfate + Oxytetracycline hydrochloride,... phải tuân thủ theo nguyên tắc 4 đúng và nhớ đọc kỹ hướng dẫn sử dụng thuốc trước khi phòng trừ.

1.10. Bệnh thán thư (do nấm Colletotrichum spp.*)*

Bệnh thán thư hại xoài do nấm *(Colletotrichum* spp.*)* gây ra, bệnh hại trên lá, hoa và quả xoài, bệnh gây hại trên hầu hết các giống xoài: GL4; xoài tròn, xoài Úc, xoai hôi,... khi lá xoài non chuyển từ màu đồng sang xanh sáng là giai đoạn mẫn cảm nhất, cuống lá cũng nhiễm dẫn đến hiện tượng lá rụng sớm. Trong trường hợp nhiễm nặng, toàn bộ chồi nhiễm bị cháy và chết khô, nhất là gặp lúc thời tiết nhiệt độ cao, ẩm độ cao.

a) Triệu chứng

Bệnh bắt đầu bằng những đốm màu vàng nâu nhỏ trên toàn bộ bề mặt lá, quả, sau đó chuyển sang nâu phát triển lan rộng ra có thể là những đốm tròn hay bất định. Dưới điều kiện ẩm ướt chúng liên kết lại thành những đốm lớn. Những đốm này có tâm màu nâu sáng đến nâu xám được bao bọc bởi rìa màu nâu đen và hơi có quầng màu xanh vàng. Trong điều kiện khô ráo, những vết bệnh trở nên khô và rơi xuống tạo thành những lỗ hỏng trên lá. Trên hoa, bệnh phát triển trên cả chùm hoa làm đen hoa và rụng. Bệnh còn phát triển trên các cành non của cây. Trên quả, vết bệnh có thể bị nứt giữa các mảng liên kết, trong điều kiện ẩm độ cao, trên những vết bệnh có khối các bào tử nấm màu hồng. Nếu có những đợt mưa trong quá trình sinh trưởng của quả, thì vết bệnh tạo thành từng dãy chảy dọc xuống. Khi mưa dứt, có thể những giọt này chảy xuống theo quả và đọng lại ở phần cuối quả làm cho bệnh nhiễm trên phần này.

b) Biện pháp quản lý

Các biện pháp quản lý tổng hợp thực hiện theo giai đoạn trong năm:

+ Giai đoạn sau thu hoạch quả: Cắt bỏ những cành vô hiệu, cành vượt, cành bị sâu bệnh, cành tổn thương do thu hoạch, thu gom và đem tiêu hủy. Bón phân theo quy trình

canh tác, nên cung cấp nhiều phân hữu cơ cho cây kết hợp cung cấp nấm đối kháng *Trichoderma* vào đất xung quanh gốc cây.

+ Giai đoạn cây ra chồi non và lá mới: Giai đoạn phát triển chồi non và lá mới có ảnh hưởng rất lớn đến khả năng ra hoa, đậu quả của cây về sau, giai đoạn này cũng là giai đoạn rất mẫn cảm với sâu, bệnh đặc biệt nếu giai đoạn này trùng vào lúc mưa, gió nhiều. Nên khi mỗi đợt lá non mới xuất hiện có thể tiến hành phòng trừ bằng các loại thuốc có hoạt chất và tên thương phẩm sau: Hexaconazole, Kasugamycin, Mancozeb, Propineb, Eugenol, Metiram Complex,... phải tuân thủ theo nguyên tắc 4 đúng và nhớ đọc kỹ hướng dẫn sử dụng thuốc trước khi phòng trừ.

+ Giai đoạn sau khi đậu quả đến lúc thu hoạch: Quả non rất mẫn cảm với bệnh nên giai đoạn này nên phun 1 đến 2 lần một trong những hoạt chất kể trên. Khi quả bằng quả trứng gà, nên phun thuốc hoá học hoặc chất kích kháng dẫn suất Salicylic acid ở thời điểm 20-25 ngày trước khi thu hoạch và tiến hành bao quả ngay sau đó.

1.11. Bệnh phấn trắng (do nấm Oidium mangiferae)

a) Triệu chứng

Bệnh thường gây hại trong điều kiện thời tiết nóng ẩm hoặc có sương đêm. Nấm bệnh đóng thành lớp phấn trắng trên lá non, chùm hoa và quả non. Bệnh thường phát triển từ ngọn của chùm hoa, lan dần đến cuống hoa, quả non, lá non và cành. Thường hoa bị nhiễm bệnh trước khi thụ phấn và quả bị nhiễm bệnh khi còn rất nhỏ. Quả bị nhiễm bệnh sẽ bị biến dạng, méo mó, nhạt màu và bị khô và rụng sớm.

Bệnh gây thiệt hại nặng nhất trong giai đoạn trổ hoa đến tạo quả trong điều kiện nóng ẩm có sương về đêm bệnh bộc phát và lây lan rất nhanh.

b) Phòng trị

Cắt tỉa cành tạo tán cho cây phát triển mạnh tránh tạo cơ hội cho bệnh phát triển, cung cấp phân bón đầy đủ. Cần chú ý sự phát triển của bệnh trong giai đoạn cây ra hoa và tạo quả non nếu thấy bệnh xuất hiện cần phun thuốc để phòng trị ngay. Có thể sử dụng một số loại thuốc có hoạt chất và thương phẩm sau: Hexaconazole (Chevin 5SC; Vivil 5SC;...); Ningnanmycin (Diboxylin 2SL; Sucker 4SL;...); Sulfur (Kumulus 80WG; Lipman 80WG; OK-Sulfolac 80WG; Sulox 80 WP;...),.... phải tuân thủ theo nguyên tắc 4 đúng và nhớ đọc kỹ hướng dẫn sử dụng thuốc trước khi phòng trừ.

1.12. Bệnh khô cành thối quả (do nấm Diplodia natalensis)

a) Triệu chứng

Bệnh này gây hại nặng trong điều kiện nóng ẩm nhất là vào mùa mưa. Trên cành nhánh bị các đốm sậm màu, lan dần trên các cành non, cuống lá làm lá bị biến màu nâu. Cành bị khô, nhăn và có thể chảy mủ. Chẻ dọc cành bệnh, bên trong các mạch dẫn nhựa

biến nâu tạo thành những sọc màu nâu. Nếu sử dụng cành ghép, mắt ghép từ cành bị nhiễm bệnh, bệnh có thể phát triển trên cây con sau khi ghép.

Bệnh tấn công lên quả trong giai đoạn thu hoạch và tồn trữ hay vận chuyển, làm thối phần thịt quả nơi gần cuống có màu nâu sậm lan dần làm thối nát cả quả hoặc nơi vỏ quả bị trầy trụa. Vết thối mềm và lây lan khá nhanh chỉ sau 2-3 ngày, nhất là trong môi trường nóng ẩm đặc biệt khi thu hoạch quả không chừa cuống rất dễ bị nấm bệnh xâm nhập vào.

b) Phòng trị

Để phòng bệnh này cần tránh gây bầm dập, rụng cuống quả khi thu hoạch. khi thu hoạch cần chú ý tránh sự và chạm giữa các quả nhằm tạo vết thương làm cho bệnh dễ xâm nhập vào bằng cách đặt từng quả vào thùng chứa giấy báo.

Tỉa cành kết hợp tỉa các bộ phận bị bệnh và tiêu hủy, hạn chế sự lây lan của nguồn bệnh trên vườn. Chọn mắt ghép sạch bệnh để tránh lây lan bệnh cho cây con. Phun thuốc để phòng trị bệnh khi cần thiết.

Quả sau thu hoạch có thể được xử lý bằng nước nóng 52^0C trong 10 phút cũng ngừa được bệnh thối quả và thán thư.

Có thể sử dụng một số loại thuốc có hoạt chất và tên thương phẩm sau: Chitosan (Jolle 1SL, 50WP; Kaido 50SL, 50WP; Tramy 2 SL;...); Kasugamycin (Asana 2SL; Bisomin 2SL; Kminstar 20SL, 60WP;...); Ningnanmycin (Diboxylin 2SL; Kozuma 5WP, 8SL; Molbeng 2SL;...),... Khi sử dụng thuốc phải tuân thủ theo nguyên tắc 4 đúng và nhớ đọc kỹ hướng dẫn sử dụng thuốc trước khi phòng trừ.

2. Trên cây nhãn

2.1. Bọ xít nâu

a) Đặc điểm gây hại

- Bọ xít non mới nở thường sống tập trung vài giờ, sau đó bắt đầu phân tán đi tìm thức ăn. Khi bị xáo động, chúng thường giả chết rơi xuống đất đồng thời tiết ra một chất dịch rất hôi. Bọ xít non có thể chịu đói trong một thời gian dài.

- Cả thành trùng và bọ xít non đều gây hại chủ yếu vào giai đoạn cây ra đọt non, ra hoa kết quả, chúng chích hút làm rụng hoa và quả, ảnh hưởng rất lớn đến năng suất và sinh trưởng của cây. Giai đoạn ấu trùng gồm 5 tuổi, mới nở có màu vàng tươi sau vài giờ có màu tím xám từ tuổi 2 có màu đỏ nâu.

b) Phòng trừ

- Hàng năm, sau vụ thu hoạch quả tiến hành ngay việc vệ sinh tán cây, kết hợp với bón phân cho cây nhãn, vải.

+ Tỉa cành, tạo tán với mục đích tạo sự thông thoáng cho cây, đồng thời giúp cho cây sinh trưởng phát triển đều và để các đợt hoa và lộc non ra tập trung.

+ Kiểm tra thường xuyên cây để phát hiện sớm (ngắt bỏ ổ trứng).

- Khi phát hiện bọ xít nâu gây hại vào thời kỳ sung yếu nhất của cây nhãn, vải (hoa và quả non), với mật độ cao (>1,5 con/cành).

- Biện pháp hoá học chỉ sử dụng khi đến ngưỡng gây hại. Tuyệt đối không phun thuốc vào thời kỳ cây đang nở hoa. Đây là biện pháp cuối cùng sau khi áp dụng các biện pháp trên không có hiệu quả, khi mật độ dịch hại phát triển đến ngưỡng gây thiệt hại về kinh tế (mật độ: > 1,5 con/cành). Tuy nhiên, khi sử dụng thuốc phải cân nhắc kỹ theo nguyên tắc 4 đúng và nhớ đọc kỹ hướng dẫn sử dụng thuốc trước khi phòng trừ. Sử dụng thuốc có chứa một số hoạt chất để diệt bọ xít non: *Rotenone* (Limater 7.5EC;...); *Abamectin* (Dibamec 3.6EC, Dibamec 5WG, Reasgant 5WG,...);...

2.2. Sâu đục cuống quả

a) Đặc điểm gây hại

Sâu non đục vào phần cuống quả nối giữa hạt với phần cành quả bên ngoài, làm cho quả dễ bị rụng và phần thịt quả tiếp giáp với cuống bị thối. Gây ảnh hưởng đến phẩm cấp quả khi thu hoạch, làm giảm chất lượng và mẫu mã sản phẩm khi chế biến. Trứng của sâu đục cuống quả có màu vàng, hình dạng như một chấm nhỏ, thường phân bố ở phần vỏ gần cuống khi quả mới hình thành cùi. Đôi khi có cả trên lá và chồi non.

b) Phòng trừ

- Hàng năm, sau vụ thu hoạch quả tiến hành ngày việc vệ sinh tán cây, kết hợp với bón phân cho cây nhãn, vải. Tiến hành thường xuyên việc vệ sinh vườn, cần triệt để làm sạch cỏ dại, thu gom cành lá và quả rụng xung quanh gốc và dưới tán cây đem ủ kín với vôi bột để loại bỏ nguồn sâu hại.

+ Vụ hè: Tiến hành ngay sau khi thu quả. Cắt bỏ các cành sâu bệnh, cành trên đỉnh và tỉa thưa nhằm tạo cho tán có độ thông thoáng và các cành phân bố đều.

+ Vụ đông: Tiến hành trước ra hoa 10 - 15 ngày. Tỉa bỏ toàn bộ các cành tăm, cành vượt trong tán. Trên mỗi cành mẹ chỉ để lại 1 - 2 cành mang hoa để hạn chế nơi trú ngụ và qua đông của sâu.

- Biện pháp hoá học chỉ sử dụng hóa chất khi cần thiết và hợp lý. Việc sử dụng thuốc trừ sâu để phòng trừ khi mật độ sâu hại phát triển đến ngưỡng gây thiệt hại về kinh tế (mật độ: > 0,5 con trưởng thành/cành; tỷ lệ 2,5% quả hại). Tuyệt đối không phun thuốc vào thời kỳ cây đang nở hoa. Khi sử dụng thuốc phải tuân thủ theo nguyên tắc 4 đúng và nhớ đọc kỹ hướng dẫn sử dụng thuốc trước khi phòng trừ. Thuốc trừ sâu sử dụng để phòng trừ sâu hại: Abamectin (Aremec 18EC, 36EC, 45EC;...), *Abamectin+ Chlorfuazuron (*Confitin 18 EC, 36 EC;...), *Abamectin + Matrine (*Luckyler 6 EC, 25 EC; Aga 25EC;.....)...

2.3. Rệp sáp

a) Đặc điểm gây hại

Rệp sáp có thể gây hại trên các bộ phận của cây như cành, lá, hoa, quả. Cả ấu trùng và trưởng thành đều chích hút nhựa cây, trong quá trình gây hại chúng thải ra mật thu hút nấm bồ hóng đến phát triển, sự phát triển của nấm bồ hóng trên tán lá làm giảm khả năng quang hợp của cây, giảm giá trị thương phẩm. Rệp phát sinh gây hại quanh năm, gây hại nặng thời kỳ nắng nóng, khô hạn hoặc ít mưa

Rệp sáp có rất nhiều loài. Chỉ giới thiệu 02 họ (Họ Coccidae và Pseudococcidae)

- Họ (Pseudococcidae), có nhiều hình dạng khác nhau, rệp sáp non (ấu trùng) và trưởng thành toàn thân được bao phủ bởi lớp sợi sáp màu trắng, chúng chích hút tất cả các bộ phận của cây.

- Họ Coccidae, có nhiều hình dạng khác nhau. Ấu trùng và trưởng thành đều phủ một lớp keo hoặc bột trắng bên ngoài, bộ phận gây hại chủ yếu là lá non và cành bánh tẻ.

b) Biện pháp phòng trừ

- Hàng năm, sau vụ thu hoạch quả tiến hành ngày việc vệ sinh tán cây, kết hợp với bón phân cho cây nhãn, vải.

+ Thường xuyên theo dõi vệ sinh vườn cây, cắt bỏ những cành bị rệp gây hại nặng không có khả năng phục hồi.

+ Tiến hành thu gom các cành, lá bị rệp sáp hại đem tiêu hủy, không để dưới gốc cây vì đây là nguồn để rệp tiếp tục phát tán nguồn sâu để gây hại. Đồng thời, phá vỡ nơi cư trú một số loài kiến sống cộng sinh với rệp sáp để hạn chế sự cộng sinh.

- Sử dụng thuốc bảo vệ thực vật khi mật độ gia tăng, một số hoạt chất: *Abamectin* (Queson 3.6 EC, Queson 5.0 EC...); *Thiamethoxam* (Actara 25 WG,...); *Emamectin benzoate* (thuốc July 1.0 EC, July 1.9 EC, July 5 WG,...). Để phòng trừ rệp sáp hiệu quả nên phun thuốc bảo vệ thực vật khi rệp sáp còn non (rệp chưa hình thành lớp sáp bên ngoài).

2.4. Rầy chổng cánh vân nâu

a) Đặc điểm gây hại

- Rầy chổng cánh vân nâu **(**Ấu trùng và thành trùng) chủ yếu gây hại ngọn, lá non, lá bánh tẻ nhãn, vải. Trên lá, rầy chích hút làm cho lá bị nổi những nốt giống nốt*"ghẻ hoặc mụn cơm"* trên cành lá bị nhiễm nặng cây sinh trưởng, phát triển kém và bị co lại, lá thuần thục có màu vàng nhạt.

- Trên chồi non, rầy gây hại làm chồi chậm phát triển. Những chồi có nhiều lá bị hại do rầy thì không có khả năng ra bông kết trái làm giảm năng suất cây.

b) Phòng trừ

- Hàng năm, sau vụ thu hoạch quả tiến hành ngày việc vệ sinh tán cây, kết hợp với bón phân cho cây nhãn, vải.

+ Tỉa cành tạo tán cho cây thông thoáng, hạn chế nơi cư trú của rầy chổng cánh vân nâu.

+ Tạo điều kiện cho các loại thiên địch (bọ rùa, nhện...) phát triển và khống chế rầy chổng cánh.

+ Các cành cắt bỏ bị nhiễm rầy đem tiêu hủy.

- Mỗi đợt nhãn ra lộc, chồi mới (đặc biệt trong các tháng 3 - 6) cần kiểm tra kỹ trên chồi mới nhú hoặc trên lá non.

- Biện pháp hoá học: Chỉ sử dụng hóa chất khi cần thiết và hợp lý. Rầy chổng cánh vân nâu đến ngưỡng gây hại, với mật độ ≥ 3 con/chồi thì sử dụng thuốc phun để phòng trừ. Tuyệt đối không phun thuốc vào thời kỳ ra cây đang ra hoa. Khi sử dụng thuốc phải tuân thủ theo nguyên tắc 4 đúng và nhớ đọc kỹ hướng dẫn sử dụng thuốc trước khi phòng trừ. Nên phun 2 lần (cách nhau 5-7 ngày) để đạt hiệu quả diệt trừ cao. Thuốc trừ sâu sử dụng để phòng trừ rầy chổng cánh vân nâu. Sử dụng luân phiên một trong các loại thuốc như: *Abamectin* (Queson 0.9 EC, 1.8 EC, 3.6 EC, 5.0 EC); *Emamectin benzoate* (July 1.0 EC, 1.9 EC, 5 EC, 5 WG);..... Nên phun 2 lần (cách nhau 5-7 ngày) để đạt hiệu quả diệt trừ cao.

2.5. Nhện lông nhung

a) Đặc điểm gây hại

- Nhện gây hại trên tất cả các bộ phận của cây như lộc non, lá, hoa,... Trên lá, hoa, quả có một lớp lông mịn bao phủ, Nhện sống trong lớp lông. Ban đầu khi mới bị hại vết hại có màu xanh hơn bình thường, sau đó chuyển sang màu trắng bạc, trắng hơi vàng rồi vàng nâu cuối cùng thành màu nâu sẫm, đó cũng là lúc nhện lại chuyển sang các chồi non khác. Nhện lông nhung chỉ phát sinh ở bề mặt dưới làm cho lá nhỏ, cong queo, màu sắc của lớp lông nhung này cũng đậm dần theo sự phát triển của lá. Nhện xâm nhập đẻ trứng vào mặt dưới của lá búp, chúng tiết ra các chất có tác dụng làm cho các tế bào biểu bì lá, tạo điều kiện cho tao sản sinh rất nhiều, lông nhỏ trông mịn như nhung. Nhện lông nhung phát sinh quanh năm trên vườn nhãn, vải. Chúng thường phát sinh gây hại nặng ở vườn rậm rạp, trồng dày và ở các bộ phận tán cây đan xen nhau bị thiếu ánh sáng. Trong năm vào thời kỳ lộc xuân (tháng 1 - tháng 2) khi cây ra hoa và đậu quả non là thời kỳ nhện gây hại nặng nhất, gây ảnh hưởng đáng kể đến quá trình đậu quả và sự phát triển quả non của cây.

b)Phòng trừ

- Hàng năm, đốn tỉa, tạo tán ngay sau thu hoạch quả, đảm bảo tán cây đủ thoáng. Hạn chế tối đa các cành lộc phát sinh trong mùa đông để làm ngắt quãng nguồn thức ăn của

nhện. Từ đó, làm giảm số lượng nhện ban đầu để hình thành và phát triển trong mùa xuân năm sau. Thường xuyên kiểm tra, thăm vườn cắt bỏ và thu gom, đem đốt các cành bị nhện lông nhung gây hại sẽ hạn chế nguồn lây lan.

- Biện pháp hoá học chỉ sử dụng thuốc đến ngưỡng gây hại kinh tế. Chỉ phòng trừ nhện khi tới ngưỡng gây hại kinh tế (≥ 10% cành lá, hoa). Tuyệt đối không phun thuốc vào thời kỳ cây đang nở hoa. Khi sử dụng thuốc phải tuân thủ theo nguyên tắc 4 đúng và nhớ đọc kỹ hướng dẫn sử dụng thuốc trước khi phòng trừ. Nên phun kép 2 lần (cách nhau 5-7 ngày) để đạt hiệu quả diệt trừ cao.

Chú ý: Tiến hành phun thuốc trừ nhện lông nhung khi các đợt lộc non vừa nhú, nhất là đợt lộc xuân và lộc hè bằng các loại thuốc có hoạt chất sau: *Abamectin benzoate + Matrine* (Kimcis 20 EC); *Abamectin* (Adomec 5 EC, Brightin 1.8 EC, Catex 1.8 EC, 3.6 EC...); *Abamectin + Petroleum oil* (SoKa 24.5 EC, 25 EC, Feat 25 EC);...

2.6. Bệnh sương mai

a) Triệu chứng bệnh

Bệnh ban đầu là các vết đen nhỏ, lan nhanh bao quanh cả cuống hoa và quả, hậu quả là hoa và quả bị rụng. Trời nắng cuống hoa bị khô tóp lại, trời ẩm cuống hoa bị thối, dễ gẫy. Thời kỳ trước thu hoạch trên quả ban đầu xuất hiện các đốm thấm nước, sau chuyển màu thâm đen và cuối cùng xuất hiện lớp sợi nấm mầu trắng phủ từng phần hay cả quả. Nấm này thấy xuất hiện cùng thời gian với nấm thán thư trong mùa ra hoa, đậu quả và khi quả chín.

b) Biện pháp phòng trừ

- Tỉa cành tạo tán hàng năm sau mỗi vụ thu hoạch làm cho tán cây thông thoáng. Thu gom các cành lá, cây bị bệnh lại đem tiêu hủy. Thường xuyên thăm vườn khi phát hiện bệnh chớm phát sinh sử dụng thuốc BVTV để phòng trừ.

- Biện pháp hoá học chỉ sử dụng hóa chất khi cần thiết và hợp lý. Tuyệt đối không phun thuốc vào thời kỳ ra cây đang ra hoa. Khi sử dụng thuốc phải tuân thủ theo nguyên tắc 4 đúng và nhớ đọc kỹ hướng dẫn sử dụng thuốc trước khi phòng trừ. Khi phát hiện bệnh chớm xuất hiện sử dụng thuốc BVTV để phòng trừ bằng một số loại thuốc có hoạt chất sau: *Propineb (*Atracol 70 WP,...); *Eugenol (*Lilacter 0.3 SL,...); *Metiram Complex (*Polyram 80 WG,...),...

2.7. Bệnh thán thư

a) Triệu chứng bệnh

- Bệnh gây hại trên lá, quả, hoa, chồi non.

- Triệu chứng trên lá, bệnh gây hại từ mép lá vào, gây đốm lá, ban đầu có dạng màu vàng, sau phát triển thành các vết đốm có màu xám tro hoặc vết cháy từ mép lá vào. Trên

vết bệnh thường thấy các chấm đen nhỏ xuất hiện, các vết bệnh liên kết tạo thành các đám cháy, ranh giới vết bệnh và phần khỏe có đường viền màu nâu xẫm.

- Trên lộc, ban đầu các chồi non có dạng sẫm nước sau chuyển nâu tối, trời nắng toàn bộ chồi non bị chết khô, trời mưa các chồi này bị thối. Bị bệnh nặng sẽ gây hiện tượng khô cành.

- Trên chùm hoa và quả non, bệnh phát triển cả hoa và cành hoa, ban đầu là vết chấm đen kiểu thẫm nước sau đó làm cho cả cành hoa và nụ bị bệnh, mới đầu cành hoa chuyển màu đen, vết bệnh hơi lõm xuống, trời nắng làm khô cành hoa và gây rụng hoa, trời mưa làm hoa rụng càng nhiều. Nấm gây hiện tượng rụng quả ở giai đoạn quả non.

b) Phòng trừ

- Tỉa cành tạo tán hàng năm sau mỗi vụ thu hoạch làm cho tán cây thông thoáng. Khi sử dụng thuốc phải tuân thủ theo nguyên tắc 4 đúng và nhớ đọc kỹ hướng dẫn sử dụng thuốc trước khi phòng trừ.

- Khi phát hiện bệnh chớm xuất hiện sử dụng thuốc BVTV để phòng trừ bằng một số loại thuốc có hoạt chất và tên thương phẩm sau: *Kasugamycin* (Kamsu 2SL, 8WP,...); Kresoxim-methyl (Inari 300SC,.....); Propineb +Trifloxystrobin (Flint pro 648WG,...);...

3. Cây chanh leo

3.1. Nhện đỏ

a) Đặc điểm gây hại

+ Nhện gây hại bằng cách hút dịch của mô tế bào lá làm cho mặt trên của lá bị vàng loang lổ, nếu mật độ cao làm lá bị xoăn lại. Gặp điều kiện thuận lợi nhện sinh sản rất nhanh, làm cho từng mảng lớn của lá bị vàng, khô, thậm chí toàn bộ lá bị khô cháy và rụng. Hoa bị thui chột không đậu trái được, trái non bị hại lốm đốm vàng và có thể bị rụng, gây thiệt hại lớn.

+ Nhện đỏ thường phát sinh và gây hại nặng trong mùa khô nóng hoặc những thời gian bị hạn trong mùa mưa.

b) Phòng trừ

- Trồng cây với mật độ hợp lý, thường xuyên tưới nước giữ độ ẩm cho cây đặc biệt trong mùa khô hạn; Cắt tỉa những bộ phận có mật độ nhện phân bố cao mang đi tiêu hủy,...

- Hiện nay trong danh mục thuốc BVTV được phép sử dụng tại Việt Nam chưa có thuốc BVTV đăng ký trừ nhện hại trên cây chanh leo. Do vậy, để phòng trừ nhện hại cần lựa chọn các loại thuốc có hoạt chất trừ nhện được đăng ký sử dụng trên cây ăn quả, tuy nhiên trước khi sử dụng trên diện rộng cần tiến hành thử nghiệm trên diện tích nhỏ để

theo dõi mức độ ảnh hưởng đối với cây chanh leo. Một số hoạt chất thuốc có thể phun thử nghiệm để trừ nhện đỏ như *Abamectin benzoate + Matrine* (Kimcis 20 EC); *Abamectin* (Adomec 5 EC, Brightin 1.8 EC, Catex 1.8 EC, 3.6 EC...); *Abamectin + Petroleum oil* (SoKa 24.5 EC, 25 EC, Feat 25 EC); Abamectin + Chlorantraniliprole (Voliam targo 063SC, Confitin 36EC,..);...

Lưu ý: Khi sử dụng thuốc BVTV cần sử dụng đúng nồng độ, liều lượng theo khuyến cáo. Đảm bảo thời gian cách ly khi thu hoạch.

3.2. Rệp (rệp mềm, rệp sáp, rệp dính)

a) Đặc điểm gây hại

Rệp gây hại bằng cách bám vào bộ phân cây chanh leo đặc biệt là bộ phận non của chanh leo như: thân, lá, quả non, các khe cạnh giữa cuống quả, lá. Chúng chích hút nhựa làm giảm sự quang hợp của lá, làm cho lá quả chanh leo rụng bất thường. Nguy hiểm nhất lá hai loài rệp đào (*Myzus persicae*) và rệp muội (*Aphis gossypii*) vì là trung gian truyền bệnh virus Woodiness (PWV) rất nguy hiểm.

b) Biện pháp phòng trừ

Để phòng trừ các đối tượng này cần phải phòng trừ tổng hợp các biện pháp sau:

- *Biện pháp canh tác*: Bón phân cân đối, chọn giống tốt, chống chịu với sâu bệnh... vệ sinh đồng ruộng, không nên bón phân chuồng chưa hoai mục, bón vôi cân đối đầy đủ.

- *Biện pháp hóa học*: Khi phát hiện rệp gây hại trên cây chanh leo, sử dụng thuốc BVTV được đăng ký trên cây chanh leo để phun trừ như: *Emamectin benzoate* (Map Winner 5WG). Tuy nhiên, trong danh mục thuốc BVTV hiện nay mới chỉ có 1 loại thuốc đăng ký trừ rệp hại chanh leo. Do vậy, để phun thuốc trừ rệp trên chanh leo ngoài thuốc Map Winner 5WG cần phải thử nghiệm trên một diện tích nhỏ, khi có hiệu quả trừ rệp mà không ảnh hưởng đến cây trồng mới tiến hành phun trên diện rộng.

3.3. Ruồi đục quả

a) Đặc điểm gây hại

- Gây hại trên qủa non làm quả bị hại nhăn nheo và rụng sớm.

- Gây thoái hóa phần thịt quả làm cho quả bị thối, vết thương do ruồi đục sẽ làm giảm phẩm chất quả

b) Biện pháp phòng trừ

Để phòng trừ các đối tượng này cần phải phòng trừ tổng hợp các biện pháp sau:

- *Biện pháp canh tác*: Vệ sinh vườn, cắt tỉa lá già, bệnh, thu gom những quả rơi rụng đem chôn sâu có khử trùng bằng vôi. Thu hái quả sớm hơn bình thường, không để quả chín quá lâu trên cây.

- *Biện pháp sinh học:* Sử dụng biện pháp bao quả bằng túi giấy hoặc báo trước khi quả chín để hạn chế trưởng thành đẻ trứng trên quả. Sử dụng bả chua ngọt hoặc thuốc ViZubon-D để dẫn dụ ruồi trưởng thành đến và tiêu diệt: Do ruồi đục quả ưa thích vị chua ngọt nên có thể tự pha chế làm bẫy bả để thu hút ruồi đến và tiêu diệt.

Cách pha chế như sau:

Dùng 4 phần đường mật (đường đen) trộn với 4 phần dấm, một phần rượu và một phần nước. Khuấy kỹ để dung dịch này tan đều.

Cho vào can nhựa, bình nhựa,... đậy kín chờ 3 - 4 ngày sau, khi thấy dung dịch bốc mùi chua ngọt thì trộn thêm thuốc trừ sâu (ví dụ: Regent, Gà nòi 95SP hoặc Panda 95SP) với liều lượng: cứ 100 phần dung dịch chua ngọt cho thêm một phần thuốc trừ sâu.

Cách làm bẫy: Ta tận dụng chai lọ nhựa, nên chọn màu vàng, ví dụ chai pet, khoét 1 hoặc 2 lỗ nhỏ khoảng 2,5 cm.

Dùng vít mắc màn vặn qua nắp chai pet, sau đó gắn miếng bông gòn đã tẩm thuốc vizubon-D hoặc bả chua ngọt tự chế ở trên treo vào trong lọ.

Treo chai pet đã tẩm thuốc lên cành cây, lưu ý không pha trộn hoặc tẩm thêm bất kỳ loại hóa chất nào khác.

Lưu ý: Để thu được hiệu quả cao bà con nhớ lưu ý một số vấn đề sau:

+ Phải treo bẫy nơi đầu gió, chỗ râm mát, cách mặt đất khoảng 1,5-2 m.

+ Không treo bẫy ngoài nắng, bẫy sẽ giảm hiệu lực nhanh.

+ Nên vận động nhiều chủ vườn cây ăn trái trong khu vực của mình, cùng đặt bẫy đồng loạt trên diện rộng thì hiệu quả hạn chế tác hại của ruồi mới cao.

+ Thời gian đặt bẫy tốt nhất là vào những thời điểm trái bước vào giai đoạn già bắt đầu chín trở đi.

- *Biện pháp hoá học:* Sử dụng chất dẫn dụ Ruồi đục quả Sofri Protein thủy phân 10 DD trộn chất độc làm bẫy bả diệt ruồi đục quả.

Cách dùng: Do ruồi cái thích ăn protein để phát triển trứng, ruồi đực phát triển tinh trùng, nên có thể dùng bả mồi protein để diệt ruồi. Pha 4-5ml Karate 2.5EC với 55ml mồi protein trong 1 lít nước. Phun 200ml hỗn hợp này cho 1 cây, phun theo từng điểm (tránh phun trùm lên cả tán cây), để dẫn dụ và diệt ruồi. Đây là phương pháp hiệu quả và có thể áp dụng đồng loạt cả khu vực. Không phun toàn ruộng mà chỉ phun theo luống và bỏ cách luống, không phun trực tiếp lên trái. Biện pháp này cần được thực hiện trên diện rộng và thường xuyên.

3.4. Sâu đục thân

a) Đặc điểm gây hại

- Sâu trưởng thành tìm những kẽ nứt của thân cây để đẻ trứng, sâu non nở ra đục vào thân cây tạo thành đường vòng quanh thân, dần dần đục sâu vào trong thân làm rỗng thân.

- Khi cây vừa bị sâu hại, lá non ở đầu nhánh có màu xanh hơi đậm, hơi xoăn và nhỏ hơn lá bình thường. Cây bị hại nặng thì lá vàng và héo, vỏ thân cây chanh leo có dấu hiệu nứt nẻ.

b) Biện pháp phòng trừ

- Biện pháp canh tác:

+ Cần tạo hình và cắt tỉa nhánh được tiến hành thường xuyên. Sau thu hoạch cắt hết tất cả các cành trên giàn đã cho quả, để lại thân và các cành từ mặt đất tới giàn.

+ Quan sát kỹ các thân cây nếu có vết đục của sâu đục thân thì dùng dụng cụ rạch phần thân để bắt sâu, sau đó dùng bao nilon sạch buộc lại vết đã rạch, kể cả vết đục.

- Biện pháp hóa học:

+ Hiện nay, trong danh mục thuốc BVTV được phép sử dụng tại Việt Nam, chưa có thuốc BVTV đăng ký trừ sâu đục thân trên chanh leo. Do vậy, khi sử dụng thuốc BVTV cần phải tiến hành phun thử nghiệm trước.

+ Một số hoạt chất sử dụng để phun thử nghiệm trừ sâu đục thân như Diazinon, Cypermethin, Cartap,...

3.5. Bọ xít

a) Đặc điểm gây hại

Bọ xít gây hại bằng cách chích, hút vào hoa, đọt non và quả non làm cho quả bị lốm đốm, làm giảm phẩm chất quả. Trường hợp gây hại nặng có thể làm rụng quả.

Ngoài ra, vết chích hút của bọ xít còn là nơi xâm nhập của các tác nhân gây hại khác làm trái bị hư thối, mất phẩm chất, năng xuất giảm. Bọ xít thường xuất hiện cuối mùa mưa sau đó tập trung phát triển vào mùa hè.

b) Biện pháp phòng trừ

- Biện pháp canh tác: Vệ sinh vườn, dọn cỏ dại, phát hoang bụi rậm. Phải thường xuyên thăm vườn dùng vợt để bắt bọ xít vào lúc sáng sớm hay chiều mát. Nếu phát hiện ổ trứng thì phải thu gom và đem tiêu hủy.

- Biện pháp hóa học: Hiện nay, trong danh mục thuốc BVTV được phép sử dụng tại Việt Nam chưa có thuốc BVTV đăng ký trừ bọ xít trên cây chanh leo. Do vậy để phòng trừ bọ xít có thể sử dụng các loại thuốc có chứa các hoạt chất trừ bọ xít được đăng ký trên

cây ăn quả. Tuy nhiên, trước khi phun trừ cần phải tiến hành thử nghiệm trước để đánh giá mức độ ảnh hưởng của thuốc đối với chanh leo. Có thể sử dụng một số loại thuốc có hoạt chất và tên thương phẩm: *Emamectin benzoate* (Bafurit 5WG, Eagle 5EC, Tasieu 1.0EC, 1.9EC, 2WG, 3EC, 5EC, 5WG,...), *Etofenprox* (Trebon 20 WP,...);...

3.6. Bệnh đốm nâu

a) Triệu chứng bệnh

Đây là một bệnh nghiêm trọng, ảnh hưởng đến lá, thân và quả.

- Trên lá, đầu tiên xuất hiện những đốm màu nâu nhỏ, sau đó lan rộng ra thành đốm lớn có tâm màu sáng và có hình dạng bất định.

- Trên thân, vết bệnh có hình thon dài với màu nâu đen, thường xuất hiện gần nách lá hoặc gân lá (do bị tổn thương cơ giới, cây bị chảy nhựa). Khi vết bệnh bao quanh thân cây thì chồi non sẽ bị héo, quả teo lại và rụng sớm.

- Trên quả, vết bệnh đầu tiên chỉ nhỏ như mũi kim sau lan rộng thành những vòng tròn lớn với vết nâu lõm có tâm màu nâu. Dần dần phần vỏ quả xung quanh vết bệnh bị nhăn nheo và quả bị rụng.

b) Biện pháp phòng trừ

- *Biện pháp canh tác:* Cần trồng cây với mật độ hợp lý (500-700 cây/ha), thiết kế giàn chanh leo cao hợp lý (1,8-2 m), thường xuyên vệ sinh vườn, loại bỏ các bộ phận bị bệnh và những cành kém hiệu quả để cây thông thoáng. Các bộ phận bị bệnh phải được thu gom và tiêu hủy cách xa vườn.

- *Biện pháp hóa học:* Hiện nay, trong danh mục thuốc BVTV được phép sử dụng tại Việt Nam, chưa có thuốc BVTV đăng ký trừ bệnh đốm nâu trên chanh leo. Do vậy, khi sử dụng thuốc BVTV cần phải tiến hành phun thử nghiệm trước. Một số hoạt chất thử nghiệm phun trừ. Một số hoạt chất phun thử nghiệm như *Azoxystrobin* (Azony 25SC, Trobin 250SC, Azony 25SC,...); *Azoxystrobin 200g/l + Difenoconazole 125g/l* (Moneys 325SC, Trobin top 325SC,...),...

3.7. Bệnh thán thư

a) Triệu chứng bệnh

- Bệnh xuất hiện và gây hại từ giai đoạn cây leo giàn đến khi đậu quả.

+ Ở giai đoạn cây leo giàn bệnh làm cây chậm phát triển cành lá, lóng ngắn lại, héo dần, khi bị nặng sẽ dẫn đến cây chết.

+ Ở giai đoạn cây hình thành quả, rụng lá cường độ cao, cành lá héo, trái có hiện tượng rụng trái non hoặc trái bị thối.

b) Biện pháp phòng trừ

- *Biện pháp canh tác:*

+ Cần trồng cây với mật độ hợp lý (500-700 cây/ha), thiết kế giàn chanh leo cao hợp lý (1,8-2 m), thường xuyên vệ sinh vườn, loại bỏ các bộ phận bị bệnh và những cành kém hiệu quả để cây thông thoáng.

+ Thường xuyên kiểm ra để sớm phát hiện bệnh, nếu phát hiện bệnh tiến hành cắt bỏ lá, cành và quả bị nhiễm bệnh.

- *Biện pháp hóa học:* Thường xuyên thăm vườn, khi phát hiện bệnh chớm phát sinh cần phun thuốc BVTV để phòng trừ. Sử dụng một số hoạt chất thuốc trong danh mục để phun phòng trừ bệnh thán thư như: *Chlorothalonil* (Daconil 75WP, 500SC).

3.8. Bệnh đốm xám

a) Triệu chứng bệnh

Bệnh tấn công các bộ phận lá, thân, và quả, gây hại nặng có thể làm rụng lá, rụng quả sớm dẫn đến giảm năng suất. Bệnh thường xuất hiện trong suốt mùa hè và mùa thu.

- Trên lá: Vết bệnh thường không có hình dạng cố định, chỉ là những đốm nhỏ màu nâu sáng, nhanh chóng lan rộng và làm lá rụng.

- Trên thân, vết bệnh xuất hiện tương tự như ở trên lá. Nhưng có đặc điểm vết bệnh thường lõm sâu vào trong thân.

- Trên quả, vết bệnh đầu tiên cũng là những đốm nhỏ, tương tự như trên lá và thân. Sau đó những đốm này tạo thành những vết thương tổn lớn gây nên hiện tượng rụng lá và quả.

b) Biện pháp phòng trừ

- *Biện pháp canh tác:* Cần trồng cây với mật độ hợp lý (500-700 cây/ha), thiết kế giàn chanh leo cao hợp lý (1,8-2 m), thường xuyên vệ sinh vườn, loại bỏ các bộ phận bị bệnh và những cành kém hiệu quả để cây thông thoáng. Các bộ phận bị bệnh phải được thu gom và tiêu hủy cách xa vườn.

- *Biện pháp hóa học:* Hiện nay, trong danh mục thuốc BVTV được phép sử dụng tại Việt Nam, chưa có thuốc BVTV đăng ký trừ bệnh đốm xám trên chanh leo. Do vậy, khi sử dụng thuốc BVTV cần phải tiến hành phun thử nghiệm trước. Một số thuốc thử nghiệm như *Azoxystrobin* (Azony 25SC, Trobin 250SC, Azony 25SC,...); *Azoxystrobin 200g/l + Difenoconazole 125g/l* (Moneys 325SC, Trobin top 325SC,...),...

3.9. Bệnh do Phytophthora sp. *(thối quả, rễ,...)*

a) Triệu chứng gây hại

- Bệnh gây hại trên tất cả các bộ phận của cây như lá, quả, thân, rễ, nụ...

- Khi bị nấm *Phytophthora nicotianae* gây ra, có một số biểu hiện triệu chứng sau:

+ Tàn lụi lá, cành nụ, quả; trên vết bệnh mới có thể quan sát thấy nấm.

+ Thối rễ: Cây bị bệnh phát triển kém, héo rũ và chết. Lá cây bị bệnh chuyển màu nâu sẫm, thấm đẫm nước, dễ rụng. Quả bị bệnh xuất hiện các vùng lớn mọng nước, dễ rụng và điều kiện ẩm ướt dễ mọc nấm trắng.

+ Cây chết.

+ Thối quả (một số tài liệu gọi là đốm loang hay đốm dầu): Ban đầu là một đốm nhỏ màu xanh tối.

b) Biện pháp phòng trừ

Các loại bệnh do nấm *Phytophthora* sp. gây ra rất khó phòng trừ. Cần thực hiện tốt một số biện pháp sau:

- *Biện pháp canh tác:* Bón phân cân đối, chọn giống tốt, chống chịu với sâu bệnh... vệ sinh đồng ruộng, thu dọn tàn dư các bộ phân bị nhiễm bệnh mang tiêu hủy.

- *Biện pháp sinh học*: Sử dụng vi sinh vật đối kháng. Hàng chục loài nấm và vi khuẩn đối kháng có khả năng ức chế Phytophthora. Một số đã có sản phẩm thương mại trên thị trường Việt Nam và thế giới; Thường sử dụng dưới dạng bón vào đất trước khi trồng như Nấm *Trichoderma* spp. (có nhiều sản phẩm tại Việt Nam) hoặc vi khuẩn: *Pseudomonas* spp., *Streptomyces* spp., *Bacillus subtilis*.

- *Biện pháp hóa học:* Nhìn chung kém hiệu quả, tuy nhiên khi cây chớm bị bệnh có thể phun trừ bằng một số hoạt chất có khả năng ức chế Phytophthora gồm *Fosetyl-aluminium* (Aliette 80 WP, 800 WG, Alpine 80 WP, 80WG,...); *Metalaxyl + MancoZeb* (Mexyl MZ 72WP, Ricide 72 WP, Ridomil Gold ® 68WG,...),...hoặc sử dụng dung dịch NaNo bạc chuyên dùng cho cây chanh dây.

3.10. Bệnh thối gốc (phình thân) do nấm Fusarium sp.

a) Triệu chứng bệnh

- Cây có hiện tượng thối gốc, phình gốc thân có thể gây chết cây.

- Biểu hiện đầu tiên là cây chanh leo bị vàng lá, cổ rễ chuyển thành màu nâu và nứt theo chiều dọc, dây leo bị héo rũ, sau đó chết toàn bộ cây. Khi chẻ thân cây bị bệnh, có hiện tượng các mô mạch dẫn nước chuyển thành màu nâu.

- Trên bề mặt vết bệnh có lớp nấm trắng (là sợi nấm + bào tử phân sinh nấm). Trên bề mặt vết bệnh cũ xuất hiện nhiều hạt đỏ nhỏ li ti là quả thể nấm.

b) Biện pháp phòng bệnh

+ Chọn cây giống khỏe, không nhiễm sâu bệnh hại.

+ Tuyệt đối không để cây bị úng nước.

+ Làm sạch đất trước khi tiến hành trồng bằng biện pháp dùng vôi khử trùng đất.

- *Biện pháp trừ bệnh:* Nhìn chung để trừ bệnh do nấm *Fusarium solani* rất kém hiệu quả. Trong danh mục thuốc BVTV hiện nay chưa có thuốc để trừ bệnh, tuy nhiên khi nhiễm bệnh giai đoạn đầu có thể sử dụng phun thử nghiệm bằng một số hoạt chất có khả năng ức chế tốt *Fusarium solani* như *Hexaconazol* (Anvil 5SC, Dibazole 5SC, 10SL, Chevin 5SC, 10SC, 40WG); Fosetyl-aluminium (Aliette 80 WP, 800 WG, Alpine 80 WP, 80WG,...); *Metalaxyl-M* (Ridomil Gold ® 68WG, Foraxyl 25 WP, 35WP,...).

3.11. Bệnh thối hạch

a) Triệu chứng bệnh

Trên thân: Vết bệnh lan rộng làm bong lớp vỏ, làm gãy đổ chồi non. Tại vị trí bị bệnh xuất hiện các hạch nấm màu đen.

Trên quả: Vết bệnh lan nhanh và có màu nâu nhạt bao phủ toàn bộ quả, cuối cùng trên quả sẽ hình thành các hạch nấm màu đen có nhìn thấy bằng mắt thường, lúc này trái sẽ bị rụng.

b) Biện pháp quản lý bệnh

- *Biện pháp canh tác:*

+ Cần trồng cây với mật độ hợp lý (500-700 cây/ha), thiết kế giàn chanh leo cao hợp lý (1,8-2 m), thường xuyên vệ sinh vườn, loại bỏ các bộ phận bị bệnh và những cành kém hiệu quả để cây thông thoáng.

+ Sau thu hoạch hoặc trước khi canh tác cần thu dọn, tiêu hủy tàn dư thực vật và làm sạch cỏ dại vì đây là nguồn lưu tồn và lây lan quan trọng nhất. Thu nhổ và tiêu hủy các cây đã biểu hiện triệu chứng nhiễm bệnh.

- *Biện pháp hóa học:* Hiện nay, trong danh mục thuốc BVTV được phép sử dụng tại Việt Nam, chưa có thuốc BVTV đăng ký trừ bệnh thối hạch trên chanh leo. Do vậy, khi sử dụng thuốc BVTV cần phải tiến hành phun thử nghiệm trước.

3.12. Bệnh cứng trái (hóa bần vỏ trái)

a) Triệu chứng bệnh

Trái bất bình thường, lốm đốm điển hình trên lá, lốm đốm vàng, chùn đọt, từng mảng trong suốt, đốm vòng trên lá, đốm vòng trên trái, chấm nhỏ trên trái, dạng lá dương sỉ, vàng chóp lá, lốm đốm trên cuống, phình to dây.

b) Biện pháp quản lý bệnh

Hiện nay đối với các loại vi rút gây bệnh trên các loại cây trồng chưa có thuốc đặc hiệu để phòng trừ, do vậy để phòng trừ bệnh cần sử dụng tổng hợp các biện pháp:

- Sử dụng cây giống sạch bệnh từ đơn vị sản xuất có uy tín thông qua ghép từ mắt, ghép, gốc ghép sạch bệnh được nhân trong nhà lưới chống côn trùng.

- Hạn chế sự lan truyền qua dụng cụ làm vườn, trong quá trình cắt tỉa từng cây cần có biện pháp xử lý tiệt trùng dụng cụ bằng xà phòng hoặc Na_2PO_4 (3%) để tránh lây nhiễm từ cây cây bị bệnh sang cây khỏe.

- Tránh trồng xen với cây trồng là ký chủ ưa thích của rầy mềm như cà tím, ớt, khoai tây, thuốc lá và dưa chuột.

- Vệ sinh vườn trồng, cắt tỉa chồi, lá bệnh, quả bệnh đem tiêu hủy, tưới đủ nước, giữ nước trong mùa khô, bón phân cân đối và hợp lý, tránh bón quá nhiều đạm nhất là trong mùa mưa.

3.13. Bệnh quăn lá

a) Triệu chứng bệnh

Bệnh xuất hiện với triệu chứng điển hình là lá bị quăn queo rất nặng, lá nhăn nheo và biến dạng, chiều dài lá, lóng thân bị ngắn lại. Lá bị giảm kích thước nghiêm trọng, thể hiện triệu chứng gân trong. Rìa lá bị uốn cong xuống, hướng vào bên trong. Lá trên cây bị bệnh có màu xanh đậm, trở nên dầy hơn và giòn.

b) Biện pháp phòng trừ

Hiện nay đối với các loại vi rút gây bệnh trên các loại cây trồng chưa có thuốc đặc hiệu để phòng trừ, do vậy để phòng trừ bệnh cần sử dụng tổng hợp các biện pháp:

- Sử dụng cây giống sạch bệnh từ đơn vị sản xuất có uy tín thông qua ghép từ mắt, ghép, gốc ghép sạch bệnh được nhân trong nhà lưới chống côn trùng.

- Hạn chế sự lan truyền qua dụng cụ làm vườn, trong quá trình cắt tỉa từng cây cần có biện pháp xử lý tiệt trùng dụng cụ bằng xà phòng hoặc Na_2PO_4 (3%) để tránh lây nhiễm từ cây cây bị bệnh sang cây khỏe.

- Tránh trồng xen với cây trồng là ký chủ ưa thích của rầy mềm như cà tím, ớt, khoai tây, thuốc lá và dưa chuột.

- Vệ sinh vườn trồng, cắt tỉa chồi, lá bệnh, quả bệnh đem tiêu hủy, tưới đủ nước, giữ nước trong mùa khô, bón phân cân đối và hợp lý, tránh bón quá nhiều đạm nhất là trong mùa mưa./.

CHI CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT SƠN LA

KẾT QUẢ PHÁT TRIỂN CÂY ĂN QUẢ TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA NĂM 2021

Ủy ban nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La

Thực hiện Chương trình công tác của Trung tâm Khuyến nông tỉnh, UBND huyện Mai Sơn báo cáo kết quả 5 năm thực hiện chủ trương phát triển cây ăn quả, như sau:

I. KẾT QUẢ PHÁT TRIỂN CÂY ĂN QUẢ

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tuyên truyền, vận động thực hiện

Ngay sau khi HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 15/3/2017 về thông qua Đề án phát triển cây ăn quả trên địa bàn tỉnh đến năm 2020. Huyện Mai Sơn đã chỉ đạo các phòng chuyên môn của huyện, UBND các xã rà soát, đánh giá, thống kê toàn bộ diện tích đất dốc hiện đang canh tác cây lương thực, các loại cây trồng kém hiệu quả trên địa bàn để tiến hành xây dựng kế hoạch chuyển đổi sang trồng các loại cây ăn quả có giá trị kinh tế cao, cụ thể đã ban hành các văn bản chỉ đạo như sau:

Ban Thường vụ huyện ủy ban hành Quyết định số 1945-QĐ/HU ngày 18/5/2018 về việc thành lập Ban chỉ đạo huyện về phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và chế biến, xuất khẩu các sản phẩm nông nghiệp; Quyết định số 2021-QĐ/HU ngày 03/6/2018 về việc thành lập Tổ công tác xuất khẩu sản phẩm quả; Thông báo số 1428-TB/HU ngày 03/5/2018 về việc đẩy mạnh sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp đặc sản gắn với phát triển du lịch trên địa bàn huyện. UBND huyện ban hành Kế hoạch số 73/KH-UBND ngày 30/3/2017 về tập trung chỉ đạo các phòng ban, đơn vị chuyên môn phối hợp với UBND các xã, thị trấn tổ chức rà soát về đất đai, khí hậu, nguồn nước; trình độ thâm canh, nguồn nhân lực, đăng ký nhu cầu thực hiện trồng cây ăn quả và cơ sở sản xuất và cung ứng giống cây ăn quả trên địa bàn huyện đảm bảo các điều kiện về kỹ thuật, cơ sở hạ tầng để sản xuất cây giống và lưu vườn cây giống theo đúng các quy định hiện hành; Kế hoạch số 153/KH-UBND ngày 25/06/2018 về triển khai thực hiện Đề án phát triển cây ăn quả trên địa bàn huyện Mai Sơn đến năm 2020 cùng với đó UBND huyện đã chỉ đạo thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 80/NQ-HĐND ngày 04/4/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La về việc Thông qua Đề án Phát triển cây ăn quả trên địa bàn tỉnh đến năm 2020.

Hàng năm, Thường trực huyện ủy, HĐND, UBND huyện đều tổ chức đối thoại với doanh nghiệp, hợp tác xã để kịp thời nắm bắt tình hình, nắm bắt tâm tư, nguyện vọng khó khăn vướng mắc của các đơn vị, từ đó có những chỉ đạo quyết liệt, kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc cho các doanh nghiệp, HTX.

2. Kết quả thực hiện chủ trương phát triển cây ăn quả

2.1. Phát triển cây ăn quả có giá trị kinh tế gắn với liên kết chuỗi sản xuất, chế biến, tiêu thụ và xuất khẩu sản phẩm

Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy về chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất dốc theo hướng phát huy lợi thế so sánh gắn với thị trường tiêu thụ sản phẩm, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp, huyện Mai Sơn xác định trồng cây ăn quả ứng dụng công nghệ cao trên đất dốc là khâu đột phá trong phát triển kinh tế nông lâm nghiệp nhằm phát huy hiệu quả kinh tế, tạo việc làm, bảo vệ môi trường sinh thái.

Trong giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn huyện tạo ra bước đột phá trong phát triển cây ăn quả, tổng diện tích cây ăn quả trên địa bàn huyện tính đến năm 2020 là: 10.565 ha, đạt 106,7% so với kế hoạch *(tăng 9.082 ha so với năm 2016),* sản lượng các loại quả thu hoạch trong 5 năm (2016-2020) ước đạt 116.630 tấn quả; trong 5 năm, thông qua các hợp tác xã, doanh nghiệp, trên địa bàn huyện đã xây dựng được trên 80 chuỗi liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ nông sản, thông qua các chuỗi liên kết sản xuất người dân yên tâm đầu tư sản xuất.

2.2. Tập trung cải tạo giống cây ăn quả trên địa bàn

Thực hiện Nghị quyết 28/2017/NQ-HĐND ngày 15/3/2017 của HĐND tỉnh Sơn La về quy định mức hỗ trợ cải tạo vườn tạp và trồng cây ăn quả trên địa bàn tỉnh, huyện đã hỗ trợ các hạng mục xây dựng vườn ươm để sản xuất giống cây lưu vườn cho 03 doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn huyện[1]; đến nay trên địa bàn huyện có hơn 20 cơ sở sản xuất, kinh doanh giống cây ăn quả, bình quân mỗi năm cung ứng khoảng 3,0 triệu cây giống chất lượng cao đáp ứng nhu cầu sản xuất cho nhân dân trên địa bàn huyện và các địa bàn lân cận cũng như xuất khẩu sang nước bạn Lào.

Trong sản xuất nông nghiệp, một trong yếu tố quyết định đến năng suất, sản lượng cũng như giá trị thu nhập trên đơn vị diện tích đó là chất lượng giống cây trồng; xác định được vai trò then chốt, hàng năm huyện Mai Sơn xây dựng kế hoạch, phối hợp với các sở, ngành của tỉnh và đơn vị liên quan thành lập các đoàn kiển tra giám sát, kiểm tra chặt chẽ các tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh giống cây trồng; kịp thời phát hiện và chấn chỉnh các đơn vị phạm quy định về sản xuất, kinh doanh; tuyên truyền, vận động chủ cơ sở hướng dẫn người dân về quy trình canh tác từng loại cây trồng khi mua giống tại cơ sở.

[1] Hợp tác xã Ngọc Lan xã Hát Lót, diện tích 5.700m^2; Hợp tác xã dịch vụ nhãn chín muộn, xã Chiềng Mung, diện tích 14.080 m^2; Công ty TNHH Mạnh Thắng, thị trấn Hát Lót, diện tích 10.360 m^2; số cây giống bình quân/vườn ươm đạt 1.900.000 cây/năm; Số kinh phí đã được hỗ trợ: 1,5 tỷ đồng, trong đó: Ngân sách tỉnh 400 triệu đồng; ngân sách huyện 1.100 triệu đồng

2.3. Tập trung đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất, bảo quản, chế biến quả

Ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất cây ăn quả: Thực hiện triết, ghép giống cây ăn quả chất lượng cao vào cải tạo chất lượng giống cây trồng với diện tích 1.483 ha; chuyển đổi 9.082 ha cây trồng kém hiệu quả sang trồng cây ăn quả với các cây mũi nhọn như: Xoài úc, Nhãn chín muộn, Bưởi da xanh, Thanh long ruột đỏ, Na Thái....; Ứng dụng hệ thống tưới phun tự động 187 ha; diện tích cây ăn quả được bọc trái khoảng 2.000 ha; bước đầu mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn từ 20 - 30%; nhiều diện tích cho sản phẩm và thu nhập cao từ 150,0 triệu đồng/ha/năm và có những diện tích cho thu nhập từ 1,0 tỷ đồng/ha/năm trở lên, điển hình như mô hình na hoàng hậu của Hợp tác xã Bảo Khánh xã Cò Nòi,..

Nhiều cơ sở, hợp tác xã, hộ gia đình đã lắp đặt hệ thống tưới nhỏ giọt, phun mưa cho diện tích cây ăn quả, qua đó đã tiết kiệm được nước tưới, giảm chi phí nhân công; năng suất, chất lượng sản phẩm tăng từ 15-20% so với diện tích tưới thủ công.

Diện tích nhà lưới, nhà kính: Tổng toàn huyện có 06 cơ sở thực hiện với diện tích 1 ha, tại các mô hình này cây trồng sản xuất chủ yếu là dâu tây, việc đầu tư xây dựng nhà lưới, nhà kính đã mang lại nhiều hiệu quả như: Tránh được nhiều loại sâu bệnh, dịch hại nên giảm thiểu được việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, tạo môi trường tốt cho cây trồng sinh trưởng và phát triển, tránh được tác hại xấu của thiên tai...

2.4. Đẩy mạnh xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu, chỉ dẫn địa lý, mã số vùng trồng

2.4.1. Công tác xúc tiến thương mại

Thực hiện kế hoạch của tỉnh về các hoạt động quảng bá, xúc tiến thương mại, những năm qua huyện Mai Sơn chủ động phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Công thương vận động các doanh nghiệp, HTX trên địa bàn huyện thực hiện các hoạt động xúc tiến thương mại, quảng bá giới thiệu các sản phẩm nông nghiệp trong và ngoài nước, cụ thể:

- Trưng bày, giới thiệu sản phẩm quả của huyện tại tuần Lễ nhãn và Nông sản an toàn năm 2018, năm 2019 tại Trung tâm thương mại Thành phố Sơn La *(Siêu thị Vinmart Sơn La);* Hội nghị xúc tiến tiêu thụ sản phẩm Nhãn Sơn La tại Showroom Trung tâm trải nghiệm hoa quả tỉnh Sơn La - Việt Nam *(thị xã Bằng Tường, Quảng Tây, Trung Quốc)*, chuỗi các hoạt động quảng bá, xúc tiến thương mại tại hệ thống các siêu thị Hà Nội: Tuần Lễ nhãn và Nông sản an toàn tỉnh Sơn La năm 2018, năm 2019 tại các siêu thị: BigC Thăng Long, Siêu thị LotteMart, Siêu thị VinMart, Siêu thị HaproMart; Hội nghị xúc tiến xuất khẩu Nhãn và Tuần lễ Nhãn, Nông sản an toàn tỉnh Sơn La năm 2018, năm 2019 tại Trung tâm xúc tiến thương mại - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Tham gia hội

nghị xúc tiến xuất khẩu và Hội chợ Nông sản an toàn và xuất khẩu tỉnh Sơn La năm 2018 tại huyện Mộc Châu; tham gia Ngày hội nhãn Sông Mã; năm 2020, trưng bày sản phẩm gắn với tuần lễ văn hóa *"Sắc màu Sơn La - Tây Bắc tại Thành phố Hà Nội"*, tham gia trưng bày giới thiệu tại đại hội Đảng bộ Sở Kế hoạch đầu tư, Đại hội Đảng bộ tỉnh Sơn La, tổ chức 26 gian hàng tại Đại hội Đảng bộ xã Chiềng Sung.

2.4.2. Xây dựng nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý; mã số vùng trồng cho cây ăn quả của địa phương

Phối hợp với các sở, ngành của tỉnh xây dựng và công bố nhãn hiệu chứng nhận "*Na Mai Sơn*" và Ngày hội nông sản năm 2018; tiếp tục rà soát, xây dựng nhãn hiệu cho các sản phẩm quả: Xoài, Nhãn, Thanh Long, Chanh leo...

Áp dụng quy trình sản xuất quả an toàn theo tiêu chuẩn VIETGAP quy mô 422 ha tại 31 Hợp tác xã và doanh nghiệp; sản lượng dự kiến mỗi năm cung ứng 4.188 tấn ra thị trường; thu nhập bình quân ước đat 400-600 triệu đồng/ha/năm; sản phẩm đáp ứng yêu cầu về an toàn thực phẩm.

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các đơn vị liên quan rà soát, đánh giá, cấp chứng nhận 19 mã vùng cho sản phẩm xoài, nhãn, chanh leo với tổng diện tích 1.126 ha[1]; Quy trình sản xuất theo tiêu chuẩn hữu cơ: triển khai thực hiện từ năm 2019 đến nay 6 Hợp tác xã đã được cấp giấy chứng nhận với tổng diện tích 30 ha[2]. Truy xuất nguồn gốc sảm phẩm: Hỗ trợ và vận động 29 đơn vị doanh nghiệp, hợp tác xã in và sử dụng tem truy suất nguồn gốc sản phẩm và mã QR-CODE.

2.5. Đẩy mạnh công tác tập huấn, chuyển giao kỹ thuật

Quá trình triển khai chủ trương phát triển cây ăn quả, huyện Mai Sơn đã tổ chức các đoàn tham gia học tập kinh nghiệm trong và ngoài tỉnh: Tổ chức làm việc với các doanh nghiệp, đơn vị về quy trình sản xuất, liên kết chuỗi tiêu thụ sản phẩm, ký kết liên kết chuyển giao ứng dụng tiến bộ khoa học trong việc rải vụ, kéo dài mùa vụ, ra hoa trái vụ

[1] Gồm:

- 08 mã số vùng trồng Xoài với diện tích 593 ha tại 7 Hợp tác xã: Hợp tác xã Thiên Tân, HTX Quý Liên, HTX Ngọc Lan, Hợp tác xã Nhãn chín muộn, HTX Quý Huy, Hợp tác xã Thanh Sơn, Hợp tác xã Ngọc Hoàng; sản lượng dự kiến mỗi năm cung ứng 7.700 tấn ra thị trường.

- 10 mã số vùng trồng Nhãn với diện tích 453 ha tại 7 Hợp tác xã: Hợp tác xã Ngọc Lan, Hợp tác xã Quý Liên, HTX cam Nà Sản; Hợp tác xã Nhãn chín muộn, HTX Quý Huy, HTX Đoàn Kết; Hợp tác xã Thanh Sơn; sản lượng dự kiến mỗi năm cung ứng 6.800 tấn ra thị trường.

- 01 mã số vùng trồng Thanh Long với diện tích 80 ha tại 01 Hợp tác xã Ngọc Hoàng xã Nà Bó, sản lượng dự kiến mỗi năm cung ứng 1.200 tấn ra thị trường.

[2] Gồm: (1) Mô hình sản xuất bưởi theo hướng hữu cơ 05 ha *(Hợp tác xã Ngọc Lan, xã Hát Lót)*; (2) Mô hình xoài theo hướng hữu cơ 05 ha *(Hợp tác xã Ngọc Lan, xã Hát Lót)*; (3) Mô hình sản xuất thanh long theo hướng hữu cơ 05 ha *(Hợp tác xã Ngọc Hoàng, xã Nà Bó)*; (4) Mô hình sản xuất chanh leo theo hướng hữu cơ 05 ha *(Hợp tác xã Chanh leo hữu cơ 666.28, xã Phiêng Pằn)*; (5) Mô hình sản xuất rau theo hướng hữu cơ 05 ha *(Hợp tác xã Nông nghiệp xanh 26/3 - xã Chiềng Ban)*; (6) Mô hình sản xuất na theo hướng hữu cơ 05 ha *(Hợp tác xã Mé Lếch, xã Cò Nòi)*; (7) Mô hình ủ phân hữu cơ 2.000 tấn *(20 Hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn huyện)*.

và kỹ thuật sản xuất các sản phẩm quả phục vụ xuất khẩu *(ký kết biên bản hợp tác với Công ty Green Path Việt Nam về hợp tác sản xuất quả Xoài xuất khẩu sang thị trường Mỹ năm 2019; biên bản Hợp tác với Viện cây ăn quả Miền Nam về chuyển giao quy trình kỹ thuật canh tác các loại cây ăn quả).*

Bên cạnh đó các Doanh nghiệp, HTX và hộ dân trên địa bàn huyện cũng đã chủ động đầu tư nhân lực, vật lực tổ chức các chuyến thăm quan, học tập kinh nghiệm trong việc sản xuất các loại cây ăn quả như: Xoài, Nhãn, Thanh Long, Na, Chanh leo, Cam bưởi... tại các tỉnh: Lạng Sơn, Quảng Ninh, Cần Thơ, Long An, Tiền Giang...

Quá trình triển khai huyện Mai Sơn chủ động mời các chuyên gia đầu ngành trong lĩnh vực nghiên cứu và phát triển cây ăn quả tổ chức tập huấn, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, quy trình canh tác đảm bảo các tiêu chuẩn phục vụ xuất khẩu *(Viện Khoa học kỹ thuật Nông nghiệp Miền Nam; Viện Cây ăn quả Miền Nam; Trung tâm phân tích và chứng nhận chất lượng sản phẩm nông nghiệp Hà Nội...).*

2.6. Hình thành và phát triển cơ sở thu mua, chế biến, bảo quản, tiêu thụ nông sản an toàn gắn với vùng nguyên liệu, đáp ứng được yêu cầu của thị trường trong và ngoài nước

Trên địa bàn huyện đã thu hút các doanh nghiệp đầu tư các nhà máy chế biến nông sản và quả gồm: Nhà máy Chế biến rau quả Doveco Sơn La của Công ty cổ phần Thực phẩm xuất khẩu Đồng Giao; Công ty cổ phần Mía đường Sơn La, Công ty cổ phần Cà phê Phúc Sinh, Công ty cổ phần Nông nghiệp Chiềng Sung, Chi nhánh công ty cổ phần Tinh bột sắn Phú Yên - Nhà máy tinh bột sắn Sơn La; Công ty cổ phần BHL, Công ty TNHH Một thành viên Mắc-ca Đạt Thủy, Công ty TNHH Mạnh Thắng,

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Thuận lợi

Quá trình triển khai thực hiện chủ trương của Ban Thường vụ tỉnh ủy về phát triển cây ăn quả, phát triển hợp tác xã nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, tạo điều kiện của Thường trực Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh và các sở ngành của tỉnh; tỉnh có cơ chế, chính sách cho việc hỗ trợ phát triển, thu hút được sự đầu tư của các doanh nghiệp, HTX và người dân đầu tư cho phát triển diện tích, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất, nâng cao chất lượng, số lượng sản phẩm, từng bước khẳng định vai trò, vị trí trên thị trường trong và ngoài nước.

Sự quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời của Thường trực, Ban Thường vụ huyện ủy, HĐND-UBND huyện, sự vào cuộc với quyết tâm cao của doanh nghiệp, hợp tác xã và người dân trong việc triển khai thực hiện chủ trương của tỉnh, từ đó góp phần quan trọng trong giải quyết việc làm tăng thu nhập, từng bước xóa đói giảm nghèo, chuyển đổi cơ

cấu cây trồng, thúc đẩy, hoàn thành các nhiệm vụ, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện.

Điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng của huyện Mai Sơn nhìn chung rất thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp nói chung và các loại cây ăn quả nói riêng...việc phát triển diện tích cây ăn quả được người dân, các doanh nghiệp, HTX đồng thuận triển khai thực hiện, ngoài mục đích phát triển kinh tế còn làm tăng độ che phủ, chống sói mòn, bảo vệ môi trường.

2. Khó khăn, vướng mắc

Một số hộ dân còn chậm trong việc đổi mới, tiếp thu tiến bộ khoa học vào sản xuất nông nghiệp, nhận thức, ý thức của một số người dân trong sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, thuốc trừ cỏ còn hạn chế, dẫn đến hiệu quả sản xuất không cao, gây ô nhiễm môi trường; chưa hình thành nhiều chuỗi liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm; sản xuất không tập trung, sản xuất chưa chuyên môn hóa, việc xen canh các loại cây ăn quả trên cùng diện tích còn khá phổ biến.

Diện tích canh tác cây ăn quả tập trung lớn chưa chủ động được nguồn nước tưới, nước tưới phụ thuộc chủ yếu vào điều kiện tự nhiên dẫn đến năng xuất, chất lượng sản phẩm quả chưa cao. Việc đầu tư trang thiết bị sơ chế, chế biến sản phẩm sau thu hoạch đòi hỏi nguồn vốn lớn, đây là khó khăn, thách thức với các hộ dân hiện nay, bên cạnh đó số lượng các doanh nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn huyện còn ít, chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế của huyện.

Công tác xúc tiến, quảng bá tiêu thụ sản phẩm chưa được triển khai thường xuyên; sản phẩm tiêu thụ chủ yếu là quả tươi, hoạt động sơ chế, bảo quản còn hạn chế, chưa hình thành các đầu mối thu mua quy mô lớn, chợ giao dịch hoa quả; việc phát triển thương hiệu, nhãn hiệu cho các loại cây ăn quả, sự liên kết giữa hợp tác xã với nông dân còn thấp, giữa nông dân với nông dân còn hạn chế. Việc ứng dụng khoa học, kỹ thuật công nghệ cao tạo ra sản phẩm có năng suất cao, tuy nhiên vẫn chưa đáp ứng được các tiêu chuẩn kỹ thuật để vào thị trường của các nước khó tính, sản phẩm chủ yếu mới tiêu thụ tại thị trường trong nước và xuất sang thị trường Trung Quốc

3. Nguyên nhân

Là huyện miền núi giao thông đi lại còn gặp nhiều khó khăn, thiên tai thường xuyên xảy ra, trình độ dân trí không đồng đều, đời sống của một số hộ dân còn gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là các xã vùng đặc biệt khó khăn; một số người dân vẫn còn lạm dụng thuốc bảo vệ thực vật trong canh tác nông nghiệp, tiềm ẩn nguy cơ ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe người sản xuất và chất lượng nông sản; trình độ của hầu hết người dân các xã vùng II, vùng III còn nhiều hạn chế, khả năng tiếp cận với tiến bộ khoa học còn chậm, dẫn đến hiệu quả hoạt động và việc ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất của đơn vị chưa cao.

Dân cư thưa, nguồn vốn đầu tư vào kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển nông nghiệp yêu cầu lớn, trong khi nguồn vốn hỗ trợ của Nhà nước còn hạn chế dẫn đến việc đầu tư gặp nhiều khó khăn; thiếu vốn đầu tư trong sản xuất nông nghiệp cũng là một nguyên nhân dẫn đến hạn chế cho việc phát triển, ứng dụng công nghệ vào sản xuất.

Sự liên kết giữa các HTX còn hạn chế, dẫn đến chưa tạo cánh đồng mẫu lớn, chưa tạo ra lượng hàng hóa tập trung sản xuất theo quy mô lớn, tăng sức cạnh tranh trên thị trường.

III. BÀI HỌC KINH NGHIỆM

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện chủ trương phát triển cây ăn quả được triển khai đồng bộ từ huyện tới cơ sở; sự vào cuộc của cấp ủy, chính quyền, sự đồng thuận của cán bộ, đảng viên và người dân trong quá trình triển khai thực hiện.

2. Cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện có hiệu quả chính sách hỗ trợ khuyến khích các doanh nghiệp, HTX và người dân đầu tư phát triển cây ăn quả ứng dụng công nghệ cao.

3. Đổi mới hình thức tổ chức sản xuất, nòng cốt là phát triển Hợp tác xã, phát huy vai trò trong việc làm đầu mối thực hiện nhiệm vụ sản xuất, liên kết tiêu thụ sản phẩm, ổn định thu nhập cho các hộ thành viên.

4. Tập trung chỉ đạo đẩy mạnh hoạt động ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, hướng dẫn người dân thực hiện đúng quy trình kỹ thuật canh tác, hỗ trợ liên kết trong sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm, định hướng phát triển theo chiều sâu đó là tăng năng suất, chất lượng sản phẩm quả.

5. Thực hiện có hiệu quả công tác xúc tiến thương mại, giới thiệu, quảng bá các sản phẩm nông nghiệp đặc trưng của huyện đối với thị trường trong và ngoài nước; tăng cường đầu tư cho hoạt động sơ chế, chế biến và đóng gói sản phẩm, mẫu mã gắn với nhãn hiệu, thương hiệu sản phẩm.

6. Đối với người nông dân cần có sự thay đổi về tư duy sản xuất kinh doanh, đầu tư ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, chủ động tiếp cận, học hỏi các nông hộ điển hình tiên tiến trên địa bàn; một bộ phận nông hộ đã hình thành liên kết với nhau nhằm bảo đảm lợi ích nhà xuất, người tiêu dùng; tuân thủ nghiêm ngặt về kỹ thuật canh tác và sử dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật theo đúng hướng dẫn của các cơ quan chuyên môn.

IV. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÂY ĂN QUẢ GIAI ĐOẠN 2021-2025

1. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện chủ trương tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững; thúc đẩy tăng trưởng xanh; xây dựng huyện Mai Sơn phát triển nhanh và bền vững. Đẩy mạnh các biện pháp thâm canh, áp dụng khoa học công nghệ cao nhằm tăng năng suất, chất lượng, giảm giá thành

sản phẩm. Tiếp tục chuyển đổi diện tích kém hiệu quả sang trồng cây ăn quả, phấn đấu đến năm 2025 huyện Mai Sơn có 11.500 ha diện tích cây ăn quả.

2. Tiếp tục rà soát, phối hợp với các sở ngành của tỉnh bổ sung quy hoạch các loại cây trồng có giá trị kinh tế cao, giống cây ăn quả phù hợp với điều kiện địa phương, hình thành vùng sản xuất chuyên canh tập trung phát triển các mô hình trồng cây ăn quả, vùng nguyên liệu cho các nhà máy; chủ động phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan rà soát, cấp chứng nhận VietGap, GlobalGap, sản phẩm hữu cơ, chứng nhận an toàn thực phẩm cho các doanh nghiệp, hợp tác xã; cấp mã số vùng trồng, chứng nhận nhãn hiệu cho các sản phẩm của huyện.

3. Lồng ghép các nguồn vốn đầu tư của nhà nước và tạo mọi điều kiện thuận lợi để hỗ trợ, khuyến khích các doanh nghiệp, hợp tác xã đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh, ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ vi sinh, công nghệ bảo quản, chế biến sau thu hoạch, sản xuất theo hướng hữu cơ, tạo ra các sản phẩm chất lượng cao đáp ứng nhu cầu thị trường nội địa và xuất khẩu.

4. Tập trung triển khai có hiệu quả kế hoạch xuất khẩu các sản phẩm nông sản trên địa bàn huyện; chủ động phối hợp với các sở, ngành của tỉnh, các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại, mở rộng các thị trường tiêu thụ sản phẩm nông sản./.

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA

KẾT QUẢ VÀ ĐỊNH HƯỚNG ĐẦU TƯ, PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT VÙNG NGUYÊN LIỆU, CHẾ BIẾN, TIÊU THỤ SẢN PHẨM

Công ty cổ phần TPXK Đồng Giao Chi nhánh Sơn La

I. VÙNG NGUYÊN LIỆU

1. Kết quả triển khai (số liệu tính đến 20/11/2021)

ĐVT: ha

Địa điểm	Vùng NL thuê đất SX	Vùng NL liên kết SX	Vùng NL bao tiêu SP	Cộng
1. Các tỉnh Tây Nguyên và Tây Nam Bộ	1.950	5.165	6.100	13.215
2. Các tỉnh đồng bằng sông Hồng và miền Trung	3.250	6.890	4.200	14.340
3. Các tỉnh Tây Bắc	52	490	2.300	2.842
Cộng	**5.252**	**12.545**	**12.600**	**30.397**

2. Định hướng đến 31/12/2022

Địa điểm	Vùng NL thuê đất SX	Vùng NL liên kết SX	Vùng NL bao tiêu SP	Cộng
1. Các tỉnh Tây Nguyên và Tây Nam Bộ	2.500	7.000	6.500	16.000
2. Các tỉnh đồng bằng sông Hồng và miền Trung	3.250	8.000	4.200	15.450
3. Các tỉnh Tây Bắc	2.000	7.300	3.500	12.800
Cộng	**7.750**	**22.300**	**14.200**	**44.250**

II. CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN

Doveco đang sở hữu 02 trung tâm chế biến rau quả: (i) Doveco Ninh Bình công suất 30.000 tấn sản phẩm/năm; (ii) Doveco Gia Lai công suất 52.000 tấn sản phẩm/năm. Hiện nay, Doveco đang triển khai xây dựng Trung tâm Chế biến Rau quả Doveco Sơn La tại xã Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Dự kiến, quý I/2022 Doveco Sơn La với công suất 52.000 tấn sản phẩm/năm sẽ đi vào hoạt động đồng bộ. Các sản phẩm Doveco đang chế biến: dứa, chanh leo, ngô ngọt, đậu tương rau, rau chân vịt, xoài, khoai môn, khoai lang Nhật, cà tím, hành, hẹ, măng Bát Độ...

Các dây chuyền sản xuất: Cô đặc, IQF, đồ hộp, nước quả tự nhiên.

III. THỊ TRƯỜNG

1. Thị trường nội tiêu

- Các dòng sản phẩm chính:

+ Nước ép trái cây.
+ Sản phẩm đóng hộp.
+ Sản phẩm IQF.
+ Nước quả cô đặc và NFC.
+ Rau quả tươi.

- Tiêu thụ qua các kênh bán hàng truyền thống, qua các đại lý, nhà bán buôn, nhà bán lẻ, siêu thị.

2. Thị trường xuất khẩu

Các dòng sản phẩm chính:

+ Rau quả tươi.
+ Sản phẩm IQF.
+ Nước quả cô đặc và NFC.
+ Sản phẩm đồ hộp.

Thị trường xuất khẩu chính: Nhật Bản, Trung Quốc, EU, Hoa Kỳ, Ixraen, các nước Trung Đông./.

CÔNG TY CỔ PHẦN TPXK ĐỒNG GIAO - CHI NHÁNH SƠN LA

HIỆU QUẢ VÀ ĐỊNH HƯỚNG TRONG PHÁT TRIỂN VÙNG NGUYÊN LIỆU CÀ PHÊ CHẤT LƯỢNG CAO ĐỊNH HƯỚNG XUẤT KHẨU

Hợp tác xã ARA-TAY COFFEE

I. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ

Sơn La và đặc biệt là vùng Mai Sơn là một trong những nơi sản xuất cà phê lớn nhất tại Việt Nam. Với bề dày truyền thống lâu đời canh tác cà phê Arabica, bà con tại Chiềng Chung luôn trăn trở với mối quan tâm lớn - làm sao làm ra hạt Cà phê có chất lượng thật tốt và cây cà phê có thể mang lại giá trị kinh tế tốt nhất một cách bền vững, phục vụ cuộc sống cho bà con dân bản ngày càng tốt hơn.

Mang trong mình nỗi trăn trở đó, khi được học hỏi về phương thức sản xuất hạt cà phê với chất lượng cao, với sự hỗ trợ tận tâm từ Sở Nông nghiệp và PTNT, Trung tâm Khuyến nông tỉnh, các cơ quan, ban ngành và Tổ chức Care quốc tế tại Việt Nam hỗ trợ, chúng tôi đã dần tìm hiểu và hình thành nên mô hình canh tác, thu hái, lựa chọn và chế biến hạt cà phê nhân mà ARA TAY COFFEE theo đuổi ngày hôm nay. Hình thành mô hình Hợp tác xã Ara Tay Coffee chế biến cà phê chất lượng cao.

Ý nghĩa tên của Hợp tác xã: "ARA" là arabica, "Tay" trong tiếng dân tộc Thái dịch ra tiếng phổ thông là Thái, tên HTX có ý nghĩa là cà phê arabica của người Thái, nhằm giới thiệu rộng rãi sản phẩm cà phê của địa phương ra thị trường.

II. THỰC TRẠNG SẢN XUẤT CÀ PHÊ CỦA HTX ARA TAY COFFEE

1. Thực trạng sản xuất của HTX Ara Tay Coffee

Hiện nay, Hợp tác xã có 14 thành viên, trong đó có 9 thành viên nữ và 5 thành viên là nam giới, Hợp tác xã đang định hướng sản xuất chế biến theo cà phê đặc sản bao gồm hai dòng sản phẩm chính là Honey và Natural với hai cơ sở chế biến chính, Cơ sở 1 là ở bản Lọng Nghịu, xã Chiềng Chung; Cơ sở 2 là ở Bản Ngòi xã Chiềng Chung với tổng số 10 nhà màng và tổng diện tích hơn 1.000m². Tính đến nay Hợp tác xã đã bước vào sản xuất được hai năm với sản lượng năm 2019-2020 đạt trên 30 tấn quả tươi, thóc Honey đạt hơn 6 tấn; Quả khô Natural đạt gần 2 tấn; Thóc full wash đạt 3 tạ. Niên vụ 2020 - 2021: Thóc Honey đạt hơn 2 tấn; Quả khô Natural đạt hơn 2 tấn. Trong năm 2020, Hợp tác xã đã tham dự cà phê đặc sản Việt Nam Amazing cup 2020 với hai dòng sản phẩm Honey và Natural đều đạt cà phê đặc sản. Sản phẩm Natural lọt vào Top 7 với số điểm 82.71/100 và Honey đạt Top 10 với số điểm 81.83/100 trong tổng số 56 đơn vị dự thi. Dự kiến niên vụ

2021 - 2022 Hợp tác xã dự kiến sẽ sản xuất trên 50 tấn quả tươi sản xuất hai dòng sản phẩm Honey và Natural để đáp ứng nhu cầu của khách hàng.

Trong những năm vừa qua, Hợp tác xã đã kết nối với các nhà rang xay để thương lượng giá và ký kết hợp đồng để bán sản phẩm. Hiện tại sản phẩm cà phê của HTX đã được ký hợp đồng bán nhân xanh cho các nhà rang xay lớn chủ yếu ở Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh. Một số ít HTX để bán hàng rang xay cho các thị trường bán lẻ làm quà tặng và cho các cá nhân. Kênh bán hàng của HTX: Đối với các nhà rang xay lớn sẽ liên hệ trực tiếp qua Số điện thoại của giám đốc HTX còn đối với thị trường bán lẻ chủ yếu liên hệ qua trang Web hoặc Fanpage của HTX. Khi nhận được đơn hàng các chị em HTX sẽ phân công nhau thực hiện các khâu nhặt nhân xanh đến rang và đóng thành phẩm cho khách hàng để đảm bảo cung ứng hàng cho thị trường. Từ khi bắt đầu bán sản phẩm đến nay HTX đã tiếp cận được hơn 30 khách hàng là các nhà rang xay lớn và gần khoảng 500 khách hàng mua lẻ. Mục tiêu của năm 2021-2022 của Hợp tác xã duy trì được lượng khách hàng tiềm năng và tiến tới mở rộng thị trường trong nước và mang sản phẩm cà phê chất lượng cao đến với người tiêu dùng.

Nhờ Tổ chức CARE Quốc tế tại Việt Nam, đã luôn quan tâm, đầu tư và tạo điều kiện cho chị em phụ nữ tham gia các hoạt động phát triển sinh kế, tăng cường hiểu biết của chị em và gia đình về các vấn đề liên quan tới quyền của phụ nữ. Nhờ Tổ chức Care đã tạo định hướng phát triển cà phê chất lượng cao cho chị em phụ nữ để thành lập HTX và sản xuất chế biến cà phê đặc sản như ngày hôm nay.

Sự hỗ trợ tích cực của các Sở, ban ngành trong công tác nâng cao năng lực kỹ thuật chế biến cà phê chất lượng cao, tạo điều kiện giúp đỡ, kết nối Ara Tay với các nhà tài trợ để thúc đẩy mở rộng thị trường, cùng sự chủ động, nỗ lực của các chị em HTX trong công tác quảng bá, marketing, định vị thương hiệu đã giúp các sản phẩm cà phê chất lượng cao của HTX ngày càng khẳng định được vị trí trên thị trường trong nước.

2. Quá trình sản xuất chế biến cà phê chất lượng cao

Khi bắt tay vào xây dựng thương hiệu Ara-Tay Coffee, bà con nơi đây đã thay đổi thói quen từ " hái xô" hái lẫn tất cả quả chín, xanh, non, ương... sang "hái chọn" quả cà phê chín 100% đạt đủ độ đường để đảm bảo là những quả cà phê chín mọng, ngọt từ trong quả. Rồi thay đổi cả cách vận chuyển, đóng gói, rửa quả,... dù đòi hỏi nhiều công sức và nhiều thời gian hơn nhưng việc hái chọn mang lại thu nhập cao hơn và đều đặn cao hơn cho bà con nơi đây.

Ở mỗi công đoạn của sản xuất chế biến cà phê, người phụ nữ đóng vai trò không thể thiếu từ thu hái đến sản xuất chế biến cà phê Arabica Sơn La. Hình ảnh của họ đã trở thành một nét đặc trưng của vùng đất cà phê Sơn La này. Với cách thu hái tỉ mỉ, chậm lại

hái từng quả một, chọn hái những quả cà phê chín đỏ, đủ độ đường, với bà con nơi đây làm chậm lại một chút nhưng chất lượng tốt hơn rất nhiều. Khi thu hoạch về thì sẽ nhặt sạch quả ương một lần nữa, sau đó đem đi rửa sạch cho vào ủ lên men hiếm khí rồi đem đi phơi. Tuỳ thuộc dòng sản phẩm Honey hay Natural bà con sẽ có phương pháp chế biến khác nhau để ra được những hương vị tự nhiên khác nhau. Mỗi một công đoạn sản xuất người phụ nữ luôn rất tỉ mỉ từng chút một để tạo ra một sản phẩm chất lượng cao đến với người tiêu dùng. Với mong muốn khi khách hàng thưởng thức cà phê do chính tay người phụ nữ Thái nơi đây sản xuất cũng sẽ cảm nhận được sự tỉ mỉ, cần cù, chịu khó, và tình cảm của bà con gửi gắm vào trong từng ly cà phê.

Trong quy trình sản xuất mới, không có thứ gì bị bỏ phí: Vỏ cà phê được chế biến thành trà cascara hoặc ủ làm phân bón. Sản phẩm như thế này góp phần tăng thêm thu nhập cho bà con. Quy trình chế biến ướt (Full wash) đã được thay thế bởi một phương chế biến khác đó là chế biến mật ong (Honey), và chế biến theo phương pháp tự nhiên (Natural) nhằm đảm bảo mùi vị tự nhiên của hạt cà phê, tiết kiệm nước và thân thiện môi trường.

Từ ngày bắt tay vào sản xuất cà phê Arabica chất lượng cao, thói quen uống cà phê dần hình thành. Từ chỗ chỉ thỉnh thoảng uống cà phê hoà tan thì giờ đây chị em phụ nữ trong HTX và bà con nơi đây đã có thể thử nếm và biết đến chất lượng cà phê của mình trồng. Trước đây, khi nói đến uống cà phê mọi người thường cho rằng cà phê rất đắng và mọi người ngại vị đắng ấy nhưng khi được thưởng thức cà phê do chính mình làm ra thì họ lại bất ngờ khi cảm nhận được rõ các vị trong cà phê "Chua thanh, đắng nhẹ" và nhiều hương vị trái cây phong phú. Cũng bởi thế mà những người phụ nữ Thái nơi đây càng nhiệt huyết đam mê với trồng và sản xuất chế biến cà phê.

3. Thuận lợi và khó khăn của HTX Ara Tay Coffee trong quá trình sản xuất chế biến cà phê đặc sản

**** Thuận lợi:***

Hợp tác xã Ara Tay Coffee tham gia sản xuất vào cà phê đặc sản. Trong quá trình sản xuất chế biến HTX có được các điểm thuận lợi như sau:

Nằm trong vùng nguyên liệu. Gần một nửa sản lượng cà phê Arabica của Việt Nam được trồng ở Sơn La, tập trung vào vùng Chiềng Chung và Mường Chanh. Người Pháp đã mang Arabica đến đây từ cuối thế kỷ 19. Nhưng phải đến mãi gần đây, Arabica Sơn La mới dần lộ diện. Sơn La nói chung và Chiềng Chung nói riêng là vùng trồng nhiều cà phê Arabica nhờ có khí hậu và thổ nhưỡng phù hợp, những cây cà phê được trồng ở đất đỏ bazan được trồng ở trên đồi núi cao từ 1000m đến 1200m so với mực nước biển với nhiệt độ chênh lệch giữa ngày và đêm là 10°C điều đo làm cho cà phê nơi đây có vị ngọt

và giữ được hương vị tự nhiên hoa quả phong phú. Đến nay, xã Chiềng Chung có gần 700 ha cây cà phê; trong đó, khoảng 450 ha cho thu hoạch quả. Cây cà phê đang là cây trồng chủ lực mang lại thu nhập và động lực chính thúc đẩy chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã. Với điều kiện như vậy Hợp tác xã Ara tay rất thuận lợi khi lấy chính vùng nguyên liệu của mình làm vùng nguyên liệu chính để sản xuất chế biến cà phê đặc sản.

Hợp tác xã Ara Tay Coffee là hợp tác xã cà phê phụ nữ và nhận được sự hỗ trợ từ các tổ chức, các sở ban ngành đoàn thể, chính quyền địa phương tạo điều kiện thuận lợi để sản xuất chế biến cà phê theo hướng đặc sản. Hợp tác xã được tham gia nhiều lớp tập huấn kỹ thuật chăm sóc và chế biến cà phê, được đi tham quan học hỏi, trưng bày sản phẩm ở các sự kiện điều đó giúp HTX nâng cao kiến thức cũng như học hỏi kinh nghiệm trong sản xuất và chế biến cà phê đặc sản. Nhờ những sự định hướng đó HTX thuận lợi trong việc sản xuất về chế biến cà phê đặc sản đưa sản phẩm cà phê của mình đến với người tiêu dùng.

**** Khó khăn thách thức:***

Với những điều kiện tự nhiên thuận lợi để cho quá trình sản xuất chế biến cà phê đặc sản của HTX để HTX có thể nâng cao chất lượng cà phê của mình. Tuy nhiên song song với mặt thuận lợi đó thì HTX cũng gặp phải những yếu tố ảnh hưởng gây khó khăn cho việc chế biến cà phê đặc sản.

Ở nơi đây, cà phê trồng từ mấy chục năm trước nên hái cà phê chủ yếu bà con hái xô lẫn quả xanh, ương, non, chín với nhau. Chính thói quen đó gây khó khăn cho HTX khi chế biến cà phê chất lượng cao là hái chọn quả chín 100% đạt đủ độ đường, để hái chín được như vậy bà con phải hái từng quả một và tốn nhiều công hơn hái xô. Thay đổi từ thói quen hái xô sang hái chọn là cả một quá trình lâu dài để mọi người có thể làm quen và trải qua các lớp tập huấn kỹ thuật thu hái mới có thể hái được. Nên việc nhập nguyên liệu đầu vào của cà phê đặc sản rất cần sự tỉ mỉ và kỹ lưỡng.

Hợp tác xã mới hoạt động sản xuất kinh doanh cà phê được hai năm nên vẫn còn khó khăn về trang thiết bị máy móc chuyên dụng để sản xuất, chủ yếu HTX đang sản xuất thủ công. Điều này cũng làm hạn chế sản lượng HTX chế biến theo chất lượng cao khó khăn để đáp ứng được hết nhu cầu cà phê lớn của khách hàng.

Hợp tác xã chế biến cà phê đặc sản, thương hiệu Ara Tay là một thương hiệu mới được xây dựng còn mới lạ trên thị trường nên sức cạnh tranh còn hạn chế. Giá cả cà phê trên thị trường không ổn định. Hiện tại các khách hàng của HTX mới chỉ chủ yếu ở thị trường trong nước, điều này đòi hỏi HTX phải cố gắng nhiều hơn nữa để có thể đem sản phẩm của mình đến với tay người tiêu dùng không chỉ thị trường trong nước mà còn ra thị trường quốc tế.

Hợp tác xã Ara Tay Coffee là hợp tác xã do phụ nữ khởi nghiệp và thành lập ở trên chính vùng đất này, đóng vai trò là những người tiên phong và năng lực điều hành quản lý HTX còn hạn chế. Ban quản lý HTX phải vừa làm vừa học hỏi để trau dồi kiến thức cho bản thân và cả hợp tác xã.

III. HIỆU QUẢ VÀ ĐỊNH HƯỚNG CỦA HTX PHÁT TRIỂN VÀ MỞ RỘNG

1. Hiệu quả mà chế biến cà phê chất lượng cao mang lại

Trải qua gần hai năm hoạt động, đến hôm nay, chúng tôi đã có thể tự tin rằng mình đang làm chủ mô hình sản xuất có tính bền vững cao, chất lượng sản phẩm tốt, thu nhập của các hộ thành viên Hợp tác xã từ cây cà phê được cải thiện. Thông qua đó, không chỉ cuộc sống mà cả sự tự tin và tiếng nói của phụ nữ trong gia đình và cộng đồng cũng được nâng cao.

Cà phê không đơn thuần chỉ là thức uống mà còn đem lại lợi ích kinh tế cao và hiệu quả. Ara Tay không chỉ là cơ hội đổi đời từ quy trình sản xuất cà phê đặc sản bền vững, mà nó còn là tình yêu với cây cà phê và sự khẳng định vai trò của người phụ nữ Thái trong cộng đồng. Khi hình thành HTX và chế biến cà phê đặc sản phụ nữ nơi đây được làm chủ kinh tế, làm chủ mô hình kỹ thuật chế biến cà phê, tự tin đưa sản phẩm do chính mình làm ra đến với người tiêu dùng. Mang lại nguồn thu nhập ổn định cho các thành viên HTX cũng như cho bà con trong địa phương, từ đó đời sống bà con nơi đây được cải thiện rõ rệt. Những lứa cà phê sạch đã được thu hoạch bởi chính tay của những người nông dân, bà con ai cũng phấn khởi dù biết con đường phía trước còn rất dài. Từng bước cải thiện chất lượng cà phê và hy vọng về một tương lai tử tế, tốt đẹp nhờ cây cà phê Arabica.

Khi tham gia sản xuất chế biến theo định cà phê chất lượng cao với hai dòng sản phẩm sản xuất theo phương pháp tự nhiên là chế biến mật ong (Honey) và Chế biến tự nhiên (Natural) là hai phương pháp chế biến thân thiện với môi trường. Ngoài đem lại hiệu quả về kinh tế về tinh thần cho bà con thì chế biến cà phê chất lượng cao còn góp phần bảo vệ môi trường vì hoàn toàn không có chất thải, HTX phơi nguyên trái và chế biến Honey không loại bỏ lớp nhớt của cà phê giữ cho cà phê có được hương vị tự nhiên với hương vị hoa quả đa dạng và phong phú. Với vỏ cà phê khi sản xuất Honey bà con không thải ra bên ngoài mà bà con tận dụng để làm trà cascara rất thích hợp cho những người hay uống trà vì nó mang vị ngọt thanh của cà phê chín đỏ đạt đủ độ đường.

2. Định hướng của hợp tác xã phát triển và mở rộng

Chính sự hiệu quả của chế biến cà phê chất lượng cao mang lại. Hợp tác xã Ara Tay Coffee đã và đang phát triển theo hướng cà phê đặc sản, chế biến cà phê bền vững và thân thiện với môi trường. Từ đó, có các định hướng như sau:

- Một là tiếp tục phát triển cà phê theo hướng đặc sản, thân thiện môi trường, bền vững.

- Hai là mở rộng các nhà màng sản xuất cho các hộ vệ tinh để nâng cao năng lực sản xuất của HTX để đáp ứng nhu cầu của khách hàng.

- Ba là tạo thương hiệu riêng và phát triển quảng bá thương hiệu đến với người tiêu dùng.

Mục tiêu hướng tới trong những năm sắp tới HTX sẽ sản xuất mở rộng thị trường không chỉ trong nước mà còn xuất khẩu ra thị trường quốc tế. Đưa sản phẩm Ara Tay Coffee lên sàn thương mại điện tử trong nước và quốc tế.

Sự hình thành và bước đầu hoạt động hiệu quả của hợp tác xã Ara Tay là minh chứng rõ nét nhất cho suy nghĩ phụ nữ có thể làm được, và làm rất tốt nhiều công việc tưởng chừng khó khăn và gian nan. Dẫu biết rằng, con đường phía trước vẫn còn dài để vươn tới những tầm cao hơn nhưng chúng tôi vui mừng vì ARA TAY - giấc mơ nâu đã thành hiện thực. Chúng tôi có đủ niềm tin để tiếp tục chèo lái con thuyền ARA TAY hướng về phía trước vươn xa ra ngoài thị trường thế giới. Người Pháp mang cà phê Arabica đến Sơn La. Giờ đã đến lúc người Sơn La mang những hạt cà phê tử tế nhất đến người tiêu dùng Việt Nam và Quốc tế./.

HỢP TÁC XÃ ARA TAY COFFEE